


V
Giáo sư ĐÀO XUÂN SÂM

mấy nhận thức về

KIỆN
KINH TẾ
MỚI

ở nước ta

1989

 NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃY NHÂN THỨC NỀN KINH TẾ MỚI Ở NƯỚC TA¹

LỜI NÓI ĐẦU

Thực tiễn sinh động, phong phú, phức tạp và gay cấn của công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay, xét riêng trong lĩnh vực kinh tế, đã và đang đặt ra hàng loạt vấn đề cực kỳ mới mẻ và khác lạ đối với công tác lý luận.

Nền kinh tế mới đang trong quá trình ra đời, tự đổi mới để phát triển. Trên thực tế, cả chục năm nay đã xuất hiện nhiều nhân tố mới phù hợp định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời những cái đã sinh ra trong chính sách và cơ chế cũ vẫn còn nhiều. Hơn nữa, nhân tố mới thương chưa trọn vẹn, mặt tất yếu tiến bộ nhiều khi ẩn giấu trong vô số cái ngẫu nhiên và tạm thời. Kiến thức lý luận kinh tế cũ, gắn liền với chính sách và cơ chế cũ vẫn đang còn là nhân tố lạc hậu, kìm hãm quá trình đổi mới.

Công cuộc đấu tranh đổi mới đòi hỏi hoạt động lý luận gắn với thực tiễn, tự đổi mới để góp phần đánh giá, nhận dạng nhân tố mới; góp phần dự báo và định hướng đổi mới chính sách và cơ chế quản lý kinh tế, phục vụ thiết thực cho công cuộc đổi mới đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, bớt sai lầm, vấp vấp. Đương nhiên đó là sự nghiệp lớn lao của cả đội ngũ những người hoạt động trên mặt trận tư tưởng lý luận.

Cuốn sách này nhằm góp phần nhỏ vào sự nghiệp lớn lao đó, tập hợp có chọn lọc những bài viết mang tính chất nghiên cứu, đã công bố trên báo Nhân dân, tạp chí Cộng sản, tạp chí Thông tin lý luận, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, trong các năm từ 1986 đến giữa 1989.

Hướng chung của các bài viết là cố gắng góp phần luận giải những vấn đề cơ bản và thiết thực về lý luận và chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặt trong sự gắn bó giữa nguyên lý kinh

¹ Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1989, gồm 11 bài viết từ 3-1986 đến 5-1989, tổng cộng dày 141 trang

điển, quan điểm chính sách, kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức khoa học hiện đại.

Là người nghiên cứu lý luận theo khuynh hướng đi từ thực tiễn nhằm góp phần tổng kết khái quát đổi mới lý luận sao cho có ích cho cuộc sống, tác giả luôn hướng ác bài viết của mình phục vụ độc giả là những người làm công tác thực tiễn cũng như những người làm công tác nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế. Đồng thời, tác giả chân thành mong đợi ở độc giả những ý kiến thảo luận, trao đổi, bình luận, tranh luận, để cùng nhau khắc phục sự lạc hậu của lý luận kinh tế. Vì mục đích đó, nội dung các bài được giữ đúng nguyên bản đã công bố trước đây.

Tác giả chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh về sự chủ động quan tâm theo dõi và một lần nữa lại cho xuất bản thành sách những bài nghiên cứu của tác giả.

Ngày 10 tháng 5 năm 1989

SỰ RA ĐỜI CỦA HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI MỚI Ở NƯỚC TA²

I. SỰ RA ĐỜI CỦA NỀN KINH TẾ MỚI

Nền kinh tế hiện nay ở nước ta, với t cách cơ sở kinh tế của chế độ xã hội mới, đã ra đời trong những điều kiện và tiền đề lịch sử rất đặc thù. Sự nghiệp cách mạng đấu tranh giành giải phóng dân tộc và tiến bộ xã hội do Đảng ta lãnh đạo, trải qua một chặng đường lịch sử lâu dài, đã giải quyết thành công hai vấn đề cơ bản đầu tiên của mọi cuộc cách mạng: giành chính quyền và bảo vệ chính quyền, tạo ra tiền đề chính trị để xây dựng nền kinh tế mới.

Từ hơn mười năm nay, bài toán xây dựng, cải tạo và phát triển kinh tế thật sự đặt ra với nước ta trong những điều kiện lịch sử rất đặc thù, rất mới: kinh tế lạc hậu, sản xuất nhỏ còn phổ biến, nhưng có Nhà nước cách mạng vững mạnh, các giai cấp bóc lột đã bị tiêu diệt, có tiềm lực to lớn về số lượng và chất lượng lao động với sự chuẩn bị khá cao về giáo dục phổ thông, đội ngũ công nhân, đội ngũ cán bộ tương đối hoàn chỉnh về trình độ và ngành nghề, nhờ hơn 30 năm có chính quyền cách mạng bối cảnh quốc tế đã thay đổi cơ bản: cách mạng khoa học – kỹ thuật mở ra những triển vọng vô cùng to lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế; hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã đứng vững, do đó tất yếu diễn ra xu hướng đối diện, đối thoại, đua tranh phát triển giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau, thay cho xu hướng phân cách đối đầu bằng bạo lực quân sự và bạo lực kinh tế.

Trong những điều kiện lịch sử ấy, sự nghiệp phát triển nền kinh tế nước ta theo con đường xã hội chủ nghĩa, trải qua nhiều thật kỹ tìm tòi, mò mẫm, thử nghiệm đã diễn ra ngày càng rõ nét theo những xu hướng tất yếu xóa bỏ các giai cấp bóc lột, hình thành cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, trong đó công hữu là nhân tố mới và chủ đạo đặt trong sự liên kết hợp tác với các hình thức kinh tế tư

² Báo Nhân dân, ngày 28-12-1988

hữu nhằm giải phóng lực lượng sản xuất của mọi thành phần làm ăn hợp pháp; chuyển sang nền kinh tế hàng hóa như đòi hỏi tất yếu của quá trình xã hội hóa, phát triển lực lượng và hình thức kinh tế thực hiện phân công hợp tác đua tranh phát triển; mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế, đối diện đối thoại hợp tác và đua tranh phát triển với các nước, trong đó có các nước anh em cùng lý tưởng và nhiều nước bạn bè.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra hệ thống chính sách lớn về kinh tế phù hợp với những xu hướng tất yếu đó; đánh dấu bước đổi mới, bước ngoặt rất cơ bản về chính sách kinh tế. Thực chất đó là sự đổi mới, là bước ngoặt trong nhận thức lại mô hình nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và quá trình hình thành nền kinh tế ấy ở nước ta trên con đường từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa,.

II. NHẬN DẠNG BẢN CHẤT NỀN KINH TẾ

Ở nước ta hiện nay, trong điều kiện có Nhà nước cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, không còn giai cấp bóc lột, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trong nội bộ nhân dân đã ra đời. Đó là nền kinh tế mới về chất, mới về nguyên tắc so với nền kinh tế trong xã hội cũ.

Trong nền kinh tế nước ta, các thành phần không tồn tại biệt lập đối lập như hai phía trong cuộc đấu tranh ai thắng ai, mà ngày càng mở rộng liên kết liên doanh hợp tác đồng thời có đấu tranh, đua tranh phát triển. Các thành phần bình đẳng trước pháp luật, hợp tác liên hiệp theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, trong đó kinh tế quốc doanh có vai trò chủ đạo nòng cốt. Các thành phần sẽ tồn tại phát triển lâu dài và tiến hóa theo con đường xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế ấy tất yếu có thể đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bằng con đường hợp tác hóa xã hội chủ nghĩa không phải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đó là con đường mà Lê nin đã phát hiện đã khởi xướng trong chính sách kinh tế mới với tư tưởng về chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác (sau đây xin quy

ước nói tắt là tư tưởng về chế độ hợp tác). Cần và có thể đi tới kết luận: mô hình kinh tế của quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là mô hình nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phát triển theo chế độ hợp tác với định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế ấy, với tư cách phương thức sản xuất là tương đương với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa xét về trình độ phát triển lực lượng sản xuất; nhưng khác nhau cơ bản về quan hệ kinh tế xã hội./ Bởi vậy, các yếu tố tư hữu tồn tại trong đó tất yếu được định hướng phát triển theo con đường hợp tác hóa xã hội chủ nghĩa. Tính tự phát tư bản chủ nghĩa của người sản xuất hàng hóa nhỏ còn là một khả năng khách quan, nhất là trong bước đầu nhưng không phải là khả năng chủ yếu, cho nên có thể loại trừ.

Chính sách phát triển kinh tế theo chế độ hợp tác nhằm dẫn dắt những thành phần và hình thức kinh tế tư hữu nhỏ phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa là kết quả quá trình tìm tòi sáng tạo khó khăn, quá trình đó đã bắt đầu từ sự phát hiện, khởi xướng của Lê nin trong chính sách kinh tế mới, nhưng gần đây mới được nhiều nước khôi phục, khẳng định trở lại và phát triển sau nhiều thập kỷ thử nghiệm thay thế chính sách ấy bằng chính sách kinh tế công cộng hiện vật bình quân và cơ chế hành chính tập trung.

Bởi vậy, bản chất nền kinh tế mới là chế độ hợp tác hiệu theo tư tưởng Lê Nin. Mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa, về bản chất là chế độ kinh tế hợp tác (không phải chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng không phải chế độ công cộng). Con đường tạo lập quan hệ sản xuất mới là con đường hợp tác hóa xã hội chủ nghĩa hiệu theo tư tưởng Lê Nin. Từ đó có thể nói, ở nước ta, nền kinh tế mới xét về nguyên tắc, về chất đã bước đầu hình thành sau khi cách mạng giành chính quyền và bảo vệ được chế độ mới, xóa bỏ chế độ bóc lột và giai cấp bóc lột. tạo thành cơ cấu giai cấp và quan hệ giai cấp mới trong nội bộ nhân dân.

III. CHẾ ĐỘ KINH TẾ HỢP TÁC LÀ HÌNH THỨC GIẢI QUYẾT Mâu THUẦN CƠ BẢN TRONG NỘI BỘ NHÂN DÂN, TẠO ĐỘNG LỰC VÀ HỢP LỰC PHÁT TRIỂN.

Trong nền kinh tế mới có mâu thuẫn cơ bản giữa một bên là yêu cầu giải phóng kích thích cá nhân nhằm tạo động lực thúc đẩy lao động và tích lũy tái sản xuất mở rộng nhanh chóng, với một bên là yêu cầu từng bước thực hiện công bằng xã hội (mâu thuẫn giữa yêu cầu giải phóng phát triển cá nhân với yêu cầu phát triển cộng đồng nhân dân và dân tộc).

Chủ nghĩa tư bản đặt ưu tiên vào sự phát triển cá nhân, sự phát triển tư bản, hy sinh công bằng để phát triển. Do đó đã tạo ra giai cấp đối kháng và mâu thuẫn đối kháng giai cấp. Ngày nay, cách mạng khoa học – kỹ thuật tạo khả năng và đòi hỏi rất lớn buộc chủ nghĩa tư bản phát triển trong sự thích nghi với xu hướng dân chủ hóa đời sống kinh tế xã hội.

Chủ nghĩa xã hội theo mô hình công cộng hiện vật mang ảo tưởng đặt ưu tiên vào công bằng, hạn chế cá nhân vì cộng đồng, làm mất động lực cá nhân, đã rơi vào chủ nghĩa bình quân và tẻ quan liêu, làm biến dạng chủ nghĩa xã hội. Cuộc cải tổ, đổi mới được đặt ra như tất yếu lịch sử nhằm khắc phục sự biến dạng đó.

Chủ nghĩa xã hội với chế độ kinh tế hợp tác lấy sự phát triển cá nhân, lợi ích cá nhân làm mục tiêu và động lực xuất phát, đồng thời từng bước thực hiện công bằng xã hội nhằm mục tiêu phát triển cộng đồng. Đó là công bằng bình đẳng trong điều kiện lịch sử cụ thể.

Như vậy, chế độ kinh tế hợp tác là hình thức giải quyết mâu thuẫn cơ bản trong nội bộ nhân dân, thể hiện sự thống nhất giữa hai mặt đối lập. Nó lấy lợi ích cá nhân làm động lực xuất phát, lấy quan hệ hợp tác tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi để tạo thành hợp lực, một mặt giải phóng cá nhân, đồng thời từng bước thực hiện công bằng xã hội, tạo ra sự hợp tác đồng thời có đua tranh trong nội

bộ nhân dân, tạo khả năng tổng động viên và tổ chức lực lượng toàn dân trên mặt trận kinh tế.

IV. CHẾ ĐỘ KINH TẾ HỢP TÁC LÀ CƠ SỞ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

Chế độ kinh tế hợp tác, xét về bản chất cũng là chế độ kinh tế dân chủ trong điều kiện lịch sử cụ thể. Ở nước ta, chế độ chính trị mới, dù ở bước đầu với tư cách chế độ dân chủ, cần phải có và đã bắt đầu có cái gốc là chế độ kinh tế hợp tác.

Chế độ tư hữu phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, cường điệu tư bản chủ nghĩa sự phát triển cá nhân, tự do cạnh tranh đi tới dân chủ tư sản, tư sản nắm thực quyền, đi tới quan liêu phản dân chủ.

Chế độ kinh tế công cộng hiện vật bình quân với cơ chế hành chính tập trung kiểm chế cá nhân vì cộng đồng, trong đó bộ máy cầm quyền nhân danh cộng đồng không tránh khỏi quan liêu, mất dân chủ,.

Chế độ kinh tế hợp tác thật sự tôn trọng cá nhân, phát triển cá nhân trong quan hệ hợp tác, tạo cơ sở cho chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đó là nền dân chủ trong đó quyền công dân về kinh tế trước hết là quyền tự do hợp tác lao động và tích lũy phát triển sản xuất kinh doanh.

Chỉ với chế độ hợp tác theo nguyên tắc dân chủ tự nguyện, cùng có lợi giữa mọi công dân thuộc các giai cấp và tầng lớp có cơ sở kinh tế để tạo thành chính quyền Nhà nước thật sự là nhà nước nhân dân, do đảng mác xít lãnh đạo, tạo thành khối đại đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động của toàn dân trên cơ sở thống nhất lợi ích kinh tế, tạo thành cao trào toàn dân tiến quân trên mặt trận kinh tế, tạo khả năng đi vào sự tổ chức có kế hoạch trên quy mô xã hội theo quan điểm kinh tế, trên nền tảng dân chủ và đấu tranh chống quan liêu.

Tư tưởng về chế độ kinh tế hợp tác và chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa đặt trên cơ sở chế độ kinh tế ấy, là tư tưởng chỉ đạo mở đường cho cộng đồng nhân dân và dân tộc tự nhận thức lại, nhanh chóng vượt qua thực trạng kinh tế - xã hội rất xấu và kéo dài. Đó là thực trạng mà ngay trong điều kiện đã có nhà nước cách mạng do mác xít lãnh đạo, không còn giai cấp bóc lột, nhưng các thành phần kinh tế trong nội bộ nhân dân vẫn hoạt động trong sự phân cách đối lập, chia rẽ mà nguồn gốc là sự đối lập về lợi ích kinh tế vốn có trong chính sách cơ chế cũ. Chính sách và cơ chế cũ cường điệu cộng đồng, kiềm chế cá nhân, triệt để xóa bỏ tư hữu, cường điệu hành chính tập trung, kỳ thị quan hệ hàng hóa tiền tệ và dân chủ tự quản. Ở mức độ ít cực đoan hơn, đó vẫn là chính sách chấp nhận nhưng phân biệt, cách ly, đối lập các thành phần và hình thức kinh tế trong nội bộ nhân dân và dân tộc, phân ra hai phía xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa, cường điệu tự phát tư bản chủ nghĩa, rút cuộc chơi vào rối loạn, vô tổ chức. Đó là thực trạng mà Lê Nin gọi là chủ nghĩa tư bản tiểu tư hữu, là cái có thể làm cho chủ nghĩa xã hội thất bại.

V. TƯ TƯỞNG VỀ CHẾ ĐỘ KINH TẾ HỢP TÁC LÀ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỌC THUYẾT PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỪ SẢN XUẤT NHỎ LÊN SẢN XUẤT LỚN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

Đây là quan điểm cơ bản của sự thiết kế mô hình nền kinh tế mới, mô hình nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ra đời trong điều kiện chủ nghĩa tư bản chưa phát triển hoặc còn kém phát triển mà Mác Ăng ghen không dự báo. Nó thay thế cho mô hình nền kinh tế phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, là con đường mà Đảng và nhaandaan ta đã không chọn, đã từ bỏ. Phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa không phải là một định mệnh. Lịch sử từ sau cách mạng tháng Mười mở ra con đường mới mà Đảng và nhân dân ta đã chọn lựa. Ở nước ta, nền kinh tế mới không ra đời trên cơ sở chủ nghĩa tư bản đã phát triển rất cao (như Mác dự báo) cũng không

phải đợi đến sau khi đã có sự phát triển đó, mà là cái thay thế và tương đương với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa xét về trình độ lực lượng sản xuất, nhưng khác căn bản về quan hệ kinh tế, xã hội do đặt trong những điều kiện đặc thù về kinh tế, chính trị, xã hội, lịch sử trong nước và quốc tế. Đây không phải là ý chí chủ quan, hay ảo tưởng của Đảng mác xít, mà là một xu hướng, một quá trình lịch sử tất yếu, khởi đầu từ Cách mạng tháng Mười Nga. Quan điểm của Đại hội VI về chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo chế độ hợp tác, với tư cách mô hình nền kinh tế mới, hoàn toàn trùng hợp với quan điểm chung của nhiều nước xã hội chủ nghĩa được nhận thức lại, đều là sự khôi phục trở lại và phát triển tư tưởng Lê Nin về mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa. Như vậy hoàn toàn có thể và cần nói rằng nền kinh tế nước ta đã là mới, là xã hội chủ nghĩa ở bước đầu. Chúng ta đã bắt đầu có nền kinh tế mới. Đúng ra là chúng ta cũng như nhiều nước anh em với xu hướng cải tổ đổi mới, đang khôi phục và phát triển chế độ kinh tế hợp tác, từ bỏ chế độ kinh tế cộng đồng bình quân với cơ chế hành chính tập trung, trở về mô hình chủ nghĩa xã hội theo quan điểm Lê Nin.

Với sự nhận thức lại mô hình nền kinh tế và chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa như vậy, đương nhiên phải nhận thức lại nội dung thời kỳ quá độ hiện nay ở nước ta. Khi chúng ta nói nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay đang ở bước đầu thời kỳ quá độ, thì cần và có thể hiểu đó là bước đầu của chủ nghĩa xã hội với tư cách giai đoạn thấp của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa như một thời kỳ quá độ lâu dài để đi tới chủ nghĩa cộng sản, chứ không phải là bước đầu của thời kỳ quá độ nằm ngoài chủ nghĩa xã hội.

Thiếu sự nhận thức lại như vậy thì không thể tạo ra sự nhất quán thực hiện chế độ kinh tế hợp tác và chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đó là vì theo cách hiểu cũ còn rất phổ biến cho đến nay, thời kỳ quá độ đó vừa có cái xã hội chủ nghĩa vừa phải có cái phi xã hội

chủ nghĩa. Riêng về kinh tế vừa có thành phần xã hội chủ nghĩa vừa có cái phi xã hội chủ nghĩa, với mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, nhiệm vụ chủ yếu là giải quyết vấn đề “ai thắng ai” giữa hai con đường tiến thành bằng cải tạo quan hệ sản xuất theo mục tiêu công cộng hóa để có chủ nghĩa xã hội thuần khiết. Thực tế lịch sử đã chỉ rõ chính là từ nhận thức như vậy về thời kỳ quá độ và nền kinh tế quá độ, đã đi tới sai lầm về chính sách. Trước hết, đó là chính sách thịnh hành trước đây: chính sách đốt cháy giai đoạn, thúc mạnh quốc doanh hóa, tập thể hóa mau chóng vượt qua thời kỳ quá độ (theo cách hiểu cũ) để có chủ nghĩa xã hội thuần khiết. Thứ hai là chính sách chấp nhận thời kỳ quá độ (theo cách hiểu cũ) chỉ khác là kéo dài nó ra, từ đó rất dễ đưa tới sự chấp nhận nguyên dạng và duy trì lâu dài các thành phần và hình thức kinh tế tư hữu; đồng thời duy trì lâu dài chính sách phân biệt đối xử giữa hai loại thành phần kinh tế và chính sách phân cách đấu tranh loại trừ nhau giữa xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa ngay trong nội bộ nhân dân. Chính sách như vậy không thể tạo ra hợp lực mới, không thể tìm ra và phát huy tính ưu việt của nền kinh tế mới và chế độ xã hội mới ngay từ thời điểm này.

Tổng quát lại, có thể nói rằng chính là nhờ rút bài học từ những chính sách sai lầm trước đây, và trên cơ sở kinh nghiệm của những nhân tố mới, đặc biệt là mô hình hợp tác liên doanh, liên kết nhiều thành phần. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra chính sách mới chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phát triển theo chế độ hợp tác, thực chất là trở lại và phát triển quan điểm Lê nin và mô hình nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đó là chính sách phù hợp tất yếu kinh tế, mà sự nhất quán triển khai sẽ mở đường để đất nước phát triển nhanh trên con đường xã hội chủ nghĩa, với những ưu việt của hình thái kinh tế xã hội mới dù còn đang ở bước đầu. Đó là lời giải cho bài toán phát triển mà Đại hội VI đã đặt nền móng.

ĐẶC ĐIỂM QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ NƯỚC TA THEO CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Sau đại thắng giải phóng và thống nhất tổ quốc. Đảng ta chuyển sang gánh vác sứ mệnh đội tiên phong trong sự nghiệp phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Trong sứ mệnh mới, điều quan trọng nhất của đảng là đề ra được cương lĩnh phù hợp với lô gichs khách quan của quá trình phát triển kinh tế xã hội. Đó là nhiệm vụ của quá trình phát triển kinh tế xã hội. Đó là nhiệm vụ vô cùng phức tạp. Mọi Đảng mác xít, sau khi cách mạng giành chính quyền, đều phải trải qua nhiều thập kỷ thử nghiệm, trả giá, tìm tòi, sáng tạo để nhận thức và nhận thức lại con đường phát triển, từ đó mới có được cương lĩnh cơ bản phù hợp. Bài nghiên cứu này góp phần nhận thức lại một số đặc điểm quá trình phát triển nền kinh tế nước ta theo con đường xã hội chủ nghĩa.

I. ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VỀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỪ SẢN XUẤT NHỎ LÊN SẢN XUẤT LỚN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

1. Cương lĩnh phát triển nền kinh tế nước ta nói đến cùng là cương lĩnh phát triển trong quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Từ lâu Đảng ta đã đề cập vấn đề này, đã trải qua nhiều thập kỷ tìm tòi thử nghiệm mà Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu bước ngoặt về đổi mới nhận thức lý luận và chính sách. Bước ngoặt đó là sự quán triệt ở trình độ mới về chất đối với những tư tưởng cơ bản trong học thuyết Mác Lê Nin về thời kỳ quá độ từ xã hội cũ sang xã hội mới, đặc biệt là tư tưởng Lê Nin trong chính sách kinh tế mới. Đó là bước trưởng thành vượt qua nhận thức cũ mang tính ấu trĩ “tả” chủ quan duy ý chí với hàng loạt những sự cường điệu, kỳ thị phiến diện và công thức đơn giản. Tuy nhiên, đó mới là nhận thức trên những nét cơ bản bước đầu. Để nghiên cứu xây dựng cương lĩnh phải nhất quán theo con đường của Đại hội, thực hiện có hệ thống và triệt để sự đổi mới nhận thức lý luận và chính sách kinh

tế. Chỉ như vậy quá trình xây dựng và thực hiện cương lĩnh mới có thể góp phần giải bài toán phát triển, thực hiện những ưu việt của con đường xã hội chủ nghĩa, đưa đất nước vươn lên nhanh.

2. Tính chất ấu trĩ “tả”, chủ quan duy ý chí trong nhận thức cũ về quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thể hiện trên ba vấn đề lớn. Một là, nhận thức quá trình phát triển lực lượng sản xuất với lý luận cũ về công nghiệp hóa: ưu tiên công nghiệp nặng trong cơ cấu công – nông nghiệp được nhanh chóng cơ khí hóa, tập trung hóa, tương đối hoàn chỉnh về ngành nghề bảo đảm kinh tế dân tộc tự chủ, xem nhẹ liên kết quốc tế, xem nhẹ và bỏ qua nhiều loại dịch vụ, trong đó dịch vụ thông tin bị xếp vào loại phi sản xuất, xem nhẹ việc phát triển những ngành nghề, truyền thống vốn có; Hai là, nhận thức về quá trình cách mạng quan hệ sản xuất với lý luận thúc mạnh công cộng hóa các quan hệ kinh tế: quốc doanh hóa, tập thể hóa, thực hiện triệt để công hữu – công quản – công ích, xóa bỏ hoặc kìm hãm tối đa mọi yếu tố tư hữu, khoán quản (tối kỵ tự quản) và lợi ích cá nhân. Ba là, nhận thức về hệ thống quản lý xã hội chủ nghĩa gói luận điểm coi kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền sản xuất có tính xã hội trực tiếp, cơ bản không cần xã hội hóa gián tiếp qua các quan hệ hàng hóa tiền tệ là con đường của tư bản. Từ đó, xây dựng hệ thống quản lý tập trung thống nhất cao độ theo kế hoạch phát lệnh trực tiếp từ trên, lấy giá trị sử dụng là chính với quan hệ giao nộp cấp phát hiện vật; các quan hệ hàng hóa tiền tệ và quan hệ thị trường chỉ được chấp nhận trên hình thức cục bộ, tạm thời.

Một đặc điểm nổi bật của mô hình nhận thức cũ là sự nhất quán tuân theo luận đề: không làm ăn kiểu tư bản, hiểu theo nghĩa phải làm ngược với tư bản nhân danh lập trường cách mạng triệt để. Từ đó mang hy vọng tạo lập nền kinh tế khác hẳn tư bản (ngược với tư bản) và do đó tính ưu việt hơn hẳn tư bản. Mô hình cũ phần nào có tính tất yếu khi nhà nước cách mạng còn trứng nước, bị bao vây, và trong hoàn cảnh có chiến tranh. Khi cách mạng chuyển

giai đoạn, nhiệm vụ nêu gương phát triển đua tranh kinh tế thật sự đặt ra thì với mô hình đó quả là khác hẳn tư bản, nhưng hơn nó thì chưa thấy khả năng. Thực tiễn ngày càng chứng tỏ rằng, với lý luận và chính sách cũ, nhà nước cách mạng áp đặt ý chỉ chủ quan không phù hợp với quá trình kinh tế khách quan. Còn quá trình kinh tế khách quan, với sức mạnh của tất yếu kinh tế bị kìm hãm, không tránh khỏi rơi vào thực trạng phát triển tự phát rối loạn và lãng phí., Chính từ đó bài toán đổi mới có tính cách mạng được đặt ra như bài toán phát triển. Tương lai của đất nước, tính tất yếu, tính ưu việt của con đường xã hội chủ nghĩa phụ thuộc vào sự nghiệp đổi mới có tính cách mạng trong đó trước hết phải đổi mới nhận thức lý luận và chính sách.

Với tư tưởng của Đại hội VI, có thể nói quá trình phát triển kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa được nhận thức lại một cách rất cơ bản. Với quan điểm của đại hội VI, Đảng ta vẫn khẳng định có khả năng khách quan để phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa. Cái mới là bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa nhưng không bỏ qua, hơn nữa còn tuân theo những quá trình kinh tế tất yếu, không thể bỏ qua mà phải học tập kinh nghiệm xây dựng cải tạo và phát triển kinh tế của các dân tộc trong điều kiện thế giới hiện đại. Những kinh nghiệm đó trước đây thường bị quy tất cả thành cái riêng của chủ nghĩa tư bản. Đó là kinh nghiệm về quá trình phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và phát triển kinh tế tư hữu nhỏ nói riêng, theo chế độ hợp tác với định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó còn là kinh nghiệm về quá trình phát triển các quan hệ hàng hóa tiền tệ và quan hệ thị trường trong từng nước và trong quan hệ kinh tế quốc tế, xem như môi trường không thể thiếu để thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác hóa xã hội chủ nghĩa, dân chủ hóa, quốc tế hóa, tạo khả năng và công cụ bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế.

Với quan điểm của Đại hội 6, chúng ta không hề khôi phục nền kinh tế cũ, cũng không hề chấp nhận phải kinh qua giai đoạn

phát triển tư bản chủ nghĩa. Trái lại, nhằm thiết lập một nền kinh tế mới về nguyên tắc, mới về chất, phù hợp với logic lịch sử khách quan.

II. NHẬN DẠNG NỀN KINH TẾ MỚI ĐANG HÌNH THÀNH Ở NƯỚC TA.

1. Trong cách mạng quan hệ sản xuất, từ khi đất nước được giải phóng và thống nhất, với chính quyền cách mạng vững mạnh, sau khi quốc hữu hóa xóa bỏ giai cấp tư sản, xác lập kinh tế quốc doanh trên những vị trí quyết định nhất (và đã quá rộng) chúng ta vẫn cố gắng mở nhiều phong trào và chiến dịch nhằm triệt để thực hiện công cộng hóa quốc doanh hóa, tập thể hóa) đồng thời đẩy lùi các quan hệ hàng hóa và quan hệ thị trường. Những cố gắng đó là không thành.

Ngược lại, đã tất yếu xuất hiện xu hướng khôi phục và phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và các quan hệ hàng hóa, quan hệ thị trường. Với mức độ khác nhau, xu hướng đó đã diễn ra trên cả nước, nhất là ở các lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp và dịch vụ. Đó là xu hướng có sức mạnh của tất yếu kinh tế, của sự hồi sinh sau chiến tranh, bắt nguồn từ lợi ích sống còn của đông đảo người lao động trong điều kiện sản xuất nhỏ còn phổ biến. Những tất yếu kinh tế đó bắt đầu được chấp nhận thành chính sách từ Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa IV (1979). Tuy nhiên, đó mới là sự chấp nhận có tính chất cục bộ, tạm thời. Trước thực trạng khôi phục và phát triển các hình thức kinh tế tư hữu và quan hệ hàng hóa – tiền tệ quan hệ thị trường, trong đảng và trong xã hội đã nảy sinh những lo lắng, những tiếng kèn báo động: tư hữu đẩy lùi công hữu, cơ chế thị trường đẩy lùi kế hoạch, tự phát tư bản chủ nghĩa đẩy lùi chủ nghĩa xã hội. Đồng thời trên chính sách và công tác chỉ đạo chưa thật sự nhất quán điểm mới. Do đó hoạt động kinh tế của các thành phần, nhất là hoạt động thị trường, còn mang nhiều tính chất đối phó thủ thế với chính sách của nhà nước bằng nhiều cách: kinh doanh phân tán nhỏ tạm bợ, rút vào kinh tế ngầm, núp

vỏ tập thể hợp tác. Mặt khác xuất hiện hàng loạt nhân tố mới trong đó nổi bật là mô hình liên hiệp liên doanh liên kết hợp tác nhiều thành phần theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, dân chủ bình đẳng, lấy kinh tế quốc doanh và tập thể làm nòng cốt chủ đạo, để phát triển sản xuất kinh doanh. Mô hình mới đó có khả năng giải phóng động viên lực lượng sản xuất đồng thời tạo khả năng đưa các thành phần kinh tế, đưa hoạt động thị trường vào quỹ đạo của chính sách và kế hoạch kinh tế quốc dân, đẩy lùi kinh tế ngầm và tình trạng phân tán vô tổ chức. Hiệp hội thủy sản với công ty Seaprodex làm nòng cốt, Công ty lương thực thành phố Hồ Chí Minh, Nông trường Sông Hậu, mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, ... là những hình ảnh cụ thể.

Chính những mô hình mới xuất hiện thuộc loại đó, tuy có phần còn sơ khai chưa trọn vẹn, đã được Đảng từng bước tổng kết nhận dạng, đưa tới kết luận của Đại hội VI đổi mới căn bản quan điểm về cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, kinh tế hàng hóa và cơ chế quản lý. Cốt lõi của sự thay đổi quan điểm đó là sự chấp nhận, tuân theo các quá trình và quy luật khách quan, từ đó xác lập mô hình quá trình kinh tế đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2. Theo quan điểm của Đại hội, trong cơ cấu hệ thống kinh tế mới, các thành phần không tồn tại biệt lập đối lập như hai phía trong cuộc đấu tranh ai thắng ai, mà liên kết liên doanh hợp tác có đấu tranh đua tranh phát triển. Các thành phần bình đẳng trước pháp luật, hợp tác liên hiệp theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, trong đó thành phần kinh tế quốc doanh có vai trò chủ đạo nòng cốt, các thành phần sẽ tồn tại phát triển lâu dài và tiến hóa từng bước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Từ quan điểm của Đại hội, trước đòi hỏi nâng cao tính triệt để và nhất quán về quan điểm lý luận và chính sách, cần và có thể đi tới kết luận: mô hình kinh tế của quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là mô hình nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo chế

độ hợp tác, với định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là nền kinh tế mới và khác về chất, về nguyên tắc so với nền kinh tế phát triển ấy không còn và không thể khôi phục giai cấp bóc lột thống trị; tuy còn người giàu người nghèo nhưng không thể phân cực thành giai cấp tư bản và vô sản. Các thành phần và hình thức tư hữu không thể phát triển theo con đường đại tư bản hóa, mà đi theo con đường hợp tác hóa xã hội chủ nghĩa, và sau cùng, điều rất quan trọng là trong nền kinh tế ấy sự bình đẳng tất yếu còn theo nguyên tắc pháp quyền tư sản, loại bỏ chủ nghĩa công cộng bình quân rất tai hại cho chủ nghĩa xã hội hiện thực và chế độ hợp tác.

Sự kết luận – nhận dạng đúng nền kinh tế mới đang hình thành ở nước ta như vậy là tối cần thiết để nhất quán thực hiện tư tưởng Đại hội VI; tư tưởng giải phóng lực lượng sản xuất của các thành phần, thực hiện khối liên minh kinh tế và tổ chức lực lượng của mọi thành phần vào đội quân đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Khối liên minh kinh tế như vậy là cơ sở của liên minh chính trị các lực lượng xây dựng chủ nghĩa xã hội trong mặt trận tổ quốc. Sự mở rộng tổ chức của hội nông dân và Công đoàn mang tất cả các thành phần kinh tế, ngay cả sự nhìn nhận vai trò người đảng viên trong toàn bộ đời sống kinh tế như thế nào, v.v... phải được luận chứng từ khối liên minh kinh tế, từ chế độ hợp tác nhiều thành phần, từ sự nhận dạng nền kinh tế mới về chất. Đó là một phần rất cơ bản của lời giải bài toán phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, tạo khả năng tổng động viên, đại đoàn kết thực hiện ưu việt của con đường xã hội chủ nghĩa.

Thiếu sự nhận dạng lại một cách nhất quán như vậy, không tránh khỏi nhìn nhận nền kinh tế mới đang hình thành với con mắt cũ, không tránh khỏi sự tùy tiện du nhập những phạm trù và công thức cũ vào nền kinh tế mới: công thức phân định thành phần **tư sản, tiểu tư sản, vô sản** trong đó phân ra xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa, bóc lột và bị bóc lột; tách biệt cách ly sở hữu công cộng với các hình thức sở hữu khác, cường điệu khả năng tự phát

tư bản chủ nghĩa.... Sự du nhập như thế trong điều kiện nền kinh tế mới đang hình thành không tránh khỏi đưa tới sự thiếu nhất quán, thậm chí do dự, bối rối, tiến thoái lưỡng nan về lý luận và chính sách. Như vậy không thể giải phóng tư tưởng của tất cả các thành phần, không khắc phục được sự đối lập giả tạo giữa các thành phần, không thể tạo thành liên minh kinh tế làm cơ sở cho liên minh chính trị của cộng đồng nhân dân và dân tộc đồng tâm hiệp lực phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

III. CHUYỂN SANG NỀN KINH TẾ HÀNG HÓA VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN SẢN XUẤT LỚN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Đại hội lần thứ VI của Đảng xem quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa như một bộ phận hữu cơ của quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta có thể bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nhưng tất yếu phải kinh qua quá trình phát triển các quan hệ hàng hóa,. Luận điểm mới này là cực kỳ quan trọng, trùng hợp với luận điểm hiện đại của kinh tế học mác xít coi nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế hàng hóa xét trên thực chất, tổng thể và lâu dài. Đi tới luận điểm mới như vậy là quá trình cực kỳ khó khăn. Tư tưởng kinh tế xã hội chủ nghĩa đã qua nhiều thập kỷ mang mặc cảm thành kiến, hạn chế, kiêng kỵ quan hệ hàng hóa và cơ chế thị trường, xem nó là cái chỉ hợp với chế độ tư hữu và tư bản, mang tính chất tư bản. Còn chủ nghĩa xã hội với tư cách nền sản xuất có tính xã hội trực tiếp, cơ bản không cần **đến** các quan hệ ấy. Nhiều người trong giới lý luận và chính khách tư sản cũng coi quan hệ hàng hóa và cơ chế thị trường thuộc đặc quyền riêng có của tư bản. Mỗi khi chủ nghĩa xã hội bắt đầu thật sự sử dụng quan hệ hàng hóa và cơ chế thị trường thì họ xem đó như sự phá sản của học thuyết mác xít về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Rất nhiều thập kỷ, trong các nước xã hội chủ nghĩa đã hình thành xu hướng cường điệu với dự báo đến mức hoang tưởng về hiểm họa do sự tồn tại và phát triển các quan hệ hàng hóa và quan hệ thị trường có thể gây ra cho chủ nghĩa xã hội.

Mọi dự tính chấp nhận và sử dụng quan hệ hàng hóa và quan hệ thị trường đều phải đương đầu với sự phê phán, chế diễu, răn đe, hù dọa và cuối cùng là lên án xét lại – chạy theo con đường tư bản. Các cuộc cải cách kinh tế thường bị đẩy lùi. Tư tưởng Lê Nin trong chính sách kinh tế mới bị xem như bước lùi tạm thời bất đắc dĩ. Trên thực tế kinh tế xã hội chủ nghĩa, các quan hệ hàng hóa tiền tệ và quan hệ thị trường chỉ còn trên hình thức, cục bộ, tạm thời. Đã diễn ra cuộc thử nghiệm có tính lịch sử - thật sự hình thành mô hình nền kinh tế hiện vật với cơ chế điều tiết hành chính tập trung, trong mô hình chủ nghĩa xã hội hành chính.

Trong khi đó, trên bộ phận còn lại của thế giới các quan hệ hàng hóa tiền tệ và quan hệ thị trường vẫn phát triển mạnh, trải qua nhiều khủng hoảng, còn nhiều khuyết tật, không vô sự nhưng đã đạt trình độ rất cao, được mọi quốc gia sử dụng. Chủ nghĩa tư bản ngày càng biết sử dụng các quan hệ ấy với hiệu lực ngày càng cao trong phạm vi quốc gia và quốc tế, vì lợi ích tư bản. Chủ nghĩa xã hội đã phải trả giá quá đắt cho cuộc thử nghiệm. Mô hình kinh tế hiện vật với cơ chế hành chính tập trung đã trở thành cơ chế kìm hãm, tiêu phí, trái hẳn với bản chất chủ nghĩa xã hội, làm biến dạng chủ nghĩa xã hội.

Từ đó cần rút ra hai kết luận: một là không phải chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa thua chế độ kinh tế tư bản, không phải con đường tiến hóa xã hội chủ nghĩa thua con đường phát triển tư bản, mà là kinh tế hiện vật thua kinh tế hàng hóa. Hai là kinh tế hàng hóa không phải thuộc đặc quyền riêng có của chủ nghĩa tư bản. Với tư cách một quan hệ kinh tế khách quan, quan hệ hàng hóa và quan hệ thị trường đã có rất lâu trước chế độ tư bản, tiếp tục tồn tại và phát triển trong sự tác động qua lại với tất cả các quá trình kinh tế khách quan khác. Bản chất kinh tế xã hội của các quan hệ ấy thay đổi phụ thuộc vào hình thái kinh tế xã hội trong đó nó tồn tại và phát triển.

2. Quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa ở nước ta trong thời kỳ lịch sử mới, do trình độ phát triển còn thấp lại phải trải qua chiến tranh và chia cắt lâu dài, là quá trình phức tạp nhiều mặt: chuyển từ kinh tế tự cấp tự túc sang nền kinh tế hàng hóa; từ kinh tế giao – nộp cấp phát hiện vật (của thời chiến) sang kinh tế hàng hóa; từ kinh tế hàng hóa kiểu cũ (thời kỳ bị chiếm) sang kinh tế hàng hóa kiểu mới. Nhìn tổng quát đó là quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa trên thực chất tổng thể và lâu dài, với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần phát triển theo chế độ hợp tác có định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trên 10 năm gần đây quá trình chuyển sang kinh tế hàng hóa đã và đang ngày càng mở rộng và đi sâu trên tất cả các lĩnh vực của quá trình sản xuất xã hội với sức mạnh tất yếu kinh tế, sức mạnh hồi sinh sau chiến tranh. Nó làm nảy sinh hàng loạt nhân tố mới đồng thời còn mang nhiều tính tự phát, gặp nhiều vướng mắc, cũng xảy ra nhiều chần động, rối loạn. Tuy nhiên, trong sự bẽ bộn, cực kỳ phức tạp (và mới lạ) của quá trình khôi phục và phát triển kinh tế hàng hóa, với kinh nghiệm bản thân nước ta cùng với kinh nghiệm quốc tế, cho phép khẳng định: trong điều kiện của chế độ chính trị mới, quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa không chỉ là tất yếu mà còn tác động tích cực thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, thúc đẩy cơ cấu nhiều thành phần phát triển theo chế độ hợp tác với định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy đổi mới và mở rộng quan hệ quốc tế và đổi mới cơ chế quản lý, khắc phục cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.

Sự khôi phục và phát triển ngày càng sâu rộng các quan hệ hàng hóa tiền tệ và quan hệ thị trường tạo ra môi trường mới rất thuận lợi thúc đẩy phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất của các thành phần trong nền kinh tế mới; thúc đẩy xã hội hóa trên tất cả các mặt vật chất kỹ thuật phân công liên kết trên quy mô quốc gia và quốc tế; tạo môi trường phát triển quan hệ liên doanh, hợp doanh, hợp tác nhiều thành phần theo nguyên tắc dân chủ tự

nguyên cùng có lợi, trong đó kinh tế quốc doanh thật sự tự chủ hạch toán kinh doanh có thể phát huy vai trò nòng cốt chủ đạo, tạo thành những phức hợp (hiệp hội) sản xuất kinh doanh lớn trên quy mô cả nước, có khả năng mở rộng và nâng cao hiệu quả phân công và hợp tác quốc tế; tạo môi trường và những hình thức kinh tế thúc đẩy thực hiện mạnh mẽ quá trình tích lũy tích tụ mở rộng vốn sản xuất xã hội và sử dụng vốn đó với hiệu quả ngày càng cao theo xu hướng huy động vốn của mọi thành phần các các hình thức công trái, tín dụng, hùn vốn, tự đầu tư, kinh doanh... Đó là một mặt, mặt khác là xu hướng giao thầu giao khoán vốn và tài sản công hữu cho cá nhân và tập thể lao động trực tiếp quản lý sử dụng, với chế độ trách nhiệm vật chất và nguyên tắc cùng có lợi giữa chủ thể sở hữu và chủ thể quản lý, bảo đảm cùng sự phát triển của quan hệ hàng hóa – tiền tệ và quan hệ thị trường cũng tạo khả năng đổi mới nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế là chủ yếu (với công cụ và thực lực tài chính, tiền tệ của nền kinh tế hàng hóa) gắn liền với xu hướng dân chủ hóa, thực hiện chế độ tự chủ tự quản (khoán quán) của người sản xuất hàng hóa được đặt trước thị trường, giải phóng cơ quan nhà nước khỏi tệ quan liêu bao biện làm thay người sản xuất kinh doanh, để thực sự đi vào chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, nhất là ở cấp vĩ mô.

*

* *

Cần và có thể đi tới kết luận tổng quát: để nhận thức đúng đắn và thực hiện được những ưu việt của con đường từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bỏ qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa, trước mắt để tạo bước ngoặt từ chính sách và cơ chế cũ sang chính sách và cơ chế mới, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã nhất quán trở lại và phát triển những tư tưởng lớn của Lê nin trong chính sách kinh tế mới: Tư tưởng giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất đồng thời phát triển hoàn thiện chế độ kinh tế mới bằng chính sách và cơ chế phù hợp, tư tưởng về chế độ hợp tác và

chủ nghĩa tư bản nhà nước nhằm tổ chức dẫn dắt các thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về chế độ hạch toán kinh doanh, thật sự đặt xí nghiệp nhà nước trước thị trường, theo nguyên tắc buôn bán, nguyên tắc tư sản, tư tưởng kiên định con đường kế hoạch hóa kinh tế quốc dân thống nhất của nhà nước, nhưng thay đổi cách thực hiện kế hoạch đó.

Sự trở lại và phát triển những tư tưởng lớn của Lê nin như vậy rất không đơn giản. Đó là quá trình đấu tranh tìm tòi đổi mới trên thực tiễn và trên nhận thức; là quá trình đấu tranh từ bỏ chính sách cơ chế và lý luận cũ đã bắt rễ sâu trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và trong xã hội. Nói cách khác, sự trở lại và phát triển những tư tưởng lớn của Lê nin như vậy đồng thời là sự tổng kết khái quát lý luận từ thực tiễn hiện đại của nước ta và thế giới. Đó là điều cơ bản bảo đảm sự phù hợp và tác động tích cực của chính sách kinh tế và cơ chế quản lý với quá trình phát triển kinh tế tất yếu khách quan.

QUAN ĐIỂM CHÍNH SÁCH MỚI CỦA ĐẢNG TRONG VIỆC

TIẾP TỤC CÁCH MẠNG QUAN HỆ SẢN XUẤT³

Quan điểm của Đại hội VI về chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đặt trên cơ sở đổi mới căn bản nhận thức về việc tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất trong quá trình xây dựng nền kinh tế mới. Đảng ta đã đạt tới quan điểm mới sau nhiều thập kỷ tìm tòi, thử nghiệm. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện chính sách mới vẫn còn là quá trình tiếp tục tìm tòi, sáng tạo không đơn giản. Đó là do cơ cấu kinh tế nhiều thành phần hiện nay đang còn nhiều tính tự phát, rối loạn. Nhân tố mới phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa tuy đã khá phổ biến, nhưng vẫn còn manh nha, chưa trọn vẹn, lại xen lẫn nhiều nhân tố tiêu cực. Cái tất yếu tiến bộ ẩn giấu trong vô số cái ngẫu nhiên. Bởi vậy, trong các cơ quan đảng và nhà nước cũng như trong dư luận xã hội nói chung, còn những cách hiểu rất khác nhau trên nhiều vấn đề lý luận thực tiễn.

Để thấu suốt chính sách của Đảng, tạo ra sự đồng tâm nhất trí cao trong đảng và trong toàn xã hội, cần hiểu thực chất chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là sự trở lại, sự vận dụng sáng tạo, sự kế thừa có phát triển những tư tưởng cơ bản của Lê nin trong chính sách kinh tế mới, đặc biệt là tư tưởng về chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác, nhằm tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất, như một quá trình tiến hóa hợp quy luật theo con đường xã hội chủ nghĩa/. Trong phạm vi bài này tôi đi sâu phân tích xu hướng phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong nhận thức về quá trình xây dựng nền kinh tế mới, điều quan trọng hàng đầu là nhận thức quá trình cách mạng về quan hệ sản xuất, nhất là quan hệ sở hữu. Quá trình đó bao gồm hai bước khác nhau căn bản về đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ và nguyên tắc

³ Tạp chí Cộng sản, tháng 5-1989

chính sách. Bước thứ nhất: sau khi chính quyền về tay nhân dân, dựa vào quyền lực nhà nước và sức mạnh của quần chúng, chúng ta nhanh chóng xóa bỏ chế độ sở hữu của các giai cấp bóc lột, chuyển thành sở hữu toàn dân trên những khâu quan trọng quyết định nhất. Đồng thời duy trì hoặc trao quyền sở hữu trực tiếp cho những tầng lớp lao động tư hữu nhỏ ở những lĩnh vực còn lại. Từ đó hình thành nền kinh tế nhiều thành phần với cơ cấu giai cấp và quan hệ giai cấp mới về chất và mới về nguyên tắc so với nền kinh tế trong xã hội cũ. Ở miền bắc nước ta thời kỳ 1957 – 1960 với thành quả khôi phục và phát triển kinh tế, nhất là trong nông nghiệp (thời kỳ tổ đổi công) thể hiện rất rõ nét sự giải phóng lực lượng sản xuất nhờ xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ, bước đầu xác lập quan hệ sản xuất mới phù hợp. Hơn nữa, trong điều kiện có chính quyền cách mạng vững mạnh do Đảng ta lãnh đạo, xu hướng phát triển kinh tế (trong đó có xu hướng phát triển các quan hệ sở hữu) theo con đường xã hội chủ nghĩa không chỉ là chính sách từ trên đưa xuống mà còn là nguyện vọng của đông đảo quần chúng, với phong trào tổ đổi công, tổ đoàn kết, hợp tác xã,, theo những hình thức thích hợp. Từ đó đã tất yếu đặt ra bước thứ hai của việc tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất nhằm thực hiện xu hướng phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trước hết là phát triển các quan hệ sở hữu theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Lê Nin, trong “báo cáo về sách lược của Đảng cộng sản Nga ngày 5 tháng 7 (1921) tại Đại hội III Quốc tế cộng sản, đã phân biệt rất rõ sự khác nhau về đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ và nguyên tắc chính sách giữa hai bước đó. Ở bước thứ nhất, đó là chính sách xóa bỏ giai cấp bóc lột là đại địa chủ và tư bản, thực hiện tương đối dễ bằng cách tước đoạt. Ở bước thứ hai, là chính sách đối với những người sản xuất nhỏ và tiểu tư sản mà về nguyên tắc không thể thực hiện nhanh chóng bằng tước đoạt. Lê nin còn nói thẳng đây chính là cách làm sai lầm mà Đảng đã phạm phải trước đó. Lê nin đề xướng và phát triển tư tưởng về chủ nghĩa tư bản nhà nước (với

nhều hình thức rất phong phú) và về chế độ hợp tác như sự khám phá con đường tiến hóa tự nhiên hợp quy luật, hợp trình độ quần chúng, để hướng dẫn những người lao động tiểu tư hữu đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và thu hút tư bản tư nhân vào đội quân xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chính sách đó đã là một nhân tố quyết định bước khôi phục và phát triển kỳ diệu của nền kinh tế xô viết trong thời kỳ chính sách kinh tế mới.

Cần đặc biệt lưu ý rằng, trong sự trình bày về các hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác. Lê nin đã coi trọng nhân tố định hướng xã hội chủ nghĩa với mức cao thấp khác nhau; đồng thời nhân tố tư hữu và lợi ích cá nhân (tiểu tư hữu con buôn) được duy trì sử dụng như một sự tô nhượng. Trong bối cảnh lịch sử lúc đó, chỉ có sự trình bày như vậy mới làm yên lòng đông đảo đảng viên và quần chúng vô sản cách mạng đang có khát vọng xung phong theo đường thẳng vào chế độ công hữu cộng sản. Sự tô nhượng đó có thể bị hiểu một cách sai lệch như là một bước lùi sách lược tạm thời. VÀ trong thực tiễn của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chẳng bao lâu sau khi Lê nin qua đời, cách hiểu sai lệch đó đã trở thành quan điểm chính thống. Từ đó, chính sách kinh tế của Lê nin cùng những tư tưởng về chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác, đã được thay thế bằng chính sách công cộng hóa triệt để, thịnh hành hơn nửa thế kỷ với những hậu quả to lớn, rất đau đớn. Đó là điều không còn phải bàn cãi, Đồng thời, từ nhiều thập kỷ gần đây, ở một số nước, với mức độ khác nhau đã có hiện tượng khôi phục trở lại tư tưởng Lê nin như vậy, trước đây không ít trường hợp còn diễn ra như sự tự phát, thử nghiệm, làm nén... Ngày nay, những nước bước mạnh vào công cuộc cải tổ đổi mới, đều trở lại và vận dụng sáng tạo những tư tưởng lớn của Lê nin về cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung và về cách mạng quan hệ sản xuất nói riêng. Sự trở lại đó bao gồm cả sự phát triển sáng tạo nhờ kinh nghiệm mới, trí thức mới trong điều kiện lịch sử hiện đại.

*

Ở nước ta sự trở lại chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần được khởi đầu từ nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 (1979) của ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV). Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định chính sách sử dụng lâu dài cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, như quá trình tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất một cách phù hợp. Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VI) càng khẳng định mạnh mẽ và dứt khoát “thực hiện nhất quán chính sách sử dụng lâu dài cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, giải phóng mọi năng lực sản xuất./ Đó là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội và thể hiện tinh thần dân chủ về kinh tế, bảo đảm cho mọi người được tự do làm ăn theo pháp luật, là tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa mà đại hội VI đã đề ra. Đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh trong bài phát biểu tại hội nghị này còn nói “Cũng không cần dùng từ “cải tạo” đao to búa lớn làm người ta sợ, vì ấn tượng cũ còn nặng nề. Đó là những kết luận rất cơ bản về quan điểm chính sách mới, rút ra qua tổng kết thực tiễn: là sự tiếp tục, đồng thời phát triển quan điểm của Đại hội VI, là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Lê nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác trong điều kiện cụ thể của nước ta.

Cho đến nay việc thấu suốt quan điểm chính sách mới của Đảng đã có thêm nhiều thuận lợi. Tuy nhiên, công việc đó thật không đơn giản, xét cả về mặt từ bỏ quan điểm cũ, cũng như về mặt triển khai quan điểm mới. Khó khăn của việc từ bỏ quan điểm cũ bắt nguồn từ chỗ nó đã là quan điểm chính thống trong nhiều thế hệ, đã được triển khai thành hệ thống lý luận và thực tiễn (sách giáo khoa, pháp chế và thể chế về cách mạng quan hệ sản xuất, cải tạo, tập thể hóa mô hình quốc doanh, mô hình hợp tác xã, cơ chế quản lý kinh tế tài chính...). Vì vậy, quan điểm cũ đã ăn sâu bắt rễ không chỉ về mặt tư tưởng, lý luận, pháp luật và mà còn về cả mặt tâm lý, tình cảm với những mặc cảm, định kiến, niềm tin, điều huy

ky, tiêu chuẩn giá trị xã hội, cùng với sự phân biệt quý tiện, xấu đẹp, thiện ác...

Dưới đây tôi chỉ đề cập một số vấn đề về lý luận và chính sách kinh tế góp phần triển khai quan điểm mới của Đảng.

Trong chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, có ba vấn đề cơ bản nhất về quan điểm.

1. Quan điểm giải phóng mọi năng lực sản xuất cần thiết có ích cho quốc **kế** dân sinh. Đây là tư tưởng chỉ đạo mọi chính sách kinh tế mà Đại hội VI đã đề ra. Từ quan điểm này, phải nhìn nhận mỗi thành phần, mỗi hình thức sở hữu trước hết về mặt lực lượng và năng lực sản xuất, để xét nó có cần thiết và có ích cho quốc kế dân sinh hay không. Lực lượng và năng lực sản xuất cần được hiểu đầy đủ từ năng lực lao động, vốn, tư liệu sản xuất. Về năng lực lao động cũng cần hiểu nó trong mọi khâu và lĩnh vực của quá trình sản xuất xã hội kể từ lao động sản xuất theo nghĩa hẹp đến lao động quản lý, lao động trong lĩnh vực thương nghiệp, dịch vụ kể cả dịch vụ thông tin, Từ quan điểm giải phóng như vậy mà chọn lựa, xác định hình thức quan hệ sản xuất phù hợp từ hình thức sở hữu đến quản lý và phân phối. Nói đến cùng, quan điểm giải phóng như vậy xuất phát từ quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất/ Từ đó, có thể nói chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, phát triển liên doanh liên kết theo định hướng xã hội chủ nghĩa, là sự thể hiện quy luật khách quan: là chính sách mang tinh thần dân chủ. Chính sách cũ thúc mạnh quá trình xu hướng công cộng hóa là chính sách trái quy luật, kìm hãm lực lượng sản xuất và đương nhiên rơi vào cách làm cưỡng bức, mất dân chủ.

2. Quan điểm coi chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần thể hiện tinh thần dân chủ về kinh tế. Điều này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Tinh thần dân chủ bắt nguồn từ quan điểm lấy dân làm gốc, là quan điểm chỉ đạo mọi chính sách của Đảng. Điều cần nhấn

manh ở đây là vấn đề dân chủ được đặt ra ngay từ trong chính sách cơ cấu, trong điều kiện lịch sử cụ thể của nền kinh tế mới, với cơ cấu giai cấp và quan hệ giai cấp mới trong nội bộ nhân dân, không còn giai cấp và mâu thuẫn giai cấp đối kháng. Quán triệt tinh thần dân chủ như vậy mới có thể thanh toán cách nhìn nhận cũ, xây dựng cách nhìn nhận mới về đấu tranh giai cấp, liên minh giai cấp, quan hệ bình đẳng giữa các thành phần và công dân có quyền tự do sinh sống, làm ăn hợp pháp. Chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần mang tinh thần dân chủ về kinh tế như vậy đương nhiên có mặt trái của nó làm nảy sinh xu hướng vô tổ chức, vô chính phủ, xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa. Bởi vậy, tinh thần dân chủ về kinh tế phải bao hàm sự nâng cao vai trò của các nhân tố trực tiếp bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa: vai trò chủ đạo của nền kinh tế quốc doanh và vai trò quản lý nhà nước về kinh tế. Nhưng cần khẳng định rằng chỉ có thể nâng cao vai trò của hai nhân tố định hướng đó khi quán triệt chính sách và cơ chế mang tinh thần dân chủ về kinh tế. Thật sự chuyển sang chế độ tự chủ hạch toán kinh doanh, chính là dân chủ hóa về kinh tế nhằm giải phóng kinh tế quốc doanh khỏi cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, phát huy vai trò chủ đạo của nó. Đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế, từ bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang quản lý chủ yếu bằng phương pháp kinh tế, cũng tức là dân chủ hóa về kinh tế. Đó là con đường nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế. Đổi mới chính sách và cơ chế quản lý kinh tế theo tinh thần dân chủ như vậy là tạo nền tảng dân chủ cho việc xây dựng hệ thống quản lý có kế hoạch hợp lý trên quy mô toàn xã hội; xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp cùng với tình trạng rối loạn, vô tổ chức gắn liền với cơ chế đó.

3. Vấn đề cuối cùng và quan trọng nhất là quan điểm đặt chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở bậc chiến lược lâu dài, chứ không phải chỉ là sách lược, bước lùi đối phó tạm thời. Chỉ với quan điểm triệt để như vậy mới có thể tạo ra niềm tin trong mọi

thành phần và mọi người dân làm ăn hợp pháp, khiến họ yên tâm mạnh dạn đầu tư sản xuất, kinh tế làm ăn lớn và lâu dài, an cư lạc nghiệp, đẩy lùi và thanh toán xu hướng làm ăn cò con, đối phó tạm thời, chụp giựt, lẫn trốn vào kinh tế ngầm phi pháp...

Quan điểm triệt để như vậy xuất phát từ sự phân tích và luận chứng khoa học, chứ không phải chỉ là ý chí mong muốn chủ quan hay lời hứa hẹn tốt lành. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong điều kiện kinh tế chính trị xã hội của nước ta, và trong bối cảnh kinh tế hiện đại, hoàn toàn có khả năng phát triển vững chắc theo con đường xã hội chủ nghĩa, tức là khả năng tạo lập nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với chế độ hợp tác xã hội chủ nghĩa hiểu theo tư tưởng Lê nin. Điều đó có nghĩa là trong quá trình tiến hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các thành phần không tồn tại nguyên dạng tách biệt nhau, mà tiến hóa trong hệ thống liên kết, hợp tác tự nguyện, cùng cơ lợi, nguyên tắc dân chủ về kinh tế, tạo thành hệ thống kinh tế với tính chất xã hội chủ nghĩa ngày càng cao. Đó là con đường tiến hóa tự nhiên hợp quy luật của sự ra đời, phát triển, hoàn thiện từng bước của quan hệ sản xuất mới.

Đó chính là con đường mà Lê nin đã khám phá từ thời kỳ cách mạng tháng mười Nga với tư tưởng về chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác, hòn đá tảng của chính sách kinh tế mới.

CẢI TẠO VÀ SỬ DỤNG CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ⁴

NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN, NHIỆM VỤ CẢI TẠO VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG CÁC THÀNH PHẦN

1. Sự tất yếu của chính sách sử dụng cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong **thời kỳ quá độ.**

Trong điều kiện của nền kinh tế quá độ lên CNXH xuất phát từ trình độ lực lượng sản xuất thấp kém của nước ta, để nhận thức và vận dụng đúng đắn những quy luật kinh tế khách quan, một trong những vấn đề có ý nghĩa cơ bản nhất là: trước hết phải tính đến quy luật về sự phù hợp và tác động tích cực trở lại của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, cũng như tính quy luật về sự phù hợp và tác động tích cực trở lại của hình thức quản lý với hình thức sản xuất. Đó là một trong những bài học cơ bản nhất, cần và có thể rút ra từ những thành công và vấp vấp trong cải tạo và quản lý kinh tế, là bài học của những bài học về vận dụng các quy luật kinh tế xã hội.

Đảng cộng sản Việt Nam đã trải qua nhiều năm tìm tòi trong vấn đề này. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 (1979) của BCHTW Đảng cộng sản Việt Nam (khóa IV), xuất phát từ luận đề cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê nin về **thời kỳ quá độ** và từ đặc điểm kinh tế của đất nước. đã bước đầu xác định quan điểm sử dụng hệ thống kinh tế nhiều thành phần và đòi hỏi tìm hình thức quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, khắc phục xu hướng nóng vội trong sự vận dụng những hình thức quốc doanh và tập thể. Đảng khẳng định, đó là quyết định quan trọng đánh dấu một bước trưởng thành của tư tưởng và chính sách kinh tế đã có tác dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển khá mạnh mẽ trong những năm gần đây, đặc biệt là trong mặt trận nông nghiệp, tiểu

⁴ Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 2-1987

công nghiệp và thủ công nghiệp là nơi đáng còn những nguồn dự trữ sản xuất to lớn trong tầm tay.

Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 12-1986 đã hoàn chỉnh và khẳng định chính sách sử dụng cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ: "Xuất phát từ sự đánh giá những tiềm năng tuy phân tán nhưng rất quan trọng trong nhân dân, cả về sức lao động, kỹ thuật, tiền vốn, khả năng tạo việc làm, chúng ta chủ trương đi đôi với việc phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, tăng cường nguồn tích lũy tập trung của Nhà nước và tranh thủ vốn ngoài nước, cần có chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác" và "Giải pháp đó xuất phát từ thực tế của nước ta và là sự vận dụng quan điểm của Lê Nin coi nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của **thời kỳ quá độ**, Đại hội cũng xác định nước ta các thành phần gồm: Kinh tế XHCN, kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế tự nhiên.

Sự tồn tại tất yếu của các thành phần và hình thức kinh tế tư hữu nhỏ ở nước ta bắt nguồn từ lực lượng sản xuất và lưu thông hiện thực nằm trong quá trình tái sản xuất xã hội, bắt nguồn từ lợi ích kinh tế sống còn của hàng chục triệu người lao động tư hữu nhỏ trong điều kiện công nghiệp hiện đại chưa phát triển. Cuộc sống đã chứng minh rằng mỗi hình thức sở hữu quốc doanh, tập thể, tư nhân hay cá thể, được xem là tiến bộ hay phản tiến bộ, **phải** được xét xuất phát từ sự phù hợp hay không phù hợp của quan hệ sản xuất. Ở khu vực sản xuất quy mô nhỏ, phân tán, với lao động thủ công, kinh tế quốc doanh đã thực tế tỏ ra là hình thức kém hiệu quả và trong không ít trường hợp kinh tế tập thể tỏ ra thua kém kinh tế gia đình và tư nhân, cá thể. Chính hệ thống kinh tế nhiều thành phần mới là hệ thống tiến bộ, đồng thời là hiện thực và phù hợp với lực lượng sản xuất hiện nay, trong đó đã có nhiều yếu tố của sản xuất lớn, nhưng sản xuất nhỏ còn là phổ biến, còn bao gồm

nhiều trình độ kỹ thuật, nhiều quy mô hoạt động, nhiều loại hình sản xuất kinh doanh và đang có nhiều mất cân đối gay gắt.

Mặt khác, khi Đảng và nhà nước chủ trương sử dụng hệ thống kinh tế nhiều thành phần có nơi có lúc đã có xu hướng chấp nhận và duy trì nguyên vẹn các hình thức kinh tế tư hữu xem đó là “tốt yếu” là “phù hợp” với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Dẫu xét về mặt lý luận hay chính sách, xu hướng đó là sai về nguyên tắc, và tất nhiên dẫn tới do dự trong việc tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất và buông trôi cho tính tự phát trong quản lý kinh tế. Về nguyên tắc phải thấy rằng các hình thức kinh tế tư hữu được sử dụng đặt trong những điều kiện khách quan của chế độ chính trị mới, của nền kinh tế kiểu mới về nguyên tắc, mới về chất, mặc dù nền kinh tế ấy còn đang ở bước quá độ đầu tiên. Sẽ là không khoa học nếu hiểu tính quá độ trong hệ thống quan hệ sản xuất hiện nay chỉ là sự xen lẫn giản đơn nhân tố XHCN và không XHCN, công hữu và tư hữu.

2. Đặc điểm của nền kinh tế nhiều thành phần.

Với quan điểm hệ thống phải nói rằng nền kinh tế nhiều thành phần của nước ta không phải là một tập hợp giản đơn mang tính quá độ tùy nghi, vô hướng, mà là một hệ thống kinh tế quá độ được định hướng và đang tiến hóa vững chắc theo con đường XHCN.

Tính hệ thống, tính quá độ có định hướng của nền kinh tế nhiều thành phần được quy định bởi nhiều nhân tố khách quan.

1. Bản thân lực lượng sản xuất xã hội bao gồm hệ thống phân công hiệp tác trong mọi khâu sản xuất, lưu thông, phân phối. Các thành phần kinh tế tồn tại trong tác động qua lại với nhau trong cùng một quá trình sản xuất xã hội, cùng một thị trường chung. Dẫu có thị trường riêng, nhưng không thể là lãnh địa riêng. Trong các khâu từ sản xuất đến phân phối, lưu thông, kinh tế quốc doanh chiếm lĩnh những vị trí then chốt và cùng với kinh tế tập thể là hai

hình thức sở hữu chủ yếu, tất yếu có vai trò chủ đạo và quy định đặc trưng chung của cả hệ thống. Các thành phần tư hữu không còn giữ nguyên dạng mà tất yếu phải liên kết và chịu tác động chủ đạo của kinh tế quốc doanh và tập thể, trở thành những hình thức kinh tế quá độ đang trên con đường cải tạo.

2. Tất cả các thành phần kinh tế đặt dưới sự quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản, phát triển trong quỹ đạo của chính sách kinh tế và kế hoạch kinh tế quốc dân thống nhất, tạo thành cơ sở kinh tế của liên minh chính trị các lực lượng xây dựng CNXH trong đó nền tảng là liên minh công nông do giai cấp vô sản lãnh đạo. Có thể nói các thành phần tư hữu tất yếu từng bước mang tính chất quá độ, ít nhất là trong quan hệ quản lý và phân phối.

3. Trong hệ thống kinh tế nhiều thành phần ấy hệ thống quy luật kinh tế của CNXH xuất hiện và tác động chủ yếu trong kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, qua đó, tác động quyết định đến sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế. Các thành phần kinh tế tư hữu được cải tạo từng bước, những quy luật kinh tế vốn có trong các thành phần ấy còn tự phát hoạt động nhưng sẽ mất dần tính tự phát và từng bước thu hẹp điều kiện hoạt động.

4. Hệ thống lợi ích kinh tế chưa phải là XHCN thuần túy song lợi ích kinh tế XHCN của toàn dân là lợi ích chủ đạo. Đồng thời cũng vẫn còn có lợi ích kinh tế có liên quan đến sự tồn tại của sở hữu tư nhân, Mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế từng bước bị xóa bỏ và phát triển xu hướng tạo thành hệ thống lợi ích kinh tế thật sự XHCN, thống nhất.

Bởi vậy có thể nói trong điều kiện có hệ thống chuyên chính vô sản vững mạnh **do Đảng ta lãnh đạo**, thành phần kinh tế quốc doanh **chủ** đạo với nền kinh tế nhiều thành phần của nước ta là một hệ thống kinh tế quá độ được định hướng và đang tiến hóa vững chắc theo con đường XHCN.

Tuy nhiên phải thấy rằng sự định hướng và tiến hóa như vậy tuy là tất yếu khách quan, nhưng không phải là sự nghiệp đơn giản nhẹ nhàng, nhất là trong bước đầu thời kỳ quá độ hiện nay. Đó là do kinh tế tư nhân, cá thể và kinh tế gia đình còn chiếm tỷ trọng rất lớn, lại có tính tự phát vô tổ chức. Kinh tế quốc doanh ở trong một tình hình đặc biệt, tuy có tiềm lực lớn nhưng có hai chỗ yếu: một là không cân đối, thiếu hụt vật tư, làm cho sản xuất kinh doanh luôn có nguy cơ đình đốn, thua lỗ, hai là mang nặng cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thiếu năng động, rất ít tác dụng nêu gương và đấu tranh làm đúng vai trò chủ đạo. Về phía các cơ quan Nhà nước có chức năng cải tạo và quản lý thì do sự hạn chế của kinh nghiệm cũ trước đây về cải tạo và do quen nếp quản lý hành chính đơn thuần và bao cấp trong kinh tế thời chiến, nay chưa chuyển kịp nên rất lúng túng trong việc sử dụng những phương pháp kinh tế, để vừa cải tạo vừa quản lý sử dụng các thành phần kinh tế, đặc biệt là cải tạo thị trường, sử dụng quan hệ thị trường.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã phê phán nghiêm khắc những khuyết điểm trong cải tạo và sử dụng các thành phần : “ Chúng ta chưa xác định rõ ràng, nhất quán những quan điểm, chủ trương và chính sách chỉ đạo công cuộc cải tạo XHCN. Đã có những biểu hiện nóng vội muốn xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế phi XHCN, nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh: và “ Cách làm thường theo kiểu chiến dịch, gò ép, chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng và hiệu quả; sau những đợt làm nóng vội lại buông lỏng”

Do những nguyên nhân khách quan và khuyết điểm chủ quan ấy mà tính tự phát vô tổ chức vốn có của hàng chục triệu nông dân, thợ thủ công, tiểu thương... đã xảy ra với những hậu quả tiêu cực mà có lẽ ra có thể hạn chế. Hơn nữa, tính tự phát vô tổ chức còn xảy ra ngay trong kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể do bản thân sản xuất không cân đối, nhiều yếu tố bất định. Mặt khác, do buộc

phải xóa bỏ nhiều thể chế thuộc cơ chế quản lý cũ lạc hậu, cản trở mà cơ chế mới thì chưa có đủ, chưa hoàn thiện.

Để tạo lập trật tự kinh tế tiến bộ, từng bước cải tạo và quản lý sử dụng cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra quan điểm chính sách mới.

3. Quan điểm chính sách mới về cải tạo quản lý sử dụng cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã vạch rõ: “Cuộc sống cho ta một bài học, thậm chí là không thể nóng vội làm trái quy luật. Nay phải sửa lại cho đúng như sau: Đẩy mạnh cải tạo XHCN là nhiệm vụ thường xuyên liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, luôn luôn có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất”.

Quan điểm chính sách mới mà Đại hội nêu ra bao hàm nhận thức căn bản khác trước về đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ quản lý và hình thức quản lý.

Trước hết khẳng định chính sách sử dụng cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ tức là khẳng định đối tượng khách quan của quản lý bao gồm không chỉ thành phần XHCN mà là tất cả các thành phần sản xuất kinh doanh hợp pháp. Nói đầy đủ hơn các thành phần đều là đối tượng lãnh đạo của Đảng, đối tượng quản lý của Nhà nước. Trước đây với mục tiêu hoàn thành cải tạo năm 1985 với cách hiểu cải tạo là tập thể hóa, thì các thành phần kinh tế tư nhân cá thể là đối tượng cải tạo (xóa bỏ) chứ không phải đối tượng quản lý.

Về mục tiêu và nhiệm vụ quản lý, cũng được đặt lại một cách cơ bản: mục tiêu không phải ngay lập tức đưa các thành phần kinh tế tư nhân, cá thể trở thành kinh tế quốc doanh và tập thể (thực chất là xóa bỏ kinh tế tư nhân và cá thể) tức là lấy quan hệ sở hữu làm mục tiêu cơ bản. Trái lại, ngày nay mục tiêu là huy động sử

dụng sức sản xuất của các thành phần tư nhân cá thể (huy động mọi nguồn lực lao động, tư liệu và vốn sản xuất, kinh nghiệm và truyền thống...)trong chừng mực nó còn có lợi cho quốc kế dân sinh (tạo thêm sản phẩm xã hội và việc làm ...) Như vậy, quá trình cải tạo đồng thời là quá trình sử dụng, đưa vào quỹ đạo được quản lý, khắc phục tính tự phát vô tổ chức vốn có của kinh tế tư nhân cá thể trong sản xuất cũng như trên thị trường. Trước đây, với mục tiêu sớm xóa bỏ kinh tế tư nhân cá thể trong khi nó còn là tất yếu kinh tế, đã đưa tới sự phát triển rất bất lợi của nền kinh tế ngầm và kinh doanh phân tán nhỏ, là tình huống cực kỳ vô tổ chức, rất khó quản lý.

Về mối quan hệ giữa các thành phần, trong điều kiện các giai cấp bóc lột đã bị xóa bỏ với tư cách giai cấp, trong điều kiện đã có nền chuyên chính vô sản vững mạnh, các thành phần với tư cách những lực lượng sản xuất hợp pháp và cần thiết cho quốc tế dân sinh, tồn tại trong cơ cấu, một hệ thống, vừa đấu tranh vừa đan kết nhau trong quan hệ phân công hiệp tác, trong cùng một quá trình sản xuất xã hội từ sản xuất đến phân phối lưu thông, tiêu dùng trong đó thành phần XHCN trước hết là kinh tế quốc doanh tất yếu giữ vai trò chủ đạo. Theo quan điểm mới, các thành phần XHCN và tư nhân cá thể không bị phân cách, đối lập, loại trừ nhau, mà liên kết liên doanh trong đó thành phần XHCN là chủ đạo. Trong chính sách và cơ chế cũ, đã xuất hiện sự đối lập giả tạo giữa các thành phần rất bất lợi cho CNXH.

Nội dung cuộc đấu tranh giải quyết vấn đề ai thắng ai cũng nhận thức sáng tỏ và triệt để hơn, trong đó khâu quan trọng nhất không phải là sự xóa bỏ giản đơn các thành phần tư nhân cá thể, mà trước hết là sự củng cố tăng cường vai trò của thành phần XHCN trước hết là kinh tế quốc doanh để đủ sức giữ vai trò chỉ đạo. Mặt khác, sử dụng có nguyên tắc những hình thức kinh tế quá độ như hợp doanh, hợp tác, liên doanh, đại lý vệ tinh.. để đưa các thành phần tư nhân, cá thể, cũng như hình thức kinh tế gia đình vào quỹ

đạo gắn bó và chịu sự chi phối thành phần XNCN, sự quản lý của Nhà nước. Trong tương lai, các thành phần kinh tế tư nhân cá thể với những hình thức quá độ phù hợp, có thể còn phát triển về số tuyệt đối, và tồn tại lâu dài. Nhưng về tỷ trọng sẽ giảm thấp tương đối do thành phần XHCN được tăng cường và phát triển mạnh mẽ nhất.

Với quan điểm chính sách mới, Đại hội đã xác định “Nhiệm vụ cải tạo XHCN đặt ra cho chặng đường đầu tiên là kinh tế XHCN với khu vực quốc doanh làm nòng cốt phải giành được vai trò quyết định trong nền kinh tế quốc dân, cụ thể là chiếm tỷ trọng lớn cả trong sản xuất và lưu thông, thể hiện được tính ưu việt và chi phối được các thành phần kinh tế khác thông qua liên kết kinh tế”.

SỬ DỤNG CÓ NGUYÊN TẮC NHỮNG HÌNH THỨC KINH TẾ QUÁ ĐỘ TRONG CẢI TẠO VÀ QUẢN LÝ

1. Mối quan hệ giữa cải tạo và quản lý sử dụng các thành phần

Nền kinh tế nhiều thành phần hiện nay của nước ta hình thành trên cơ sở chuyên chính vô sản đã được xác lập vững mạnh, đã thực hiện quốc hữu hóa đối với tư sản lớn và toàn bộ hệ thống ngân hàng. Trong nền kinh tế quá độ ấy, có mối quan hệ rất đặc thù giữa việc tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất với công tác quản lý kinh tế. Hiện nay, nếu không tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất, đặc biệt là nếu chưa củng cố và phát huy được vai trò của kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, nhất là quốc doanh, thì chưa thật sự có tiền đề cho chế độ quản lý thống nhất có kế hoạch; chưa thể nói đến làm chủ thị trường về mặt kinh tế và khắc phục tình trạng tự phát vô tổ chức. Mặt khác tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất trong kinh tế quốc doanh và tập thể, cơ bản là việc đổi mới và hoàn thiện quản lý. Hơn nữa, con đường cải tạo kinh tế tư nhân của tư sản nhỏ, nhất là kinh tế cá thể của những người lao động tư hữu nhỏ, nhất là kinh tế cá thể của những người lao động tư hữu nhỏ, củ người tiểu nông, tuyệt đối không thể là con đường xóa bỏ giản đơn

hoặc trung thu, trung mua, cũng không thể nhất loạt quốc doanh hóa hay tập thể hóa. Có thể nói hiện nay trong việc tiếp tục cải tạo các thành phần ấy phải đặc biệt chú trọng tổ chức và quản lý. Cải tạo không chỉ là thay đổi chế độ sở hữu, không dùng lại ở sự xác lập chế độ sở hữu mới, mà còn tác động vào quan hệ quản lý và phân phối, qua đó, củng cố và mở rộng chế độ sở hữu mới. Vấn đề “ ai thắng ai” trong phạm vi này phải được giải quyết chủ yếu bằng vũ khí quản lý. Chính trong tình huống đó và trên cơ sở kinh nghiệm mới, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã tổng kết: "Cải tạo XHCN, xây dựng quan hệ sản xuất mới bao gồm cả ba mặt: xây dựng chế độ công hữu về liên sản xuất, chế độ quản lý và chế độ phân phối XHCN".

Trên thực tế, kinh tế nước ta những năm gần đây đã nổi lên vấn đề sử dụng những hình thức kinh tế quá độ trong quan hệ sở hữu, quan hệ phân phối và trong chế độ quản lý, mà tính chất của nó vừa là hình thức cải tạo vừa là hình thức tổ chức quản lý. Đó là điều tất yếu bởi lẽ trong một hệ thống kinh tế quá độ gồm nhiều thành phần, những hình thức sở hữu, phân phối và quản lý tất yếu cũng mang tính quá độ. Đây là vấn đề thời sự nóng bỏng, rất cơ bản nhưng cũng rất mới mẻ và phức tạp về quan điểm lý luận và chính sách. Trên thực tế có hai xu hướng nhận thức sai lệch. Một là, những nhận thức cũ kỹ, cứng nhắc, thực chất là tư tưởng ấu trĩ muốn lập tức công cộng hóa, đã kìm hãm việc sử dụng các hình thức kinh tế quá độ kìm hãm việc sử dụng các hình thức kinh tế quá độ rất có hiệu quả chỉ vì trong đó còn nhân tố tư hữu như một sự "không trong sạch"., đe dọa CNXH. Hai là, xu hướng chấp nhận kinh tế tư nhân cá thể và những hình thức kinh tế quá độ một cách thụ động, đi tới do dự trong cách mạng quan hệ sản xuất và buông trôi cho tính tự phát trong quản lý kinh tế.

2. Điểm xuất phát khi xem xét các hình thức kinh tế quá độ.

Khi xem xét các hình thức kinh tế quá độ trong nền kinh tế nhiều thành phần hiện nay, về mặt phương pháp luận phải xuất phát

từ sự phân tích quan hệ phân công hiệp tác, liên kết của chính lực lượng sản xuất đang trong quá trình xã hội hóa. Trong nền kinh tế quá độ của nước ta hiện nay, các thành phần kinh tế không tồn tại biệt lập, riêng rẽ mà liên kết, xâm nhập nhau trong quan hệ phân công, hiệp tác từ sản xuất đến phân phối lưu thông, trong đó thành phần kinh tế XHCN, trước hết là quốc doanh, là lực lượng nòng cốt. Chính sự liên kết ấy tạo khả năng phát huy mạnh mẽ vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh. Trên thực tế, từ sau nghị quyết hội nghị lần thứ 6 (1979) của BCHTW Đảng (khóa IV) đã ngày càng xuất hiện những hình thức liên kết nhiều thành phần gồm kinh tế quốc doanh, tập thể, tư nhân cá thể hợp doanh, và kinh tế gia đình... Sự liên kết ấy đang phát triển trong hợp tác xã nông nghiệp, lâm trường, xí nghiệp, địa bàn huyện và quận, khu kinh tế mới, thành phố công nghiệp, trong nội bộ từng ngành và liên quan từ sản xuất đến phân phối lưu thông. Sự liên kết ấy đã được Đảng và nhà nước xem như nhân tố mới làm tăng sức sản xuất xã hội, tăng hiệu quả kinh tế quốc dân. Liên doanh liên kết được coi là một trong những con đường tìm tòi khai thác những khả năng để cân đối kế hoạch.

Những mối liên kết ấy là tất yếu của lực lượng sản xuất đang trong quá trình xã hội hóa, xét về mặt quan hệ sản xuất được thể hiện vừa là quan hệ tổ chức có kế hoạch, vừa là quan hệ hạch toán kinh tế, trao đổi hàng hóa trong đó có nguyên tắc cùng có lợi được coi trọng. Và chính đó là động lực thúc đẩy mở rộng quan hệ phân công, hiệp tác, liên kết, tức là thúc đẩy xã hội hóa. Trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp những quan hệ phân công hiệp tác thường được xử lý theo quan hệ phân công hiệp tác thường được xử lý theo quan điểm hành chính, vi phạm nguyên tắc cùng có lợi và nguyên tắc hạch toán kinh tế. Do đó, trên thực tế đã làm mất động lực kinh tế của quá trình xã hội hóa sản xuất, đã kìm hãm quá trình ấy. Trong điều kiện kinh tế hiện nay những quan hệ phân công hiệp tác liên kết nhiều thành phần đi liền với việc sử dụng những hình thức kinh tế quá độ như kinh doanh tư nhân, cá thể hợp doanh, hợp tác,

kinh tế gia đình, hùn vốn liên doanh chia lời, giao khoán, bao thầu, bao mua, đại lý... Xét bề ngoài, những hình thức ấy lặp lại những hình thức kinh tế tư bản, kinh tế thị trường. Nhưng phải thấy chúng đã mang ít nhiều nội dung kinh tế xã hội mới, sự định hướng chính sách trong điều kiện chuyên chính vô sản vững mạnh. Và chính vì vậy ta mới có thể coi đó là những hình thức kinh tế quá độ đang trên con đường cải tạo. Hơn nữa, ở nước ta, với nền kinh tế nhiều thành phần mà tỷ trọng kinh tế tư hữu còn lớn thì có thể nói đến tính quá độ hai bậc. Chúng ta không chỉ có vấn đề ở sự tồn tại kinh tế hàng hóa XHCN như các nước anh em, mà còn có vấn đề ở sự tồn tại kinh tế hàng hóa mang nặng tính tự phát tương ứng với tỷ trọng kinh tế tư hữu còn lớn. Đó là thực tiễn của chặng đường đầu tiên.

Những hình thức kinh tế quá độ như trên mang tính chất vừa là hình thức cải tạo từng bước, vừa là hình thức quản lý; Chúng tạo khả năng huy động tận dụng toàn bộ lực lượng sản xuất xã hội; tự liệu sản xuất, vốn lao động... bất kể thuộc hình thức sở hữu nào. Nếu từ chối, quá dè dặt trong sử dụng sẽ kìm hãm lực lượng sản xuất. Mặt khác, nếu buông trôi thì đương nhiên xu hướng tự phát TBCN của hàng chục triệu người sản xuất hàng hóa nhỏ sẽ gây hậu quả tiêu cực, tổn hại cho quá trình cách mạng XHCN.

3. Những hình thức kinh tế quá độ trong quan hệ sở hữu, phân phối và quản lý.

Việc nghiên cứu và sử dụng đúng đắn những hình thức kinh tế quá độ là vấn đề rất phức tạp và mới mẻ mà sau đây bước đầu xem xét theo các mặt của quan hệ sản xuất, trước hết là quan hệ sở hữu có liên quan đến chính sách sử dụng kinh tế tư nhân, hợp doanh, liên doanh, kinh tế gia đình và các vấn đề công hữu hóa, hùn vốn, hoa lợi và lợi tức, tín dụng, giao khoán, vv... Cần lưu ý rằng: một đặc điểm của nước ta đi lên CNXH từ nền sản xuất nhỏ là tình trạng phân tán, chưa tích tụ của vốn sản xuất xã hội. Một phần khá lớn vốn sản xuất xã hội nằm trong tay người lao động tư hữu nhỏ, tư sản nhỏ trong đó có tự liệu sản xuất, vàng, ngọc, ngoại

hối, tiền mặt... Đối với nguồn vốn ấy không thể trưng thu, trưng mua. Trong khi hợp tác hóa, nếu góp cổ phần một cách bình quân và tối thiểu thì rõ ràng là không huy động hết vốn sản xuất xã hội. Còn việc công hữu hóa nhất loạt, hoặc hóa giá với giá thấp thiệt thòi cho người có nhiều tư liệu sản xuất, thường dẫn đến tổn thất. Trong cả hai trường hợp, vốn sản xuất xã hội đều bị giảm sút khi tập thể hóa, như vậy đương nhiên làm yếu lực lượng sản xuất.

Từ sau Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của BCHTW (khóa IV) đã xuất hiện một số biện pháp huy động vốn rất đáng khuyến khích. Một số đơn vị quốc doanh và tập thể huy động vốn của tư nhân dưới hình thức vay vốn, hoặc hùn vốn và góp cổ phần không hạn chế với mức lãi hợp lý, ... Như vậy đã biến vốn nhỏ, vốn lớn, vốn nằm im thành vốn đi vào chu chuyển. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể qua đó nắm quyền sử dụng một nguồn vốn to lớn hơn nhiều nguồn vốn tự có, thực hiện tích tụ vốn mà không cần trưng thu. Qua đó tuy sở hữu còn là tư nhân mà sử dụng đã là xã hội. Chế độ tư hữu không tự phát tái sản xuất mở rộng như trong xã hội cũ. Gần đây còn có sự kiện nhiều đơn vị kinh doanh, địa phương và nhiều người dân tự nguyện tham gia hùn vốn, hiến vốn để xây dựng công trình lớn. Đó là một khả năng rất đáng được xem xét.

Điều cần nhấn mạnh là vốn sản xuất trong tay tư nhân nếu Nhà nước và tập thể không có chính sách thỏa đáng để huy động, đồng thời nếu về chính sách lại không làm cho tư nhân thấy có lợi và yên tâm bỏ vốn sản xuất và ra sức tích lũy thêm, thì chính vốn ấy có thể chuyển thành tư liệu tiêu dùng hoặc chuyển thành quỹ và đồ đạc có giá trị dự trữ, tức là vốn nằm im, thậm chí để dành rồi ăn dần vào vốn. Do đó còn dễ rơi vào sự tiêu dùng hoang phí kiểu sống gấp trong khi đất nước rất nghèo. Hiện nay xét trên các mặt lợi ích kinh tế, cũng như về chính trị tinh thần và dư luận xã hội, cần tạo đủ điều kiện để tư nhân yên tâm mạnh dạn đầu tư sản xuất kinh doanh. Đại hội lần thứ VI của Đảng đòi hỏi " Cần sửa đổi, bổ

sung và công bố rộng rãi chính sách nhất quán đối với các thành phần kinh tế. Những quy định có tính nguyên tắc phải trở thành pháp luật để mọi người yên tâm; mạnh dạn kinh doanh". Có thể nói xu hướng nóng vội trong xóa bỏ tư hữu và kinh doanh tư nhân và nóng vội trong xử lý các quan hệ tài sản như hoa lợi, lãi suất... sẽ làm cho một phần quan trọng vốn sản xuất xã hội trở thành vốn tiêu dùng và vung phí trong tiêu dùng. Nói cách khác, xu hướng ấy làm yếu động lực kinh tế của sự tích lũy tái sản xuất mở rộng trong nhân dân, làm cho người dân nói chung chỉ lo tiêu dùng, còn tích lũy là vấn đề của Nhà nước và tập thể.

Nhà nước ta đã mở công trái. Hơn nữa có thể mở sổ quyền góp yêu nước xây dựng CNXH. Trong tình hình đồng tiền giấy chưa vững giá, Đảng và Nhà nước đã từng bước mở rộng sử dụng nhiều hình thức, huy động vốn tiết kiệm, có mức lãi thỏa đáng, gắn liền với sự động viên khuyến khích về tinh thần. Hiện nay, đã bắt đầu sử dụng hai cơ chế huy động vốn, cơ chế ngân hàng Nhà nước thống nhất trên cả nước có tính đến sự phân cấp cho địa phương, và cơ chế huy động vốn trực tiếp ở đơn vị kinh doanh với những hình thức linh hoạt đa dạng từ góp vốn cổ phần không hạn chế đến các hình thức cho vay, góp vốn chia lãi ngắn hạn tạm thời... Cơ chế này có thể giải phóng ngân hàng Nhà nước khỏi nhiệm vụ cấp phát tín dụng tràn lan, dành sức phục vụ những mục ưu tiên về những khâu trọng yếu. Nhờ đó còn có thể đấu tranh chống tình trạng kinh doanh tiền tệ cho vay lấy lãi lén lút mà hiện nay còn đang diễn ra.

Cùng với xu hướng huy động vốn tư nhân vào tay Nhà nước và tập thể, còn có xu hướng theo chiều ngược lại - chuyển giao một số loại tư liệu sản xuất thuộc sở hữu công cộng cho cá nhân và tập thể lao động sử dụng theo kiểu giao khoán máy móc, xe cộ, trâu bò, đàn lợn, ruộng, vườn, ao hồ, rừng. Có ý kiến cho rằng cái lợi chỉ là trước mắt còn đằng sau nó về cơ bản lâu dài là công hữu xói mòn, tư hữu được khôi phục. Thật ra, giao khoán một số tư liệu sản xuất như trên nói, đã làm cho mọi tài sản công hữu không chỉ có chủ thể

sở hữu mà còn có chủ thể sử dụng thật sự về kinh tế, bảo đảm giữa hai chủ thể ấy có sự thống nhất lợi ích, cùng có lợi. Nhờ vậy có thể khắc phục sự lãng phí rất lớn về tài sản công hữu đã xảy ra do tình trạng "công quản" chung chung, cha chung không ai khóc, thực tế là "vô chủ" xét về mặt quản lý sử dụng.

Với sự giao khoán đúng đắn, nhiều máy móc thải loại, ruộng hoang, đồi trọc, ao hồ bỏ không nay được đưa vào sản xuất. Chế độ công hữu được thực hiện tốt hơn, được tái sản xuất mở rộng. Đương nhiên, người lao động cũng giàu lên bằng lao động và thu nhập hợp pháp của mình, là điều mà chúng ta mong đợi. Hơn nữa, việc giao khoán trong nhiều trường hợp còn kích thích người lao động ra sức tích lũy đầu tư vào sản xuất thay cho sự tiêu dùng chưa thiết yếu.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rõ quan hệ sở hữu mang tính quá độ với nhiều hình thức, làm cho quan hệ phân phối cũng mang tính quá độ. Phân phối theo lao động là nguyên tắc cơ bản, nhưng phân phối theo vốn, theo tư liệu sản xuất bỏ ra còn là tất yếu. Trong quan hệ quản lý cũng vậy, công quản thống nhất là chủ đạo, nhưng phải được thực hiện bằng khoán quản, bằng hạch toán kinh tế đến cá nhân và tập thể lao động.

Giải quyết đúng đắn những vấn đề ấy tạo khả năng thực hiện quá trình tích tụ vốn nhanh hơn, làm cho vấn đề tiết kiệm tiêu dùng, nâng cao tỷ trọng tích lũy trong thu nhập quốc dân và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn sản xuất xã hội, trở thành mối quan tâm thật sự của đông đảo quần chúng, thật sự trở thành vấn đề mà Nhà nước và nhân dân cùng làm. Nói riêng, sự tích tụ vốn như thế là một trong những nguồn tích lũy ban đầu đặc thù của nước tiểu sản xuất, cần được tính đến trong phương án kế hoạch và chính sách kinh tế của mọi cấp để giải quyết vấn đề tạo vốn ban đầu là điều kiện quyết định tái sản xuất mở rộng.

4. Tính nguyên tắc trong việc sử dụng những hình thức kinh tế quá độ

Việc sử dụng những hình thức kinh tế quá độ phải đặt trong điều kiện chính sách kinh tế và chính sách quản lý mới, trước hết là chính sách kinh tế nhiều thành phần, khuyến khích kinh tế gia đình, trên cơ sở lấy kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể là chủ yếu và chủ đạo; và chính sách mở rộng giao lưu hàng hóa dưới sự quản lý thống nhất có kế hoạch theo phương thức hạch toán kinh doanh XHCN, xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu - bao cấp. Vấn đề có tính nguyên tắc trong chính sách sử dụng những thành phần và hình thức kinh tế quá độ là đặt chúng trong mối quan hệ và chịu sự chỉ đạo của kinh tế XHCN, trước hết là kinh tế quốc doanh và dưới sự quản lý của Nhà nước. Thông qua việc sử dụng các hình thức kinh tế quá độ một cách có nguyên tắc, trong lĩnh vực kinh tế đã và đang mở ra những khả năng to lớn để tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất và đổi mới quản lý kinh tế với tư cách là động lực thúc đẩy cách mạng khoa học và kỹ thuật, công nghiệp hóa, thúc đẩy sản xuất phát triển nhằm ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân ngay trong tình hình kinh tế khó khăn, thiếu hụt hiện nay. Nguy cơ sản xuất giảm sút khi đẩy mạnh cải tạo và hợp tác hóa là có thể tránh được, không còn là gánh nặng đối với Nhà nước và quần chúng nữa. Nói cách khác, một hệ thống quan hệ sản xuất và chế độ quản lý phù hợp, trong đó sử dụng những hình thức kinh tế quá độ một cách có nguyên tắc, có thể làm cho mọi vấn đề của cách mạng quan hệ sản xuất và quản lý kinh tế diễn ra như một quá trình tiến hóa tự nhiên, với những bước quá độ liên tục, hợp với điều kiện lịch sử, với qui luật khách quan và trình độ quần chúng. Đây chính là sự vận dụng sáng tạo luận đề của V.I. Lê - nin về sử dụng những hình thức kinh tế quá độ để cải tạo và đưa hàng chục triệu người sản xuất nhỏ và tư sản nhỏ đi lên sản xuất lớn XHCN.

Với trình độ kiến thức và kinh nghiệm hiện đại của CNXH, chúng ta có thể sử dụng kinh tế tư nhân, cá thể, kinh tế gia đình, sử dụng những công cụ của kinh tế hàng hóa và quan hệ thị trường... như những hình thức kinh tế quá độ, được chuyển hóa từng bước,

mất dần tính tự phát để đi vào tổ chức có kế hoạch. Bởi vậy, xu hướng tự phát TBCN của người sản xuất hàng hóa nhỏ tuy là một khả năng khách quan, nhưng có thể hạn chế và loại trừ không phải là một "định mệnh". Trong điều kiện có nền chuyên chính vô sản vững mạnh, và kinh tế quốc doanh khá lớn như nước ta, càng có nhiều khả năng sử dụng những hình thức kinh tế quá độ, loại trừ xu hướng tự phát TBCN, thực hiện xu hướng quá độ lên CNXH của người tiểu sản xuất.

Thực hiện nhiệm vụ cải tạo và quản lý như vậy với người sản xuất nhỏ không thể là công tác đơn thuần về kinh tế. Càng không đơn thuần về hành chính. Đó thực chất là bộ phận của cuộc vận động và tổ chức quần chúng tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng và tăng cường chuyên chính vô sản. Ở nước ta, đây là lĩnh vực thuộc kinh tế địa phương trong đó cấp huyện, quận là người trực tiếp quản lý trên cơ sở quy hoạch, chính sách chung và kế hoạch kinh tế quốc dân thống nhất. Các cấp ấy là người thực hiện cụ thể việc quy hoạch, sắp xếp, hướng dẫn, giáo dục, kiểm kê và kiểm soát với các thành phần tư hữu nhỏ và hợp tác xã. Vai trò cấp huyện về mặt quản lý kinh tế đã được xác định từ lâu. Cấp huyện được tăng cường đã phát huy tác dụng rất quan trọng trong cải tạo và quản lý kinh tế nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp trên địa bàn nông thôn. Gần đây, Đảng và Nhà nước đã nhấn mạnh chức năng quản lý kinh tế của cấp quận ở thành phố. Không tăng cường được cấp quận về mặt quản lý kinh tế thì không thể thực hiện nhiệm vụ cải tạo và quản lý đối với kinh tế tập thể, hợp doanh, hợp tác, tư nhân và kinh tế gia đình ở thành phố. Hơn nữa ở những thành phố lớn tập trung nhiều ngành nghề tiểu thủ công và hoạt động thương nghiệp dịch vụ, còn phải chú trọng vai trò cấp phường với tác dụng tương tự như vai trò cấp xã trong bước đầu hợp tác hóa nông nghiệp.

Chính ở các cấp quận và phường, cũng như ở cấp huyện và xã, các tổ chức Đảng, tổ chức Nhà nước và tổ chức quần chúng liên

kết chặt chẽ chung quanh tổ chức Đảng, có khả năng sử dụng toàn diện và đồng bộ các loại biện pháp kinh tế, tổ chức hành chính và giáo dục, phát huy sức mạnh tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể, hợp doanh, hợp tác tư nhân và gia đình, nhằm tạo lập trật tự kinh tế tiến bộ trong sản xuất cũng như trên thị trường.

Một vấn đề cần lưu ý là hai việc cải tạo và quản lý gắn chặt với nhau, mà nội dung cơ bản là tổ chức và quản lý. Từ đó kết luận tự nhiên phải rút ra là cơ quan có chức năng quản lý, cơ quan nhà nước hoặc đơn vị kinh tế quốc doanh, phải đồng thời làm chức năng cải tạo, lấy quản lý để cải tạo. Một cơ quan cải tạo không gắn chặt với hệ thống quản lý sẽ rất khó để làm việc có hiệu quả vì cải tạo không thể dứt điểm gọn trong một cuộc vận động mà là quá trình gắn liền với quá trình đổi mới hoàn thiện quản lý.

PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ ĐẠO CỦA KINH TẾ QUỐC DOANH

TRONG CẢI TẠO VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG CÁC THÀNH PHẦN

1. Phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở bước đầu thời kỳ quá độ.

Để thực hiện nhiệm vụ cải tạo XHCN đặt ra cho chặng đường đầu tiên, điều quan trọng nhất là củng cố và phát triển thành phần XHCN, trước hết là xác lập và phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh là thành phần nhân danh sự tổ chức có kế hoạch. Đến nay nhiều tổ chức kinh tế quốc doanh chưa làm được vai trò đó, mà nguyên nhân quan trọng và trực tiếp nhất là do cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp cản trở. Chính vì vậy mà trên thực tế, việc xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp xác lập cơ chế quản lý phù hợp được đặt ra rất cấp bách với tinh thần **chuyển hẳn** sang cơ chế hạch toán kinh doanh XHCN.

Trên thực tế nhiều năm nay, chính sách sử dụng kinh tế nhiều thành phần và mở rộng giao lưu hàng hóa đã đặt kinh tế quốc

doanh nước ta trong thị trường của nền kinh tế nhiều thành phần với tư cách là thành phần chủ đạo. Trong thị trường ấy, hệ thống quy luật kinh tế của CNXH mới bước đầu phát huy tác dụng xem lẫn những quy luật kinh tế của CNTB và của sản xuất hàng hóa nhỏ tuy bước đầu bị hạn chế nhưng vẫn còn hoạt động với tính tự phát vốn có của nó. Trong thị trường ấy những đơn vị kinh tế tập thể, nhất là tập thể bậc thấp, những người làm kinh tế gia đình đặc biệt là những người kinh doanh tư nhân, cá thể trên mức độ lớn, vẫn làm ăn theo kiểu hạch toán thương mại của cơ chế thị trường tự phát. Tính tự phát của sản xuất và thị trường chỉ có thể thu hẹp dần cùng với quá trình đẩy mạnh cách mạng XHCN, trong đó có quá trình mở rộng và nâng cao chất lượng của sự điều tiết tập trung theo kế hoạch, xác lập và tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh. Điều phức tạp hơn nữa là chính kinh tế quốc doanh cũng thiếu hụt gay gắt về vật tư, tiền vốn mà khả năng cân đối, điều tiết tập trung thống nhất của cấp trên, nhất là của trung ương, bị hạn chế rất nhiều. Trên những mức độ khác nhau, các địa phương, các ngành và các đơn vị cơ sở được đặt trong tình huống phải tự tìm nguồn vật tư, tiền vốn và khách hàng để duy trì và phát triển sản xuất trong mối quan hệ trao đổi hàng hóa với nhau và với các thành phần kinh tế khác. Các thành phố lớn là nơi mà vấn đề đó được đặt ra một cách bức bách và với phạm vi rộng lớn nhất, vì đó là các trung tâm công, thương. Nhiều nơi còn là cửa khẩu xuất nhập lớn. Ở đó công, thương nghiệp không thể hoạt động nếu sự trao đổi hàng hóa trong vùng và qua xuất, nhập bị trở ngại.

Trong tình hình khách quan như thế, những đơn vị kinh tế quốc doanh nào càng có nhiều quan hệ trực tiếp với các thị trường, càng có nhiều quan hệ với tất cả các thành phần kinh tế và các địa phương trong vùng thì trong chế độ quản lý và kế hoạch hóa sớm muộn cũng phải thích nghi bằng cách làm năng động. Đã có tình huống phải chọn lựa giữa nguy cơ đóng cửa nhà máy với việc áp dụng một cơ chế quản lý năng động. Bước thích nghi quan trọng đó

của chế độ quản lý được thực hiện rõ nhất từ sau Nghị quyết Hội nghị lần thứ VI của BCHTW Đảng (khóa VI), thể hiện ở việc áp dụng những phạm trù công cụ như: giá cả thỏa thuận trong quan hệ trao đổi hàng hóa trực tiếp kiểu đối lưu, kế hoạch hợp đồng bảo đảm lợi ích và chịu trách nhiệm hai chiều giữa các bên hữu quan cũng như giữa cấp trên và cấp dưới, kế hoạch của xí nghiệp, địa phương gồm kế hoạch do cấp trên cân đối và kế hoạch tự cân đối trong quan hệ trực tiếp với người cung cấp và người tiêu thụ.. Việc sử dụng những phạm trù và những công cụ như trên được chỉ ra trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước theo quan điểm tự giác sử dụng các quan hệ thị trường để thực hiện quản lý có kế hoạch, mà cuối cùng là nhằm phát huy tính năng động của kinh tế quốc doanh để đấu tranh, liên kết, lãnh đạo, đưa các thành phần kinh tế khác và quỹ đạo quản lý có kế hoạch. Nhưng không ít trường hợp đã xảy ra tình hình ngược lại. Nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh bị cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp ràng buộc chưa thể chủ động mở rộng sản xuất và giao lưu hàng hóa, mặc dù chính sách chung của Đảng và Nhà nước đã khuyến khích sự mở rộng ấy. Trong khi đó các thành phần khác, nhất là kinh tế tư nhân, nhiều khi lại được tự do quá mức đã tự phát mở rộng sản xuất và giao lưu hàng hóa, thu lãi lớn, còn quốc doanh thì sản xuất trì trệ, thua lỗ. Từ đó gây ra sự rối loạn đảo ngược trong phân phối thu nhập quốc dân giữa các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư. Vậy đứng trước thị trường mà kinh tế quốc doanh không có chế độ quản lý thích nghi thì tức là nhường chỗ cho các thành phần làm chủ thị trường, làm chủ sự phân phối thu nhập quốc dân. Thực tế cũng đã có nhiều tổ chức kinh tế quốc doanh bước đầu khắc phục những cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp với sự hỗ trợ mạnh mẽ của Nhà nước về hành chính và giáo dục, đã chủ động mở rộng sản xuất kinh doanh, sử dụng những công cụ của thị trường để đấu tranh làm chủ thị trường, lái thị trường đi theo chiều hướng ngày càng ổn định vào quỹ đạo của kế hoạch và chính sách. Chính là bằng cách đó mà nhiều tổ chức kinh tế quốc doanh và nhiều địa phương đã từng

bước làm chủ thị trường lương thực, thực phẩm, công nghệ phẩm. Hơn nữa, còn hợp tác, liên kết liên doanh với các thành phần khác, phát huy tác dụng lãnh đạo và quản lý, cũng tức là góp phần tích cực từng bước cải tạo các thành phần khác theo con đường XHCN với phương châm " sử dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn". Chính trong trường hợp đó mà trên thực tế, thu nhập quốc dân được phân phối lại theo hướng ngày càng có lợi cho kinh tế quốc doanh và những người lao động trong đó. Khả năng đóng góp của kinh tế quốc doanh vào ngân sách cũng tăng lên. Hơn nữa, chính kinh tế quốc doanh khi áp dụng một cơ chế quản lý năng động, vẫn không đi chệch quỹ đạo quản lý có kế hoạch, mà chỉ cần xóa bỏ cách kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp, thật sự làm kế hoạch từ cơ sở, theo phương thức hạch toán kinh tế và kinh doanh XHCN. Trong cách làm mới, mọi nhiệm vụ kế hoạch được cân đối thông qua hợp đồng kinh tế trực tiếp với người cung cấp và người tiêu thụ, đồng thời được cấp trên phê chuẩn hoặc chịu sự kiểm tra, điều tiết của cấp trên. Điều khó khăn nhất ở đây là tìm giải pháp sao cho thực hiện được một cơ chế quản lý năng động, trong đó bảo đảm quyền tự chủ đúng mức cho các đơn vị kinh tế cơ sở, trong điều kiện tuân theo và phục vụ quán triệt đường lối chính sách chung, tuân theo kế hoạch kinh tế quốc dân thống nhất trên những chỉ tiêu cơ bản, trên quỹ đạo của phương hướng và quy hoạch chung, tức là tạo điều kiện tăng cường hiệu lực lãnh đạo và quản lý tập trung thống nhất, chứ không đối lập hoặc làm yếu sự quản lý tập trung thống nhất. Điều đó đòi hỏi đúc kết kinh nghiệm của những đơn vị kinh tế quốc doanh mà trên thực tế đã từng bước giành quyền chủ đạo, lãnh đạo các thành phần khác, góp phần đưa các thành phần ấy vào quỹ đạo được quản lý thống nhất và có kế hoạch. Đó là cách làm tốt nhất để triển khai thực hiện Nghị quyết 303 (dự thảo) của Bộ chính trị khóa V) về quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở.

2. Xây dựng những tổ chức kinh tế quốc doanh đủ sức giành quyền lãnh đạo các thành phần, dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước

Một kinh nghiệm chủ yếu trong công tác kinh tế nước ta những năm qua là từng bước sản xuất theo ngành và trên địa bàn lãnh thổ, trong đó chú trọng xây dựng những tổ chức kinh tế quốc doanh đủ sức từng bước giành quyền lãnh đạo các ngành kinh tế - kỹ thuật và ngành hàng trên từng phạm vi lãnh thổ quy định, dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước các cấp.

Đây là vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế quốc doanh nhằm phát huy vai trò chủ đạo của nó, được đặt ra từ Đại hội lần thứ IV của Đảng, được Đảng và Nhà nước khẳng định lại nhiều lần, nay đã trở thành hiện thực ở nhiều nơi. Ở nhiều huyện, quận, tỉnh, thành phố và ngành, đã xây dựng những xí nghiệp và liên hiệp (công ty) đầu ngành làm chức năng sản xuất kinh doanh theo ngành kinh tế - kỹ thuật (máy khâu, xe đạp, dệt, may mặc, bột giặt, chè,...) theo địa bàn lãnh thổ (nông trường, lâm trường, liên hiệp nông công nghiệp, công ty dịch vụ), theo ngành hàng (lương thực, rau quả, thực phẩm, bách hóa...) trên từng phạm vi lãnh thổ quy định. Cái mới là những tổ chức ấy không "biệt lập và tự khép kín" như trước đây, mà làm nòng cốt đầu ngành đầu mối liên doanh, liên kết hợp tác với nhiều ngành, nhiều địa phương, với các thành phần kinh tế khác, và liên kết qua xuất nhập khẩu để tạo cân đối phát triển. Những tổ chức quốc doanh ấy hoạt động theo "mô hình quốc doanh chủ đạo trong liên kết". Mô hình mới đó khách quan tạo ra khả năng cho kinh tế quốc doanh giành quyền lãnh đạo, làm chủ. Hơn nữa, nó gắn liền với sự phát triển của giao lưu hàng hóa và chế độ hạch toán kinh tế thật sự. Chính "mô hình quốc doanh chủ đạo trong liên kết" ấy là mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh hợp lý nhất, tạo khả năng kế hoạch hóa kinh tế trên cơ sở mở rộng giao lưu hàng hóa và thị trường. Và đó cũng là nhân tố chủ yếu giúp xóa bỏ tận gốc cơ chế

tập trung quan liêu, bao cấp là cơ chế luôn luôn kéo theo hệ quả ngăn sông cấm chợ, tự cung tự cấp khép kín, cản trở sử dụng các nguồn cân đối kế hoạch, gây ra sự thụ động ỷ lại. Đó là mô hình tổ chức sản xuất bao quát tất cả các thành phần kinh tế lấy quốc doanh làm nòng cốt, trong đó các vấn đề quy hoạch và sắp xếp lại sản xuất và lưu thông theo ngành và theo lãnh thổ, kế hoạch hóa, hạch toán kinh tế và sử dụng đòn bẩy kinh tế, cũng như việc tổ chức và quản lý được giải quyết toàn diện, đồng bộ trong mối quan hệ hữu cơ giữa các mặt, phù hợp với đặc điểm và thực trạng của mỗi ngành. Công ty lương thực thành phố Hồ Chí Minh là một trong những điển hình thành công sớm nhất và rõ ràng nhất. Kinh nghiệm của công ty ấy được Đảng và Nhà nước khẳng định là tốt. Kinh nghiệm đó đã và đang được nhận ra ở nhiều ngành và địa phương khác, được làm phong phú thêm bởi kinh nghiệm của nhiều tổ chức kinh tế quốc doanh đã từng bước chuyển sang hạch toán kinh doanh và giành quyền làm chủ trên mặt trận kinh tế, kể cả việc làm chủ thị trường. Với những kinh nghiệm ấy, chúng ta có khả năng trong tầm tay để tổ chức hệ thống quốc doanh độc quyền kinh doanh lương thực và những sản phẩm chủ yếu theo quan điểm kinh doanh, chứ không phải theo quan điểm hành chính, cửa quyền, ngăn cấm lưu thông. Đó là một nhiệm vụ có tầm quan trọng quyết định đối với việc giành quyền làm chủ giá cả và thị trường xã hội nói chung, thúc đẩy sản xuất và ổn định đời sống nhân dân.

Vấn đề chuyên hẳn các tổ chức kinh tế quốc doanh sang cơ chế hạch toán kinh **doanh** gắn liền với việc các tổ chức ấy được đặt trên cơ sở kinh doanh buôn bán. Thật vậy, một đặc điểm nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhân tố mới (xí nghiệp, công ty, địa phương) làm mở rộng quan hệ buôn bán trong nước và xuất nhập khẩu, thực hiện liên kết, liên doanh rộng rãi để khai thác các nguồn khả năng, tạo thêm cân đối, tạo vốn ban đầu để phát triển. Điều phức tạp là trong hoạt động kinh doanh buôn bán đó, cùng với mặt tích cực là chủ yếu, thường cũng nảy sinh nhiều

hiện tượng mua rẻ, bán đắt, cạnh tranh, hối lộ, lạm dụng. Do đó, gây ra những lo lắng về chạy theo cơ chế thị trường tự phát, về tính vô tổ chức làm rối sự quản lý thống nhất. Những mặt tiêu cực đó là có thật, phải luôn luôn cảnh giác ngăn ngừa, loại trừ khi quan hệ giao lưu hàng hóa vừa mới được sử dụng như một tất yếu kinh tế, một tiến bộ kinh tế. Vấn đề đặt ra là nắm lấy xu hướng chủ đạo và nhân tố mới trong bước đầu kế hoạch hóa và làm chủ các quan hệ kinh tế có tính hàng hóa. Từ cách đặt vấn đề như vậy có thể thấy rằng các đơn vị kinh doanh buôn bán năng động với quyền tự chủ rộng rãi đã tỏ ra có khả năng từng bước đưa sản xuất và thị trường của ngành hàng, của địa phương vào quỹ đạo quản lý có kế hoạch. Các đơn vị và địa phương ấy đã không lẩn trốn thị trường, mà hoạt động như chủ thể nhân danh tính kế hoạch, tức là chủ thể làm chiến lược, làm quy hoạch sản xuất và lưu thông của địa phương và ngành, đã không chạy theo giá cả tự phát của thị trường mà chỉ thích nghi có mức độ để tạo thực lực, giành quyền làm chủ, làm người nắm giá cả, từng bước đưa giá cả trong lĩnh vực của mình vào quỹ đạo có kế hoạch. Đã không làm người tuồn hàng ra thị trường ấy, mà từng bước trở thành chủ thể nắm thực lực vật tư, hàng hóa để làm chủ phân phối theo kế hoạch và chính sách; đã không làm người làm ăn thua lỗ sống nhờ ngân sách mà là người giành quyền thu chênh lệch giá, thu tiền mặt, tức giành quyền phân phối lại thu nhập quốc dân thông qua phân phối lưu thông, qua thị trường; đã không thua kém mà hơn hẳn kinh tế tập thể và tư nhân về năng suất và hiệu quả, về nắm thực lực do đó liên kết, hướng dẫn, cải tạo họ.

Tóm lại, có thể nói dưới sự lãnh đạo và quản lý thống nhất của Đảng và nhà nước các cấp, những tổ chức kinh tế quốc doanh của ta với mô hình tổ chức và cơ chế quản lý thích hợp, có thể phát huy tác dụng tích cực trong việc cải tạo và quản lý sử dụng các thành phần khác, thực hiện sứ mệnh lịch sử của thành phần chủ đạo.

KHÓA CẠNH TƯ DUY CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ⁵

I. NGUỒN GỐC TƯ DUY CỦA CƠ THỂ TẬP TRUNG QUAN LIÊU

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là cuộc cách mạng toàn diện sâu sắc trong đó ngày càng thấy phải có cách mạng tư duy điều đó đòi hỏi tìm sâu vào nguồn gốc tư duy của cơ chế cũ trong quá trình hình thành, phát triển và quan liêu hóa nó.

Cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta hiện nay là một bộ phận mới trong tổng thể cơ chế quản lý chính trị xã hội ra đời ngay từ khi có tổ chức lực lượng cách mạng. Cần xem xét nguồn gốc tư duy của cơ chế quản lý kinh tế như bộ phận của cơ chế tổ chức lực lượng cách mạng trong quá trình đấu tranh giải phóng, bảo vệ và bước đầu xây dựng đất nước theo con đường XHCN.

Trước đây cơ chế tổ chức lực lượng cách mạng theo quy luật tổ chức chiến đấu, trong đó cơ quan và người lãnh đạo sinh ra từ phong trào và gắn bó sống còn với phong trào quần chúng; cơ quan và người lãnh đạo ấy có uy tín và hiệu lực lãnh đạo rất cao, trên cơ sở quần chúng tự nguyện siết chặt hàng ngũ, hy sinh chiến đấu trong tình huống sống còn của dân tộc, cuộc cách mạng. Cơ chế tổ chức lực lượng cách mạng như vậy tạo thành sức mạnh muôn người như một, quyết định chiến thắng. Ai đã trải qua những thời kỳ đó thì không thể nào quên những năm tháng gian khổ mà quan hệ tổ chức thật tốt đẹp, trên dưới đồng lòng trong cuộc sống cộng đồng tập thể, một cuộc sống chiến đấu, trong đó những quan hệ kinh tế của con người còn đơn giản và những quy luật kinh tế không thể có tác động chủ yếu.

⁵ Thông tin lý luận, số 7-1988

Ở nước ta, sau khi miền bắc được giải phóng (1995), cơ chế quản lý kinh tế theo kiểu XHCN đã được xây dựng với kinh nghiệm quốc tế lúc đó, lại trong hoàn cảnh còn chiến tranh, nên đã mang nặng tính chất hành chính tập trung trực tiếp. Sau khi đất nước thống nhất chuyển sang thời kỳ hòa bình xây dựng, cơ chế ấy được mở rộng ra cả nước. Đó là cơ chế quản lý kinh tế trên quy mô toàn xã hội với sự điều hành tập trung rất cụ thể dựa vào quan hệ tổ chức hành chính trực tiếp (lệnh). với giả định như cũ về khả năng quản lý tập trung đúng đắn trên cơ sở cấp dưới và quần chúng tự giác hy sinh và chấp hành vô điều kiện. Với cơ chế như vậy, hy vọng và đặt niềm tin tạo ra hệ thống quản lý có kế hoạch thật sự XHCN, khác hẳn và hơn hẳn cơ chế quản lý của tư bản. Đồng thời chế độ cung cấp của tổ chức chiến đấu cách mạng được vận dụng cùng với xu hướng muốn cải tạo quan hệ sản xuất một cách nhanh chóng để nhằm công cộng hóa triệt để đời sống kinh tế và hiện vật hóa các quan hệ phân phối trao đổi... Ngay trong điều kiện lực lượng sản xuất còn rất thấp kém.

Cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta trong quá trình hình thành và phát triển như vậy đã gắn liền với những chiến thắng vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc. Bởi vậy nó có chỗ đứng bền vững ở niềm tin vào những luận điểm, những cách làm và kinh nghiệm đã có. Một niềm tin rất mãnh liệt của người vừa chiến thắng oanh liệt của người tự cho là đã từng trải nhiều thập kỷ làm kinh tế với một vốn kiến thức khá dồi dào...

Đã xảy ra tình huống đông đảo xã hội chấp nhận cơ chế quản lý tập trung trực tiếp theo lệnh. Với các quan hệ công cộng và giao nộp cấp phát hiện vật; chấp nhận từ lý luận đến thể chế và các hình thức cụ thể của cơ chế ấy xem đó là cơ chế duy nhất xã hội chủ nghĩa. Trong tình huống đó, những quan điểm cải cách mà đến nay dần dần được chấp nhận, thì khi mới xuất hiện, đều là thiểu số, bị lên án không chỉ của tổ chức mà còn của dư luận xã hội/ Những luận điểm của Lê Nin trong thời kỳ chính sách kinh tế mới cũng bị

xem như chỉ là bước lùi bất đắc dĩ lúc đó. Cơ chế cũ đã và chỉ bị lung lay, bị mất hiệu lực từng phần trên thực tế rất lâu trước khi bị lung lay về lý luận. Chính bản thân các quy luật kinh tế đã tự phát mở đường trên thực tế bằng cách gây tổn thất cho mọi hoạt động cưỡng lại quy luật kinh tế khách quan. Ở nước ta, từ rất lâu đã diễn ra tình hình kinh tế quốc doanh thua kém kinh tế tập thể, kinh tế tập thể thua kém kinh tế gia đình và tư nhân cá thể. Hiện tượng đó lúc đầu thường được giải thích rằng cái mới ra đời có quyền chưa ưu việt ngay, và bằng cách tìm nguyên nhân yếu kém chính là do sự tấn công phá hoại của những di sản tư hữu, cá nhân và quan hệ thị trường. Nước ta vì xuất phát từ trình độ kinh tế thấp kém, gặp chiến tranh kéo dài, càng có quyền nói như vậy. Chỉ đến gần đây, sự kéo dài những hiện tượng lãng phí, kém hãm và thực trạng kinh tế bị rối loạn, khủng hoảng ở nước ta và nhiều nước anh em, hơn nữa sự yếu kém về khả năng đua tranh của nền kinh tế, nhiều nước xã hội chủ nghĩa trên thị trường thế giới... mới thực sự thúc đẩy lanxhd đạo và toàn xã hội bắt đầu thức tỉnh và có nghi vấn về tính đúng đắn của chính sách kinh tế và cơ chế quản lý cũ. Sự thức tỉnh đó rất khó khăn. Đã xảy ra những sự đổi mới nửa vời, vụn vặt, thậm chí hiện đại hóa mặt kỹ thuật nghiệp vụ như sự tân trang cái cũ.

Mặc dù vậy, xu hướng tất yếu kinh tế vẫn tự phát diễn ra dưới các dạng như: làm chui (khoán chui, với danh nghĩa tập thể hợp tác, nhưng thực chất là tư nhân cá thể...) thử nghiệm ngoại lệ về kế hoạch tự làm về kinh tế quốc doanh tham gia thị trường xã hội, xuất nhập khẩu tự cân đối, tự trang trải,... Sự phát triển của kinh tế ngầm với tỷ trọng rất lớn cũng là một biểu hiện tự phát của tất yếu kinh tế. Sự tồn tại hai cơ chế song trùng vừa thể hiện tính bền của cái cũ, vừa thể hiện sự tất yếu ra đời của cơ chế mới làm đối chứng thực tế cho lãnh đạo và xã hội chọn lựa. Phải đợi đến lúc xảy ra thực trạng kinh tế bị kém hãm, rối loạn, tác động trực tiếp đến đời sống vật chất và tinh thần của đông đảo quần chúng, đe dọa

thắng lợi của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, thì đông đảo xã hội mới có thể từ bỏ sự luyến tiếc chính sách và cơ chế cũ.

II. TÍNH KHÔNG TƯỞNG QUAN LIÊU TRONG SỰ LUẬN CHỨNG CỦA CƠ CHẾ CŨ.

Hệ thống kiến thức với tư cách là cơ sở lý luận của cơ chế cũ đã được xây dựng rất hoàn chỉnh. Những luận điểm cơ bản được nhất quán triển khai thành lý luận ứng dụng và thể chế cụ thể. Bởi vậy, muốn kiểm kê đánh giá, xem xét lại sự luận chứng của cơ chế cũ phải đi sâu xem xét từ những luận điểm xuất phát.

Nói đến nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, từ lâu chúng ta đã thừa nhận hai đặc điểm ưu việt lớn nhất: chế độ công hữu và tính tổ chức có kế hoạch trên quy mô toàn xã hội. Trong dự báo của các nhà kinh điển thì đó đúng là hai đặc trưng của xã hội cộng sản chủ nghĩa trong kỷ nguyên thế giới đại đồng. Vậy thì cái sai không phải ở những luận điểm đầu sao cũng chỉ mang tính dự báo ấy. Cái sai là ở chỗ chúng ta hiểu và định thực hiện những ưu việt đó một cách nhanh chóng, đã bỏ qua những luận điểm của các nhà kinh điển về sự ra đời của chủ nghĩa xã hội như một quá trình lịch sử lâu dài, quá trình tiến hóa hợp quy luật qua những bước, những nấc thang quá độ từ xã hội cũ sang xã hội mới. Do đó đã rơi vào những luận điểm không tưởng, ấu trĩ "tả".

Tư tưởng không tưởng, ấu trĩ "tả" thể hiện ở hai xu hướng cơ bản nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau: xu hướng cường điệu tuyệt đối hóa khả năng tự giác tổ chức quản lý có kế hoạch tập trung trực tiếp trên quy mô toàn xã hội và xu hướng cường điệu tuyệt đối hóa khả năng công cộng hóa các quan hệ kinh tế, xem đó là sự giải phóng lần cuối cùng và triệt để mọi lực lượng sản xuất và sức sáng tạo của con người. Từ những xu hướng đó, phát sinh ý trí thực hiện chủ nghĩa xã hội thuần khiết ngay từ đầu với những mục tiêu, chính sách và cơ chế quản lý "triệt để cách mạng" và thái độ thù địch đối với mọi nhân tố tư hữu và sẵn sàng trấn áp đè bẹp mọi trở ngại. Ý chí cách mạng xã hội chủ nghĩa không tưởng như vậy đã đi chệch

chủ nghĩa xã hội khoa học từ gốc, càng đi càng xa, sai 1 ly đi 1 dặm.

Xu hướng cường điệu, tuyệt đối hóa khả năng tự giác tổ chức có kế hoạch trên quy mô toàn xã hội, bắt đầu từ sự cường điệu cái đã biết về xã hội chủ nghĩa và cond đường đi lên xã hội chủ nghĩa, nhân danh Đảng cách mạng được trang bị chủ nghĩa Mác - Lê nin là đỉnh cao trí tuệ thời đại. Sự cường điệu đó xa lạ với tư tưởng các nhà kinh điển là những người chỉ dự báo định hướng cơ bản chứ không bao giờ thiết kế cụ thể xã hội tương lai. Sự cường điệu đó thật ra chỉ nhằm luận chứng và thuyết phục xã hội về tính đúng đắn tuyệt đối, không bao giờ sai của đường lối chính sách. Định đề đường lối chính sách và lãnh đạo cấp cao luôn luôn đúng, cơ bản đúng, đã thành tiêu chuẩn bắt buộc với lãnh đạo cấp cao. Như vậy, lãnh đạo cấp cao và Đảng nói chung không có quyền sai. Hơn nữa, sự luận chứng đó còn đưa tới đồng nhất chính trị với lý luận. Lãnh đạo chính trị đồng nhất phải làm khoa học, phải độc quyền chân lý - trí tuệ. Nghị quyết, chỉ thị, lời dạy của lãnh đạo cao là nguồn sáng duy nhất. Khoa học chỉ còn có nhiệm vụ trích dẫn, nói sau, nói theo, biện hộ. Phẩm chất chủ yếu của mọi công dân nói chung là tin tưởng ở lãnh đạo và chấp hành kỷ luật. Như vậy, Đảng và đất nước rơi vào chơ chế xây dựng xã hội chủ nghĩa bằng sắc luật từ trên xuống là điều mà V.I. Lê - nin đã cảnh cáo. Sự kiểm soát từ dưới lên, sự kiểm soát của quần chúng với lãnh đạo về cơ bản không còn.

Cơ chế cũ vẫn đòi hỏi quá nhiều ở cấp cao và cấp trên (vừa là đòi hỏi vừa là sự tự phong). **Đồng** thời đòi hỏi quá thấp ở cấp dưới và quần chúng: chỉ cần đức tin và thừa hành lệnh trên (vừa là đòi hỏi vừa là sự an phận). Trong cơ chế cũ mọi mệnh lệnh từ trên thường được luận chứng rằng; đó là chân lý đã được nhận biết tất cả, là tự giác có khoa học đã thay cho tự phát, là dân chủ đã được tập trung, là tổ chức có kế hoạch thay cho vô tổ chức, là quy luật đã

được vận dụng, lợi ích xã hội đã được tính toán... Và nhờ đó, sự nghiệp xây dựng đất nước sẽ tiến triển thuận buồm xuôi gió.

Mô hình một hệ thống quản lý kinh tế xã hội như vậy, với những mức độ triệt để khác nhau, đã được gọi tên là chủ nghĩa xã hội hành chính. Đó là một xã hội được thiết kế từ trên rất tỉ mỉ cho cả hiện tại và tương lai; một xã hội phát triển theo kịch bản đã biên soạn đầy đủ từ trên và từ trước. Cá nhân con người hoàn toàn lệ thuộc vào tập thể và tổ chức, mà thật ra là lệ thuộc vào một số người có chức có quyền. Mỗi người đều sống theo những điều được thông qua xét duyệt và quy chế, thu phát. Đương nhiên, mô hình chủ nghĩa xã hội như vậy nói chung thường dễ thi hành trong điều kiện có chiến tranh, trong điều kiện có nguy cơ xâm lược. Đồng thời chính nó tất yếu sinh ra xu hướng cường điệu đấu tranh giai cấp ngay trong nội bộ tổ chức cách mạng, để làm điều kiện tăng cường kỷ luật tập trung và độc tài chuyên chế. Lý luận về đấu tranh giai cấp ngày càng tăng trong chủ nghĩa xã hội sự nhìn nhận những phản ứng của quần chúng trước xu hướng cường chế về kinh tế và chính trị chỉ là sự tự phát tư bản chủ nghĩa... đều là sự luận chứng cho cách quản lý tập trung chuyên chế.

Xu hướng cường điệu kế khả năng công cộng hòa thể hiện rõ nhất ở xu hướng cường điệu tính ưu việc của chế độ công hữu như điều kiện quyết định giải phóng mọi lực lượng sản xuất dù thô sơ nhất, và bảo đảm triệt để công bằng xã hội. Điều đó gắn liền với xu hướng cường điệu đến mức hoang tưởng về hiểm họa của mọi nhân tố tư hữu, thu nhập chênh lệch, nhất là hiểm họa do sự tồn tại và phát triển các quan hệ hàng hóa - tiền tệ và quan hệ thị trường. Tất cả những điều đó dẫn tới luận chứng tổng quát là tất yếu phải công cộng hóa và hiện vật hóa mọi quan hệ kinh tế; công hữu, công quản, công ích, gắn liền với quan hệ phân phối, giao nộp, cấp phát bằng hiện vật. Sự tồn tại của những nhân tố tư hữu và quan hệ hàng hóa, nếu còn, chỉ có thể chấp nhận như di sản cũ, phải loại trừ càng sớm càng tốt. Sự thúc mạnh công nghiệp hóa mà thực chất là thúc

manh xây dựng công nghiệp nặng và công nghiệp lớn tập trung, được xem như đòi hỏi tất yếu của quan hệ sản xuất công cộng tiên tiến, đến lượt nó lại là lý do cường điệu yêu cầu quản lý tập trung và kỷ luật chấp hành mệnh lệnh, làm kinh tế theo đòi hỏi hy sinh cho tương lai. Sự hy sinh đó, có tính cần thiết đến mức nào đó trong thời gian đầu, đã bị cường điệu. Hậu quả rrlaf màm triệt tiêu động lực kinh tế khiến cho nhiệt tình cách mạng sôi sục của quần chúng trong những năm đầu không những không được nuôi dưỡng, mà còn mất dần. Chính sách công cộng triệt để, chính sách đòi hỏi hy sinh lâu dài trong cơ chế quản lý tập trung cho lệnh đã trở thành chính sách kìm hãm lực lượng sản xuất và tiêu phí nhiều nguồn khả năng, trở thành chính sách hà khắc với người lao động. Trong khi đó thì đặc quyền, đặc lợi lại dành cho những người có chức, có quyền trong bộ máy quan liêu đông đúc chưa từng thấy. Bộ máy lãnh đạo và quản lý lẽ ra phải là đầy tớ của dân, nhưng đã trở thành bộ máy quan liêu cửa quyền đến mức những nhân viên thấp nhất của nó cũng mang tính chất đó trong quy trình thông qua xét duyệt và thu phát.

Sự luận chứng cho cơ chế cũ với hai xu hướng trên đây, còn có đặc điểm là bao giờ cũng nhân danh cách mạng duy nhất và triệt để, để cảnh cáo và kết tội mọi ý kiến đối lập. Ở đây, luận đề cơ bản là: không làm ăn kiểu tư bản; mọi lý luận, chính sách, công cụ và biện pháp kinh tế - xã hội đều phải ngược với tư bản. Chỉ có thể học kỹ thuật tư bản. Đây là một khía cạnh lập luận nhằm bảo vệ quan điểm thiết kế chủ nghĩa xã hội thuần khiết ngay từ đầu. Luận đề này được thực hiện trên hai phương diện:

Một là, về chính sách và cơ chế quản lý kinh tế đối nội thì nhanh chóng thực hiện chủ nghĩa xã hội thuần khiết. Các nhân tố tư hữu, hàng hóa được xem như di sản bất đắc dĩ cần sớm loại trừ hoặc cô lập, cách ly thành khu vực phi xã hội chủ nghĩa, khu vực thị trường tự do. Ở nước ta sự phân biệt hai loại thành phần kinh tế: xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa; và hai thị trường: có tổ

chức và tự do, thường được hiểu như hiện tượng tạm thời, như hai phía trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai" phải được phân biệt đối xử, cách ly, và phải được kết thúc càng nhanh càng tốt bằng sự xóa bỏ các thành phần phi xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ thị trường tự do.

Hai là, trong quan hệ kinh tế quốc tế có xu hướng cường điệu quá mức yêu cầu an ninh, kỳ thị những nhân tố ngoại lai khác lạ với tâm lý và thói quen truyền thống. Trong khi không thể sống cách ly với thế giới, không thể loại trừ mọi ảnh hưởng ngoại lai khác lạ trong khi hàng loạt thanh niên đi học tập và lao động ở nước ngoài, trong khi có cơ quan ngoại giao ở rất nhiều nước, nhưng về chính sách và cơ chế quản lý vẫn nặng tính chất kiểm soát ngặt nghèo cách ly cấm đoán. Trong xã hội vẫn còn ở một mức độ quan trọng tâm lý phòng ngự tự vệ rào làng giữ nhà của công xã nông thôn. Sự liên kết, hòa nhập của nước ta với cộng đồng xã hội chủ nghĩa là những nước theo chủ nghĩa quốc tế vô sản, vẫn rất chậm trễ. Như vậy không thể phát triển mạnh để từng bước tham gia cuộc đua tranh kinh tế trên thế giới.

Điểm qua những xu hướng luận chứng kể trên của cơ chế tập trung quan liêu - bao cấp, cần đặt câu hỏi: tại sao chúng ta, đa số chúng ta, nếu không muốn nói là hầu hết chúng ta, trong Đảng và trong toàn xã hội, đã có lúc chấp nhận và đặt lòng tin vào những luận đề ấy và rất khó từ bỏ chúng? Có hàng loạt nguyên nhân kinh tế xã hội lịch sử rất sâu xa. Đó là mặt trái của truyền thống xiết chặt hàng ngũ kiểu gia trưởng phong kiến trong tổ chức chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Đó là hoàn cảnh chiến tranh kéo dài khá lâu trong điều kiện có viện trợ lớn. Đó là uy tín và lòng tự tin lớn lao của lớp người cách mạng khai quốc công thần, lớp cán bộ chiến sĩ giàu đức tính cách mạng và trong sạch. Đó là sự thấp kém về truyền thống dân chủ, truyền thống kinh doanh, do đó người được trao quyền rất dễ lạm quyền; còn người dân rất dễ an phận chỉ mong có cấp trên tốt cho mình quân thánh chúa, sống nhờ ơn Đảng, ơn Chính phủ, ơn các cấp trên. Đó là sự thấp kém về trình độ văn hóa và khoa

học. Đó là hậu quả của sự cách biệt lâu năm với thế giới, sự thiếu thông tin về thế giới hiện đại. Nói đến cùng, đó là bệnh "ấu trĩ tả" khó tránh trong điều kiện kinh tế văn hóa lạc hậu và chiến tranh kéo dài.

III. TƯ TƯỞNG KINH TẾ CỦA ĐẠI HỘI VI VÀ VIỆC TẠO BƯỚC NGOẶT TRONG TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN KINH TẾ:

Đất nước ta chỉ đến 10 năm gần đây mới dần dần có điều kiện khách quan để đi vào công cuộc hòa bình xây dựng. Ngay từ đầu thời này, đã thực tế diễn ra xu hướng đổi mới chính sách và cơ chế quản lý kinh tế. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành trung ương khóa IV (1979) đã mở đường cho quá trình tìm tòi thử nghiệm khá táo bạo rộng khắp mang tính quần chúng, làm xuất hiện hàng loạt nhân tố mới, kinh nghiệm mới về chính sách và cơ chế quản lý kinh tế. Đồng thời thực tiễn cũng cho thấy tính bền vững của chính sách và cơ chế cũ. Từ đó xuất hiện thực trạng hai cơ chế song trùng. Những bước tiến mới đầy hứa hẹn xen lẫn những việc làm theo nếp cũ Đại hội lần thứ VI của Đảng đã thực hiện bước ngoặt sâu sắc và toàn diện về đổi mới quan điểm chỉ đạo chính sách và cơ chế quản lý kinh tế. Hệ thống quan điểm mới của Đại hội là kết quả tìm tòi tổng kết kinh nghiệm của nước ta và nghiêm túc xem xét kinh nghiệm quốc tế trên một số vấn đề tổng quát nhất; nhận thức về phức hợp quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa trong điều kiện cụ thể của nước ta. Về vấn đề tổng quát này, có hai mặt phải nhận thức: nhận thức về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và nhận thức về quá trình tạo lập nền kinh tế ấy.

Trong nhận thức mới về quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, so với nhận thức cũ, có nhiều vấn đề lớn. Trước hết là vấn đề bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa như thế nào? Sự xác định chủ trương cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và chuyển sang nền kinh tế hàng hóa, phải chăng là chấp nhận

sự phát triển tư bản chủ nghĩa? nếu không thì đó là kinh qua chế độ kinh tế là gì ?

Tư tưởng Lê nin về chế độ hợp tác trong điều kiện của chế độ chính trị mới và kinh nghiệm phong phú của nước ta về mô hình hợp tác liên doanh liên kết các thành phần kinh tế, lấy thành phần xã hội chủ nghĩa hạt nhân chủ đạo, cho phép đi tới xác định có thể bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nhưng phải kinh qua sự phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo chế độ hợp tác để tiến hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là nền kinh tế khác về nguyên tắc so với nền kinh tế tư bản trên các mặt: cơ cấu kinh tế, cơ cấu giai cấp và quan hệ giai cấp, cũng như chế độ chính trị xã hội. Nền kinh tế ấy loại trừ khả năng phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa nhưng vẫn kinh qua một quá trình phát triển tiến hóa tự nhiên, hợp quy luật với những nấc thang quá độ từ chế độ tư hữu chuyển sang chế độ công hữu ngày càng đầy đủ.

Trong chế độ kinh tế hợp tác nhiều thành phần như vậy, các thành phần gắn bó với nhau trong một hệ thống, không còn bị phân tách ra hai loại: xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa như hai phía trong cuộc đấu tranh ai thắng ai. Trái lại, mọi thành phần đều là thành viên bình đẳng trong đội quân xây dựng chủ nghĩa xã hội, nằm trong khối đại đoàn kết của cộng đồng dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội do Đảng Mác Lê Nin lãnh đạo.

Tư tưởng về công nghiệp hóa và chính sách cơ cấu ngành nghề sản xuất cũng có sự đổi mới rất sâu sắc trên hai mặt,. Một là, đặt chính sách công nghiệp hóa và chính sách cơ cấu ngành nghề bắt đầu từ những ngành nghề truyền thống vốn có, trước hết là nông nghiệp. Từ đó, từng bước công nghiệp hóa và cải biến hiện đại hóa cơ cấu sản xuất phù hợp với thời đại hiện nay, tranh htur sử dụng một cách thích hợp những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật,. Hai là, đặt chính sách công nghiệp hóa, chính sách cơ cấu trên cơ sở phân công liên kết quốc tế xã hội chủ nghĩa, thực hiện sự hòa nhập vào nền kinh tế của cộng đồng xã hội

chủ nghĩa mà Liên Xô là trụ cột. Từ đó tạo thế mở rộng quan hệ kinh tế với các nước khác. Không thực hiện được sự hòa nhập như vậy, thì không thể đủ sức phát triển và đua tranh kinh tế trên phạm vi thế giới không thể sử dụng được sức mạnh do thời đại đem lại. Sự phát triển kinh tế nhanh hay chậm phụ thuộc một cách quyết định vào tiến trình hòa nhập và mở cửa, không chỉ để trao đổi hàng hóa, mà để các nước anh em và bạn bè vào nước ta kinh doanh, cũng như để anh em và bạn bè vào nước ta kinh doanh, cũng như để hàng triệu, hàng triệu người Việt Nam ra đi làm ăn sinh sống, kinh doanh... trên các nước anh em và trên thế giới nói chung. Đó là xu hướng quốc tế hóa lực lượng sản xuất, quốc tế hóa đời sống kinh tế và đời sống xã hội. Đó là tính quy luật của quá trình san bằng khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế giữa các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Cùng với chính sách cơ cấu và phù hợp với chính sách cơ cấu mới, Đại hội VI cũng định hướng quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Sự nhất quán từ chính sách cơ chế quản lý kinh tế là điều kiện cơ bản đảm bảo thắng lợi quá trình xây dựng và cải tạo kinh tế. Bước ngoặt sang cơ chế quản lý mới phải gắn liền và nhất quán với bước ngoặt sang chính sách cơ cấu mới, trước hết là chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và chuyển hẳn sang nền kinh tế hàng hóa. Nói cách khác, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp gắn liền với chính sách cũ thúc mạnh quá trình công cộng hóa. Cơ chế mới đặt trên cơ sở thật sự tôn trọng tính khách quan của cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo chế độ hợp tác, xem đó là đối tượng khách quan mà cơ chế quản lý phải phù hợp để tạo thành chính sách và cơ chế nhất quán thực hiện tư tưởng giải phóng, động viên mọi nguồn sức người sức của và tài nguyên, tạo tích lũy thực hiện công nghiệp hóa, phát huy và cải tiến cơ cấu kinh tế hiện có phù hợp với xu hướng phân công và liên kết quốc tế. Từ đó, mà có thể đạt được tốc độ và hiệu quả phát triển cao, nhanh chóng vượt qua tình trạng trì trệ, nghèo nàn, lạc hậu...

Phương hướng cơ bản thể hiện tính phù hợp của quá trình xây dựng và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế tất yếu bao gồm hai mặt gắn bó hữu cơ với nhau: quá trình dân chủ hóa, tạo nền tảng dân chủ cho hệ thống quản lý có kế hoạch trên quy mô toàn xã hội, và quá trình chuyển sang cách quản lý bằng phương pháp kinh tế là chủ yếu trên cơ sở vận dụng tổng thể quy luật khách quan, khơi dậy động lực kinh tế chính trị, xã hội toàn diện, lấy động lực kinh tế làm gốc. Trong bước đầu thời kỳ quá độ hiện nay, nhiệm vụ cơ bản cấp bách của quản lý kinh tế là tạo bước ngoặt xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế quản lý mới. Bước ngoặt như vậy trên thực tế rất khó khăn, trong đó việc tạo bước ngoặt trên lĩnh vực phân phối lưu thông đã trở thành khâu nóng bỏng nhất. Đó là bài toán kinh tế được đặt ra một cách tất yếu trong quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa. Nhà nước trong quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa cần và chỉ có thể điều tiết vĩ mô với toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội khi xử lý đúng và làm chủ được lĩnh vực phân phối lưu thông.

Thực trạng kinh tế và thị trường rối loạn hiện nay là thể hiện sự không dung hợp giữa một bên là xu hướng chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo chế độ hợp tác với sức mạnh của tất yếu và tiến bộ kinh tế, sức mạnh hồi sinh sau chiến tranh, một bên là sự tồn tại cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã thành hệ thống, có bộ máy quản lý to lớn với xu hướng giữ lại quan hệ giao nộp cấp phát của kinh tế hiện vật. Sự không dung hợp đó làm cho thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa không phát huy được vai trò chủ đạo làm mất hiệu lực quản lý của Nhà nước với các quá trình kinh tế khách quan.

Bởi vậy, để thúc đẩy và từng bước làm chủ quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa, nhân tố quyết định là thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết là kinh tế quốc doanh, và nhà nước phải phát huy vai trò tự giác và đi tiên phong chủ đạo. Để làm tròn sứ mệnh đó, phải thay đổi căn bản cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập

trung quan liêu bao cấp, chuyển đơn vị kinh tế cơ sở sang cơ chế hạch toán kinh doanh gắn liền với việc đổi mới công tác quản lý nhà nước về kinh tế/ Quan điểm của đại hội VI và nhiều nghị quyết trung ương về chuyển sang nền kinh tế hàng hóa, gắn liền với việc chuyển sang cơ chế quản lý có kế hoạch theo nguyên tắc hạch toán kinh doanh và nguyên tắc tập trung dân chủ, là sự tuân theo tư tưởng chiến lược của Lê nin về chính sách và cơ chế điều tiết và cải tạo nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ. Chỉ có teher nắm vững và nhất quán triển khai thực hiện thành công quan điểm của đại hội VI tạo ra bước ngoặt sang cơ chế quản lý mới khi thật sự trở lại hệ thống luận điểm của Lê Nin: ổn định nghĩa vụ thuế lương thực và tự do trao đổi hàng hóa, đặt xí nghiệp nhà nước trong thị trường, theo nguyên tắc buôn bán, nguyên tắc tư sản, nhà nước vô sản phải học làm nhà buôn lớn, lấy thương nghiệp làm mắt xích chính, học tập cách buôn bán văn minh của tư bản, kiên định con đường lãnh đạo kinh tế có kế hoạch nhưng thay đổi cách thực hiện kế hoạch hóa.

KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ QUYỀN TỰ CHỦ CỦA NGƯỜI KINH DOANH⁶

Đây là vấn đề nóng bỏng, rất phức tạp, cũng rất hệ trọng về lý luận và chính sách. Nó càng phức tạp bởi lẽ đây đã và đang còn nhiều cách suy nghĩ, lý giải khác nhau, trong đó có rất nhiều luận đề mang tính chất định kiến, duy tính, hủ ký, làm mất tinh táo trong cách nghĩ, cách nhìn. Chúng tôi góp phần nhận thức vấn đề bằng cách xem xét sự vật trong thực tiễn lịch sử, trong quá trình tiến hóa của nó và trên cơ sở những kinh nghiệm mới của thực tiễn quản lý và thành quả mới của kinh tế học xã hội chủ nghĩa. Với cách đó, hy vọng góp phần tổng kết thực tiễn, phân tích các hình mẫu kinh doanh, góp phần đổi mới tư duy lý luận, lý giải cơ chế kinh doanh, quyền tự chủ kinh doanh, lý giải cơ chế kế hoạch hóa và cơ chế quản lý giá, lương, tiền theo quan điểm kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

I. THỊ TRƯỜNG VÀ KINH DOANH CÓ KẾ HOẠCH

Hoạt động kinh doanh, nhà kinh doanh xuất hiện và phát triển gắn liền với sự phát triển của kinh tế hàng hóa, nhà buôn, nhà kinh doanh công, nông, lâm; nhà kinh doanh tiền tệ. Như vậy, hoạt động kinh doanh và nhà kinh doanh chỉ tồn tại và phát triển khi có kinh tế hàng hóa phát triển. Trong kinh tế hàng hóa nhà kinh doanh lấy thị trường làm môi trường giao dịch, hoạt động, lấy hành động mua - bán làm động tác cơ bản. Trong kinh tế thời chiến, trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, hoạt động sản xuất thực hiện theo lệnh hành chính (lệnh kế hoạch, lệnh cấp phát tài chính, tín dụng, lệnh giá cả) với các động tác cơ bản là giao nộp, cấp phát. Trong cơ chế ấy, việc sử dụng các phạm trù của kinh tế hàng hóa, hạch toán kinh tế đều chỉ là hình thức. Trong điều kiện ấy, không có môi

⁶ Báo Nhân dân ngày 17, 18 và 19-3-1986

trường cho kinh doanh, không có hoạt động kinh doanh, không có nhà kinh doanh, không có cơ chế kinh doanh.

Kinh tế hàng hóa, mua bán, hoạt động kinh doanh khi mới xuất hiện và trong một thời kỳ lịch sử rất lâu dài vốn mang tính tự phát vô tổ chức. Nhưng nó đã tiến hóa đến tư bản tự do cạnh tranh, nay đã và đang tiến hóa đến thời kỳ tư bản lũng đoạn với trình độ tổ chức có kế hoạch khá cao của các tổ hợp quốc gia và siêu quốc gia. Chính **Lê Nin** đã phát hiện ra điều đó, xem như sự chuẩn bị đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, gắn liền với sự phát triển của lực lượng sản xuất cách mạng khoa học và kỹ thuật, điều khiển học, khoa học và nghệ thuật quản lý ngay trong nền kinh tế tư bản hiện đại. Vậy không thể nói đơn giản: kinh doanh xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa khác nhau chỉ ở và căn bản ở trình độ tổ chức có kế hoạch. Cũng không thể nói hễ là kinh doanh, hễ là cơ chế thị trường thì tất yếu chỉ là tự phát, vô tổ chức. Ngay cả việc nhà nước tư sản có quản lý kinh tế hay không, thì với tư bản lũng đoạn, vấn đề đã rất khác với thời kỳ tư bản tự do cạnh tranh. Cương lĩnh mới của Đảng Cộng sản Liên Xô đã nói về sự liên kết giữa nhà nước tư sản và tư bản lũng đoạn hiện đại vào một cơ chế.

Từ lâu, chúng ta có luận đề: kinh doanh tư bản chủ nghĩa chạy theo thị trường (hay xuất phát từ thị trường) còn kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải trên cơ sở và xuất phát từ kế hoạch. Từ luận đề đó, qua thực tế ta đã buộc phải tiến tới luận đề nửa vờ "kết hợp kế hoạch với thị trường". Đến nay, luận đề mới nhất của kinh tế học xã hội chủ nghĩa là " trong quan hệ giữa người sản xuất và người tiêu thụ (hàng tiêu dùng và tư liệu sản xuất, nội địa và xuất) thì người tiêu thụ giữ tiếng nói quyết định bằng hành động chọn mua, đặt mua. Từ đó, có một luận điểm hiện đại của kinh tế xã hội chủ nghĩa: kế hoạch hóa trên cơ sở hợp đồng kinh tế (giữa người sản xuất với khách hàng cung tiêu). Trước đây ta xem hợp đồng là công cụ để cụ thể hóa kế hoạch, thì nay hợp đồng được xem là sự khởi đầu của kế hoạch, trong đó mọi nhiệm vụ sản xuất đều có cân

đôi (với khách hàng tiêu thụ, cung ứng) và cân đối được cam kết bằng hợp đồng kinh tế. Và do đó, kỷ luật kế hoạch, pháp lý của hợp đồng kinh tế. Từ đó dẫn tới khi làm và thực hiện kế hoạch thì việc khởi đầu là nghiên cứu thị trường (thị trường bán hàng, mua vật tư, trong nước và quốc tế). Chỉ như vậy kinh doanh có kế hoạch mới thoát khỏi chủ quan, duy ý chí, sản xuất ra sản phẩm theo kế hoạch nhưng kết quả hoặc là gây ra khan hiếm, hoặc ngược lại rơi vào sự ế thừa (đồng thời có khan hiếm, có ế thừa). Nói chung, kế hoạch hóa kiểu cũ làm cho sản phẩm xã hội nghèo đi về chủng loại, rất chậm đổi mới. Sức đua tranh trên thị trường rất yếu. Đó là bài học rất đắt của hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa, để trả giá cho mặc cảm kiên ky, cưỡng lại quan hệ thị trường là cái khách quan. Đó cũng là khía cạnh của chủ nghĩa ý chí. Kinh tế học xã hội chủ nghĩa là tự nó có một khoảng trống rất xa lạ với khoa học và nghệ thuật nghiên cứu điều tiết thị trường. Khi thực tiễn kinh tế buộc mỗi nước xã hội chủ nghĩa kinh doanh trên ba thị trường: thị trường trong nước, thị trường của tổ chức hội đồng Tương trợ kinh tế và thị trường thế giới nói chung, thì nhà kinh doanh của ta trên mức độ quan trọng ở vào tình thế "nhà quê ra tỉnh", rất bỡ ngỡ, vụng về, vấp vấp và thua thiệt, bởi đầu óc đầy mặc cảm lập dị và kiên ky. Song chính sự thua thiệt, và cả lợi ích do không biết hoặc do biết kinh doanh đem lại đã thức tỉnh và buộc ta thay đổi tư duy, bỏ đi những cái không chịu nổi sự thử thách của thời gian.

Làm kế hoạch trên cơ sở quan hệ hợp đồng trong trao đổi hàng hóa, liên doanh liên kết cùng có lợi, trong quan hệ mua bán với giá cả thỏa thuận, làm kế hoạch từ dưới lên, tức là làm kế hoạch theo quan điểm hạch toán kinh tế và kinh doanh. Đó là những tư tưởng mới mà nhiều nghị quyết của đảng đã xác định.

Đó là sự khắc phục cách làm kế hoạch với ý chí chủ quan và hành chính trực tiếp áp đặt từ trên xuống nhan danh đặc điểm kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa không chạy theo thị trường tức là cưỡng lại tính khách quan của các quan hệ thị trường.

Như vậy kinh doanh, kế hoạch kinh doanh bao giờ cũng phải xuất phát từ nghiên cứu thị trường, tức là nghiên cứu cung cầu, thích nghi và qua đó tác động tích cực hợp quy luật, làm chủ và điều tiết thị trường. Tư bản lũng đoạn đã làm việc đó đến mức khá cao, như một khóa học và nghệ thuật. Kinh tế quốc doanh xã hội chủ nghĩa hoàn toàn có khả năng làm hơn thế, đó là khách quan.

II. NHẬN THỨC VỀ THỊ TRƯỜNG TRONG THỰC TRẠNG KINH TẾ NƯỚC TA HIỆN NAY.

Thực trạng kinh tế nhiều thành phần và mở thông giao lưu hàng hóa là đặc điểm mới nhất của nền kinh tế từ thời chiến sang thời bình, từ cung cấp sang kinh doanh. Đó là tất yếu, hơn nữa là tiến bộ kinh tế. Đặc điểm đó thể hiện đầy đủ nhất trong các lĩnh vực nông lâm thủy sản, tiểu thủ công, hàng tiêu dùng, đặc biệt là ở các thành phố, thị trấn, trung tâm công thương. Tất yếu kinh tế đó đã được xác định thành chính sách, mà điểm mở đầu là nghị quyết hội nghị lần thứ 6 BCHTW (khóa IV) được đại hội V khẳng định về nguyên tắc. Tuy vậy, sự thực hiện hai chính sách ấy còn chưa thật nhất quán. Nguyên nhân quan trọng là sự mắc kẹt về tư duy, lý luận kinh tế gắn liền với sự mắc kẹt trong cơ chế cũ đã tồn tại như thực thể khách quan với bộ máy lớn, với thể chế, nền nếp thói quen cũ. Sau đây xin điểm một số luận đề quan trọng.

Trước hết, từ lâu đã có luận đề phân chia các thành phần kinh tế thành hai loại: xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa; cũng như luận đề phân chia hai thị trường: xã hội chủ nghĩa có tổ chức và "tự do". Những luận đề đó xuất phát từ sự căm ghét tư hữu và thị trường tự phát, là sự suy nghĩ "duy tình" chứ không phải sự luận chứng có khoa học và tỉnh táo. Tình cảm đó gắn liền với ảo tưởng cộng sản ấu trĩ "tả" muốn mau chóng có chủ nghĩa xã hội thuần khiết. Trước mắt nếu chưa thể có điều đó thì phải cách ly kinh tế xã hội chủ nghĩa khỏi các thành phần khác, phải lập cơ chế riêng cho thị trường có tổ chức. Kết quả là trói buộc kinh tế xã hội chủ nghĩa trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực chất là sản

xuất theo lệnh từ trên, lưu thông theo quy tắc giao nộp cấp phát, nhưng mang hình thức mua bán, hạch toán với hầu hết các phạm trù của kinh tế hàng hóa và thị trường, giá cả, lời lỗ, tiền lương, tín dụng, hạch toán kinh tế... Mãi gần đây chúng ta mới thực sự phát hiện ra rằng trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp thì các phạm trù ấy chỉ có trên hình thức, đều là giả tạo. Thị trường giả tạo mà nội dung bên trong là cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Thị trường giả tạo đó gây hậu quả kinh tế - xã hội rất nghiêm trọng, trước hết là làm yếu, làm hỏng các thành phần xã hội chủ nghĩa và người lao động trong đó.

Mặt khác, với lý luận hai loại thành phần, hai thị trường, đã diễn ra sự thiếu nhất quán, lúng túng trong cải tạo và quản lý các thành phần tư hữu cũng như trong quản lý thị trường. Có lúc ta gò nhanh mọi thành phần vào quốc doanh và hợp tác, ngăn cấm sản xuất kinh doanh, đưa tới chỗ kìm hãm lực lượng sản xuất kinh doanh đưa tới chỗ kìm hãm lực lượng sản xuất. Có lúc lại buông thả cho các thành phần tự phát. Từ đó tái diễn, lặp đi lặp lại cách cải tạo và quản lý bằng xóa bỏ hoặc gò vào tổ chức kể cả bằng nhiều cách làm thô bạo. Cách làm đó thường chỉ làm tăng sự đối phó của người sản xuất hàng hóa nhỏ, hầu hết là người lao động. Họ rút vào sản xuất kinh doanh phân tán, vào kinh tế ngầm. Trên đây mới chỉ nói khía cạnh kinh tế. Phải xét vấn đề ở khía cạnh chính trị mới thấy thật đầy đủ sự thiếu nhất quán. Về chính trị, ta nói chính sách mặt trận liên minh các giai cấp và tầng lớp nhân dân yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lấy công nông làm nền tảng do giai cấp công nhân lãnh đạo. Vậy mà về kinh tế ta lại phân chia các thành phần và tầng lớp làm hai: xã hội chủ nghĩa, từ đó phân chia quá trình sản xuất xã hội, thị trường xã hội làm một cách giả tạo. Như vậy là về mặt kinh tế, không tạo cơ sở cho liên minh chính trị, mà lại gây đối lập, chia rẽ. Tư tưởng kinh tế đó thực chất là có óc biệt phái, óc xã hội chủ nghĩa cửa quyền, gây chia rẽ khối liên minh nhân dân và dân tộc, là nền tảng tư tưởng của chế độ tập trung quan

liêu bao cấp. Chính sách của Đảng vô sản cải tạo và quản lý các thành phần tư hữu nhỏ phải là chính sách liên kết liên doanh, dân chủ, tự nguyện cùng có lợi, nhằm củng cố và tăng cường cơ sở kinh tế của liên minh chính trị, lấy công nông làm nền tảng, công nhân lãnh đạo.

Sự phân chia, phân cách như trên đối với một nền kinh tế một hệ thống kinh tế quốc dân trong bước đầu thời kỳ quá độ, xét theo quan điểm hệ thống cũng là không đúng. Thực tế diễn ra là sức mạnh và quy quyền lớn vốn có của Nhà nước được dùng vào việc lập thành lũy ngăn cách (hàng rào tổ chức chính sách luật) và quản lý các thành phần nhưng vẫn không quản lý được. Nhiều cơ quan quản lý và cán bộ quản lý của ta mắc kẹt vào cách nghĩ và cách làm cũ đến mức hầu như không còn cách nghĩ, cách làm nào khôn ngoan hơn.

Thực tiễn kinh tế nước ta, nhiều nhân tố mới về cải tạo và quản lý đã làm rõ tư tưởng mới, cách làm mới, nhất quán với tư tưởng chính sách của Đảng, hợp quy luật tiến hóa và do đó hợp lòng người hơn, văn minh hơn. Ở nhiều ngành và địa phương khi nhất quán đặt các thành phần kinh tế và thị trường xã hội vào trong một thể thống nhất, mọi thành phần bình đẳng trước pháp luật và chính sách, thì đương nhiên trong quan hệ giữa các thành phần, nhất định quốc doanh sẽ chiếm vai trò chủ đạo vì có thực lực lớn, có trình độ tổ chức và cán bộ cao, nắm khâu cốt yếu, có nhà nước hỗ trợ. Thực tế của các nhân tố mới đã chỉ rõ, trong các thành phố, thị trấn, ngành kinh tế kỹ thuật và ngành hàng với đội quân đa thành phần, thì quốc doanh và công nhân nắm quyền chủ đạo, lãnh đạo khả năng khách quan, trong tầm tay, nếu quốc doanh được biết hành động như nhà kinh doanh lớn. Hiện tượng quốc doanh lo phòng nghị giữ mình, giữ nhà không xong, cá bé rìa cá lớn, là do quốc doanh bị quản chặt trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Quốc doanh mạnh thành ra yếu, bởi ở trong thể không ngang quyền, không có tự chủ kinh doanh trong khi các thành phần khác

tự phát hành động. Cơ chế kế hoạch hóa phân ra mấy phần kế hoạch, dấu sao cũng là bước tiến, nhưng còn nửa vời do đó vẫn gây công ky giữa các lợi ích, giữa tự chủ và thống nhất.

Xin chuyển sang một luận đề khác cũng liên quan đến cơ chế kinh doanh - luận đề về đòi hỏi lập tức xóa bỏ cạnh tranh tự phát mà trên thực tế thường gắn liền với hiện tượng nâng giá, tranh mua. Ở đây, luôn luôn có những tiếng kêu báo động, hoảng hốt về sự hồi phục của tư hữu, tự do cạnh tranh, phá kỷ luật và kế hoạch thống nhất (kỷ luật giá, tài, ngân). Trước hết nhà kinh tế học không thể duy tình, la lối báo động ồn ào khi thấy cái gì còn chưa thuần khiết xã hội chủ nghĩa. Tỉnh táo mà nhìn nhận có thể thấy trong nền kinh tế nhiều thành phần, sản xuất nhỏ còn phổ biến, thì hiện tượng tự phát cạnh tranh là chưa thể tránh khỏi. Hơn nữa, chính sự bất lực về chỉ huy trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp làm tăng tính tự phát, rối loạn, cạnh tranh. Vấn đề đặt ra là bằng cách nào mà đưa tình trạng tự phát, rối loạn cạnh tranh chuyển dần sang quỹ đạo được tổ chức có kế hoạch. Trong lịch sử, tư bản độc quyền với thủ đoạn kinh tế, đã xóa bỏ tự do cạnh tranh, chuyển sang trạng thái tổ chức có kế hoạch khá cao. Thực tế nước ta ở đâu kinh tế quốc doanh ra quân kinh doanh thật sự thì ở đó từng bước, tổ chức có kế hoạch sẽ thay thế tự phát và tự do cạnh tranh, thi đua, đua tranh kinh tế vawnminh sẽ thay thế cạnh tranh sinh tồn theo luật rừng.

Một luận điểm, cũng được coi như lẽ phải hiển nhiên, nói rằng: chỉ ngành lưu thông và thương nghiệp mới được mua bán, buôn bán còn xí nghiệp sản xuất chỉ lo sản xuất, tương tự vậy có luận điểm: "xí nghiệp nào, ngành nào chuyên mặt hàng nào thì chỉ kinh doanh mặt hàng đó". Với quan điểm đó, xí nghiệp sản xuất phải "giao nộp" và kỷ luật "giao nộp" là quan trọng nhất.

Như vậy còn đâu quyền tự chủ kinh doanh, với sự mua bán ngang quyền. Chính vì thế, mà thể chế luôn luôn có ngoại lệ "nếu thương nghiệp không nhận". Lẽ ra, mối quan hệ giữa thương nghiệp và xí nghiệp sản xuất, tức là giữa hai nhà kinh doanh, phải

là quan hệ mua bán, mà tốt nhất là nua bán với quan hệ hợp đồng thỏa thuận có kế hoạch. Trên thực tế có những xí nghiệp, cửa hàng nên chuyên doanh. Mức chuyên doanh rộng, hẹp phải đa dạng sao cho hợp lý và có hiệu quả, không thể chuyên cứng nhắc làm cho chuyên môn hóa trở thành "cửa quyền". Trong cuộc sống chuyên doanh với phạm vi hợp lý luôn luôn kéo theo kinh doanh tổng hợp mới cho phép tận dụng khả năng và đạt hiệu quả cao.

Luận điểm về "Nhà nước độc quyền, thống nhất quản lý" cũng thường được hiểu theo quan điểm hành chính, trên thực tế rất ít hiệu lực. Về chính sách cần phân biệt một số sản phẩm mà Nhà nước giữ độc quyền sản xuất, tiêu thụ tuyệt đối cấm tư nhân kinh doanh như: rượu, thuốc lá,... Ở đây, nhà nước phải tổ chức sản xuất và phân phối bảo đảm nhu cầu hợp lý, đồng thời nghiêm khắc trừng trị mọi hoạt động phi pháp. Đối với các tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng nói chung, chủ yếu phải quản lý và thực hiện độc quyền chi phối theo quan điểm kinh tế. Hiện nay, sự thống nhất quản lý và thu mua của Nhà nước, đặc biệt với nông sản phẩm thường dẫn tới ngăn đò cấm chợ. Các cơ quan quản lý địa phương thường lập hàng rào khám và đánh thuế để giữ đặc quyền thu mua. Như vậy, chẳng khác gì sự trở lui về tình trạng phong kiến cát cứ. Đúng ra, phải cho hàng hóa lưu thông theo dòng chảy, hợp lý về kinh tế, cơ sở quốc doanh lập trạm thu mua hợp lý để thuận tiện cho người mua bán. Muốn vậy, phải từng bước tổ chức kinh doanh mua bán thay cho cách giao "nghĩa vụ thu mua" theo địa phương và cách độc quyền thu mua bằng ép cấp, ép giá, thực chất là trung mua. Trong tình hình còn vướng mắc như hiện nay, Công ty kinh doanh lương thực thành phố Hồ Chí Minh đang gặp khó khăn lớn. Nếu không nhất quán chính sách mở thông giao lưu hàng hóa, thì công ty đó sẽ rơi vào bế tắc. Điều đáng lo hơn nữa là không khuyến khích tăng sản xuất lương thực.

Một cách làm gây cản trở lưu thông hàng hóa bình thường, với những mặc cảm kiêng kỵ và luận điểm cũ kỹ, rút cuộc đều gây

thiệt thòi cho người sản xuất hàng hóa của mọi thành phần, trong đó thành phần xã hội chủ nghĩa, trước hết là quốc doanh, chịu hậu quả nặng nhất. Người thu lợi rút cuộc là người làm kinh tế ngầm, chui lòn, và nhân viên quản lý cửa quyền, ăn hối lộ, tổn thất lớn nhất là cản trở sản xuất lưu thông.

Sự nhất quán về chính sách như nói trên, là tiền đề của cơ chế quản lý mới, Từ những sự phân tích trên đây, có thể thấy những luận đề phân cắt nền kinh tế đang ở bước đầu thời kỳ quá độ làm hai loại thành phần (xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa) và hai thị trường; luận đề về sự cần thiết xóa ngay tự phát và cạnh tranh, thực hiện độc quyền và chuyên doanh theo cánh cửa quyền,../ có nguyên nhân chung. Đó là tư tưởng muốn có ngay, tạo ra ngay một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thuần khiết chỉ ít là tạo riêng một thị trường với thành phần xã hội chủ nghĩa thuần khiết, không chấp nhận chính sách và cơ cấu kinh tế quá độ. Đó là ảo tưởng trái quy luật, và đương nhiên cản trở lực lượng sản xuất bị quần chúng phản ứng, đối phó. Sự phản ứng, đối phó đó thường bị xem chỉ là phản ứng tiêu cực của người lao động tư hữu nhỏ, của thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa. Từ đó, đi tới cường điệu biện pháp hành chính cưỡng bức từ trên xuống, tạo thành xu hướng tập trung quan liêu hóa và hành chính hóa, nhân danh chủ nghĩa xã hội và chuyên chính vô sản. Đó là cơ chế mất lòng tin vào cấp dưới và quần chúng, xa lạ với tư tưởng làm chủ tập thể và tập trung dân chủ của Đảng ta.

Để tồn tại và hoạt động, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp luôn luôn có xu hướng đi ngược chính sách cơ cấu kinh tế quá độ. Đó là xu hướng đơn giản hóa cơ cấu kinh tế (hấp tấp thực hiện công hữu hoàn toàn, công quản hoàn toàn, công ích hoàn toàn) để tiện cho việc quản lý tập trung quan liêu hóa và hành chính hóa. Nói đến cùng, đó là chủ nghĩa ý chí, là ảo tưởng nhất tự công nhưng trá hình bằng một hệ thống luận đề "cách mạng". Thực chất đó những là những đề duy tình, là những đạo lý răn đe, hù dọa,

kiêng kỵ chứ không có luận lý khoa học, tỉnh táo theo phép biện chứng lịch sử mác xít. Không thể xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp nếu không xóa bỏ hệ thống luận điểm cũ kỹ và sai lầm của chủ nghĩa ý chí. Điều đó đòi hỏi hoạt động lý luận gắn với thực tiễn và sắc bén.

III. KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LÀ PHỦ ĐỊNH BIỆN CHỨNG KINH DOANH TƯ BẢN CHỦ NGHĨA.

Đồng nhất kinh doanh xã hội chủ nghĩa với kinh doanh tư bản chủ nghĩa là sai lầm. Mặt khác, xem kinh doanh xã hội chủ nghĩa là không có gì kế thừa, If sự phủ định siêu hình (đơn giản xóa sạch trơn) kinh doanh tư bản chủ nghĩa, cũng là sai lầm rất cơ bản, hoàn toàn xa lạ với phép biện chứng lịch sử, với quan điểm tiến hóa luận kinh tế xã hội của chủ nghĩa Mác. Phải thấy rằng, cả hai thứ kinh doanh đó đều đặt trong điều kiện của nền sản xuất còn mang thuộc tính hàng hóa. Vì vậy, về mặt sử dụng các quan hệ hàng hóa - tiền tệ và những quy luật của nó, thì kinh doanh xã hội chủ nghĩa có sự kế thừa kinh doanh tư bản chủ nghĩa, là sự phủ định biện chứng kinh doanh tư bản chủ nghĩa do đó ưu việt hơn. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa mang nội dung kinh tế - xã hội mới về bản chất về nguyên tắc (hệ thống lợi ích mới, quan hệ giai cấp mới, hệ quy luật mới,...) đồng thời về nguyên tắc nó vẫn là kinh doanh trong điều kiện của nền sản xuất hàng hóa. Nói cách khác, kinh doanh xã hội chủ nghĩa được đặt trong nền kinh tế mới với hai thuộc tính: tính kế hoạch và tính hàng hóa. Hai thuộc tính đó quan hệ hữu cơ, cái này là điều kiện của cái kia, trong đó tính kế hoạch là thuộc tính mới và chủ đạo của nền sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, tức là tính tự phát đang từng bước được thay thế bởi tính tự giác có kế hoạch.

Sách vở cũ thường cường điệu sự khác biệt máy móc giữa kinh doanh xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, thường nêu ra những luận đề nặng tính chất đạo đức (đức hạnh) như không làm ăn kiểu tư bản; không chạy theo cơ chế thị trường, đi buôn ăn chênh

lệch giá là xấu, người sản xuất chỉ nên lo sản xuất, còn buôn bán là việc riêng của thương nghiệp. Điều kỳ lạ là có lúc chúng ta nói "đạo lý" như vậy, mặc dù chính VL Lê Nin nói: xí nghiệp nhà nước, không chỉ có thương nghiệp được đặt trên phương diện buôn bán, nhà nước phải làm nhà buôn, phải học buôn bán văn minh, đi với chó sói phải gào như sói...

Trong lập luận và tình cảm, nhiều khi chúng ta đối lập buôn bán, ăn lãi với đức hạnh, trong khi ta cần phải biết buôn bán văn minh, sành sỏi, sắc sảo... Đức hạnh nói cho cùng là ở chỗ phục vụ ai:

Không thể nói kinh doanh xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa một cách trừu tượng, phải xét trong cuộc sống.

Trong Hội nghị Anh hùng vừa họp, chị Ba Thi là anh hùng kinh doanh. Có thể nói đó là anh hùng kinh doanh (kinh doanh lương thực và có phần kinh doanh tổng hợp) mà nông dân tin cậy, dân thành phố tin cậy. Trung ương Đảng, Quốc Hội và Chính phủ phong danh hiệu cao quý. Trong cơ chế kinh doanh ấy, việc xử lý giá cả, nguồn vốn, vốn tiền mặt, mối quan hệ mua bán với nông dân, việc bán hàng cho dân thành phố... trên nhiều mặt về hình thức làm ăn là học cách kinh doanh của tư bản độc quyền. Học ngay cả cách chi phối, trung, tiểu thương để hướng dẫn sử dụng cải tạo họ một cách dân chủ, tự nguyện, văn minh, nhân đạo vô sản.

Có thể nói đó là sự phủ định biện chứng cơ chế kinh doanh của tư bản độc quyền, do đó mà thành công và mạnh hơn tư bản độc quyền, văn minh hơn. Đó là mô hình nhà kinh doanh, tổ chức kinh doanh xã hội chủ nghĩa trong hiện thực bước đầu thời kỳ quá độ. Còn có thể nói, đó là nhà "tư bản đỏ", nhà "kinh doanh đỏ". Trên đất nước ta, không chỉ có một điển hình. Đã có rất nhiều tổ chức quốc doanh và nhà kinh doanh kiểu như vậy, trong nhiều ngành công thương, trong khai thác thủy sản, xuất khẩu thủy sản, trong xây dựng nông trường và liên hiệp lâm – công nghiệp kiểu

mới, trong kinh doanh dịch vụ phục vụ nông nghiệp, kinh doanh xuất nhập khẩu.

Đặc trưng của các điển hình kinh doanh đó là: mô hình quốc doanh gánh vác trách nhiệm của tổ chức kinh tế quốc doanh xã hội chủ nghĩa, đứng đầu, tập hợp các thành phần, bằng liên doanh liên kết, để thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển sản xuất kinh doanh phục vụ, sử dụng và cải tạo các thành phần khác theo đúng nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, cùng có lợi. Nó khác hẳn mô hình quốc doanh kiểu cũ trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp là quốc doanh khép kín, cô lập, cách ly khỏi các thành phần khác và thị trường “tự do” mà hậu quả thường là gây ra sự đối lập, cản phá nhau và sự thụ động của kinh tế quốc doanh. Mô hình quốc doanh ra quân kinh doanh kiểu mới đó hoàn toàn xa lạ với lý luận phân cắt các thành phần kinh tế, thành phần xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa cũng như lý luận phân cắt hai thị trường, lý luận – độc quyền và chuyên doanh kiểu hành chính máy móc. Các mô hình quốc doanh ra quân kinh doanh kiểu mới đó đặc biệt công ky với cơ chế kế hoạch hóa và cơ chế quản lý giá cả, tài chính, ngân hàng, tiền lương kiểu tập trung quan liêu bao cấp, vì đó là sự điều hành tập trung quá mức đồng thời phân quyền của cấp dưới đồng thời chỉ huy chậm và rời, là sự điều hành bằng lệnh hành chính đơn thuần (lệnh kế hoạch, lệnh cấp phát, giao nộp tài chính tín dụng, lệnh giá cả, lệnh trả thù lao) loại trừ quan hệ mua bán và chế độ tự chịu trách nhiệm.

Thực tiễn hoạt động của các nhân tố mới ra quân kinh doanh bức bách đòi hỏi xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện tập trung dân chủ, làm chủ tập thể, trong đó có chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người kinh doanh.

IV. QUYỀN TỰ CHỦ CỦA NGƯỜI KINH DOANH VÀ SỰ BẢO ĐẢM QUẢN LÝ THỐNG NHẤT CÓ KẾ HOẠCH

Với vấn đề này, cũng không thể xem xét bằng lý giải trừu tượng. Phải khái quát từ thực tiễn ra đời và hoạt động của các nhân

tổ mới. Phân tích sự ra đời và hoạt động của các nhân tố mới. Phân tích sự ra đời và hoạt động của các nhân tố mới trong kinh tế quốc doanh và cơ quan quản lý kinh tế theo lãnh thổ, có thể thấy nổi lên ba nhân tố quyết định sự xuất hiện và khởi động của cơ chế kinh doanh, xóa bỏ tập trung quan liêu hành chính bao cấp. Một là, có cốt cán vững vàng về chính trị, đủ uy tín và năng lực để kinh doanh trong điều kiện nhiều khó khăn, cản trở, cám dỗ rất phức tạp; hai là, có quyền tự chủ đích đáng, ứng với sứ mệnh phải gánh vác trên cơ sở có cốt cán lãnh đạo như nói ở trên (tự chủ về phương án sản xuất kinh doanh, về giá, tài, ngân, về tổ chức cán bộ...); ba là, có phương án đúng với chính sách cơ cấu và cơ chế quản lý mới. Trên thực tế có nhiều kinh nghiệm quý rất đa dạng về phương án sản xuất kinh doanh khôn ngoan, hợp lý. Trong nhiều trường hợp, đó là phương án dựng nghiệp từ tay không, hồi phục thoát khỏi sự suy thoái triền miên, vươn lên trong tình huống cực kỳ khó khăn về nguồn vốn và vật tư, rất vướng mắc về thể chế. Điều đó biểu hiện rõ sự hệ trọng củ cơ chế quản lý. Nếu cơ chế quản lý không phù hợp thì dầu thuận lợi và bao cấp ưu đãi vẫn suy thoái. Nếu cơ chế quản lý phù hợp, thì dầu khó khăn vẫn tìm và khai thác được nhiều khả năng phát triển, tăng trưởng.

Từ những sự phân tích trên đây, cần nhấn mạnh rằng: khi xem xét quyền tự chủ, trước hết, cần đặt trong điều kiện ở các ngành, các cấp có cán bộ cốt cán đủ sức quán triệt chính sách của Đảng, xây dựng và thực hiện phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, năng động, nhưng không tự phát tùy tiện, lạm dụng. Đảng ta với 56 tuổi Đảng, trải qua hơn ba mươi năm xây dựng tổ chức và cán bộ trực tiếp trong công tác kinh tế, có vốn rất lớn, rất quý về cán bộ. Đó chính là nhân tố quyết định sự xuất hiện rất nhiều nhân tố mới, kinh nghiệm mới, đặc biệt là ở cấp cơ sở, ở các ngành sản xuất kinh doanh và tỉnh, thành phố, huyện, quận, phường xã. Đó là nhân tố quyết định để thực hiện làm chủ tập thể bằng tổ chức, làm chủ tập thể ở nhiều cấp; để đi vào kinh doanh năng động nhưng vẫn

thống nhất thích đáng, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Cơ chế quản lý mới thấu suốt nguyên tắc làm chủ tập thể, đặt lòng tin vào cấp dưới và quần chúng, từ đó hoàn thiện quản lý tập trung thống nhất trên cơ sở phát huy chủ động sáng tạo của cấp dưới và quần chúng, Do đó, nó tùy thuộc vào tiềm lực tổ chức cán bộ ở các ngành, các cấp. Mà đó là chỗ mạnh của Đảng và Nhà nước ta.

Để xác định nội dung, thực chất của quyền tự chủ, chủ động của người kinh doanh, cần lưu ý mấy vấn đề có tính nguyên tắc.

Quyền chủ động, tự chủ, nói đến cùng là quyền tự chủ, tự chủ của người kinh doanh được đặt trước thị trường với động tác cơ bản là mua bán và chế độ tự chịu trách nhiệm về kinh tế (tự bù đắp, lời ăn lỗ chịu) trong quan hệ bình đẳng với người kinh doanh khác, trong khuôn khổ chính sách, kế hoạch kinh tế quốc dân và pháp luật cho phép.

Quyền tự chủ, chủ động đó rất đa dạng, nó cao hay thấp, rộng hay hẹp là tùy thuộc vào tầm quan trọng của sứ mệnh mà tổ chức kinh doanh, cán bộ kinh doanh đó được giao phó, và môi trường hoạt động của nó. Những công ty, liên hiệp xí nghiệp hay xí nghiệp sản xuất kinh doanh đầu ngành, ở những ngành hàng ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng; cơ quan quản lý kinh tế theo lãnh thổ ở những địa bàn quan trọng (thành phố, cảng) có sứ mệnh xây dựng, phát triển, cải tạo toàn ngành (cả nước hoặc địa bàn lãnh thổ), phải có quyền tự chủ cao, ứng với cốt cán lãnh đạo đủ tin cậy. Đó là quyền tự chủ của chủ thể điều tiết giá cả, giành quyền phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân qua thị trường, nắm hàng nắm tiền, cải tạo theo đòi hỏi của kế hoạch kinh tế quốc dân và chính sách của Đảng và Nhà nước.

Chỉ xét với thị trường trong nước, thì đó là quyền tự chủ, chủ động của tư lệnh kinh doanh trên thị trường đa thành phần, nhân dân thành phần chủ đạo, nhân dân sự tổ chức có kế hoạch, nhằm đưa toàn bộ các thành phần, toàn bộ quá trình sản xuất xã hội từng

bước vào quỹ đạo của kế hoạch và chính sách vào quỹ đạo quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Có thể nói quyền tự chủ, chủ động của người kinh doanh đòi hỏi sự chỉ huy thống nhất thích đáng và đồng bộ, tức là thống nhất trên cơ sở phân cấp hợp lý, và điều hành đồng bộ với công cụ trung tâm là kế hoạch, điều hành đồng bộ với công cụ trung tâm là kế hoạch. Đó là những quan điểm cơ bản của Đảng trong việc xác lập cơ chế quản lý nói chung và cơ chế quản lý giá cả, tài chính, lưu thông tiền tệ, tiền lương nói riêng.

V – NÂNG CAO HIỆU LỰC QUẢN LÝ TẬP TRUNG THỐNG NHẤT TRONG THỰC TRẠNG KINH TẾ HIỆN NAY

Nước ta đang đứng trước thực trạng kinh tế nhiều thành phần và mở rộng giao lưu hàng hóa. Hơn nữa, đang ở thực trạng kinh tế chưa bình thường. Có hai vấn đề lớn phải đặt ra:

Một là, sự nhất quán về chính sách kinh tế nhiều thành phần và mở thông giao lưu hàng hóa.

Hai là, nâng cao hiệu lực của sự điều hành tập trung thống nhất trên cơ sở phân cấp quản lý phát huy quyền tự chủ, chủ động của cấp dưới và đơn vị cơ sở.

Trong tình huống phức tạp hiện nay, vấn đề quan trọng trước hết là phải làm sáng tỏ, cụ thể hóa hơn nữa chiến lược kinh tế và chiến lược quản lý (chính sách cơ cấu , cơ chế). Chỉ xét hẹp trong những chính sách trực tiếp quan hệ với quá trình chuyển sang kinh doanh, xóa cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, có hai chính sách lớn:

Một là, chính sách kinh tế nhiều thành phần trong đó quốc doanh chủ đạo, Nhà nước quản lý; trong đó cách mạng quan hệ sản xuất được thực hiện như quá trình tiến hóa hợp quy luật, với những hình thức kinh tế quá độ, nhằm huy động mọi lực lượng sản xuất của toàn dân vào làm kinh tế theo phương châm trung ương và địa

phương cùng làm, Nhà nước và dân cùng làm. Đó là dân chủ trong kinh tế, dân chủ có lãnh đạo, có tập trung.

Hai là, chính sách mở thông giao lưu hàng hóa trong quỹ đạo của chính sách, kế hoạch kinh tế quốc dân và pháp luật cho phép. Sự nhất quán hai chính sách nói trên sẽ tạo thế mạnh cho kinh tế quốc doanh nhân danh sản xuất kinh doanh lớn, đồng thời khuyến khích mọi công dân sản xuất kinh doanh, vì quốc kế dân sinh. Từ đó, tạo ra tình huống kinh tế bình thường rất thuận lợi cho cải tạo và quản lý... Đó là tình huống tốt nhất có thể là, là tình huống đáng mong đợi.

Trên cơ sở nhất quán về chính sách như thế, việc nâng cao hiệu lực điều hành tập trung thống nhất nên như thế nào? Từ thực tế nước ta và kinh nghiệm quốc tế, xin nêu lên ba khâu cơ bản nhất:

Một là, phân cấp quản lý, xác lập quyền tự chủ cho các tổ chức sản xuất kinh doanh và các cơ quan quản lý theo lãnh thổ, giải quyết đúng mối quan hệ giữa trách nhiệm (nghĩa vụ) với quyền hạn, phương tiện và lợi ích. Các tổ chức sản xuất kinh doanh và cơ quan quản lý theo ngành và lãnh thổ được sắp xếp hợp lý, có quyền tự chủ thích đáng, có cốt cán lãnh đạo đủ tin cậy, là nền tảng của hệ thống quản lý thống nhất nhưng năng động. Đó là vấn đề cơ bản của chiến lược tổ chức quản lý trong cơ chế kinh doanh, là chiến lược ra quân kinh doanh, với sức mạnh làm chủ tập thể bằng tổ chức từ cấp cơ sở.

Hai là, thực hiện nghiêm ngặt chế độ thủ trưởng trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đi liền với sự thống nhất chỉ huy của cấp trên và cấp cao, xóa bỏ sự chỉ huy nhiều mối.

Trong sự thống nhất chỉ huy của cấp trên và cấp cao với cấp dưới, cần bảo đảm thống nhất chỉ huy bằng hướng dẫn, xét duyệt phương án kế hoạch sản xuất kinh doanh đồng bộ, trong đó xử lý đồng bộ mọi vấn đề từ sản xuất đến phân phối lưu thông, bảo đảm thống nhất bằng bố trí cán bộ đủ tin cậy để trao quyền tự chủ động,

có khi phải rất rộng, mà không sợ sản xuất kinh doanh vô nguyên tắc hoặc cục bộ, bản vị; bảo đảm thống nhất bằng sự kiểm tra, đánh giá, xử lý, uốn nắn một cách có thẩm quyền, khắc phục sự kiểm tra, đánh giá nhiều mức rất phiền hà mà không có hiệu lực.

Ba là, các cơ quan tham mưu cấp trên nên tập trung vào chức năng nghiên cứu xây dựng phương án chiến lược, chính sách để phục vụ sự chỉ đạo thống nhất về chiến lược, chính sách và phương án kế hoạch toàn diện. Phải đặc biệt chú trọng làm tốt dịch vụ thông tin cho các cấp.

Phải thay đổi chiến lược thể chế hóa, tập trung làm lại những luật cơ bản nhất như: chế độ phân cấp quản lý kinh tế lãnh thổ, chế độ và quyền tự chủ của tổ chức sản xuất kinh doanh và mối quan hệ giữa nó với cấp trên chế độ kế hoạch hóa; chế độ hợp đồng kinh tế; chế độ tài chính kinh doanh... Các thể chế do trung ương ban hành nên rất ngắn gọn, cơ bản, nhằm định hướng rõ về nguyên tắc. Đồng thời, đòi hỏi các cấp cụ thể hóa cơ chế quản lý thành thể chế cụ thể ở cấp mình từ nghị quyết của đảng bộ các cấp, đến điều lệ, thể lệ nội bộ các đơn vị không trái với cái chung.

Tóm lại, chính việc thể chế hóa cũng phải đi từ thấp đến cao theo con đường thống nhất có phân cấp, và là quá trình tổng kết thực tế, hoàn thiện từng bước.

Để kết luận, có thể nói trung ương ra Nghị quyết chuyển hẳn sang cơ chế quản lý có kế hoạch thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, có nghĩa là đòi hỏi chuyển chiến lược quản lý. Sự chuyển hướng đó có hai mặt cơ bản và gắn bó hữu cơ với nhau:

-Mặt tổ chức, xóa bỏ tập trung quan liêu, thực hiện tập trung dân chủ, trong đó thực hiện sự phân cấp phát huy tự chủ gắn với sự thay đổi căn bản nhằm nâng cao hiệu lực quản lý thống nhất.

-Mặt kinh tế, xóa bỏ cơ chế bao cấp, thực hiện cơ chế kinh doanh, trong đó đề cao trách nhiệm kinh tế, người sản xuất kinh

doanh tự bù đắp và làm nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện thống nhất các lợi ích kinh tế.

Hai mặt đó, nói cho cùng, đều nhằm thực hiện chế độ làm chủ tập thể bằng tổ chức và trên cơ sở kết hợp thống nhất các lợi ích kinh tế, lấy lợi ích toàn cục làm chủ đạo.

MÁY SUY NGHĨ VỀ VIỆC ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỊNH HƯỚNG

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ KHOÁN SẢN PHẨM

TRONG NÔNG NGHIỆP⁷

Sau khi đọc một số bài viết ở chuyên mục “Nghiên cứu – Trao đổi” về khoán sản phẩm trong nông nghiệp đăng trong Tạp chí Cộng sản số 7 và 8 năm 1987, điều băn khoăn nhất của chúng tôi là trong những bài ấy có nhiều suy nghĩ, lý giải chưa theo kịp, thậm chí còn khác với hệ thống quan điểm kinh tế của Đại hội VI. Vì vậy, để đánh giá và định hướng hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp hiện nay, cần nhất quán xuất phát từ quan điểm kinh tế mà Đại hội VI đã đề ra. Từ cách nghĩ như vậy, chúng tôi xin phát biểu thêm hai vấn đề dưới đây:

1 – Xem xét cơ chế khoán trong nông nghiệp như hình thức cụ thể và đặc trưng của cơ chế quản lý mới

Cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến cá nhân gia đình, tổ, đội lao động đã được áp dụng trên thực tế trong hầu hết các ngành kinh tế quốc dân ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa. Ở nước ta, cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng tới nhóm và người lao động trong thời

⁷ Tạp chí Cộng sản, tháng 10-1987

gian qua đã được vận dụng với nhiều hình thức khác nhau tùy theo hoàn cảnh cụ thể, của từng miền, từng vùng trong nước. Tuy nhiên, đằng sau tính đa dạng về hình thức đó, chúng tôi thấy cơ chế khoán này về thực chất mang đầy đủ những đặc trưng của cơ chế hạch toán kinh tế (hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa). Tất nhiên, hình thức hạch toán kinh tế này không dừng lại ở cấp xí nghiệp, hợp tác xã mà được vận dụng tới cá nhân, gia đình, tổ, đội sản xuất. Chính vì vậy, về nguyên tắc, cơ chế khoán mới trong nông nghiệp nước ta khác với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp ở ba điểm sau đây:

Cơ chế khoán mới mở rộng phạm vi tự chủ cho cá nhân, tổ, đội trên cơ sở giải quyết tốt mối quan hệ: quyền hạn gắn với trách nhiệm, nghĩa vụ gắn với lợi ích... Cho nên nó tạo được động lực phát triển mới dựa trên sự hoạt động năng động sáng tạo của cá nhân và tổ, đội thay cho hoạt động tắc trách, thực hiện một cách thụ động những định mức quá chi li được bán ra từ bộ máy quản lý cấp trên.

Cơ chế khoán mới đòi hỏi phải dùng cách quản lý lấy tác động kinh tế là chính thay cho cách quản lý cũ lấy mệnh lệnh là chính, quan hệ giữa cấp giao khoán và người nhận khoán được thực hiện bằng cách đồng khoán, trong đó việc bảo đảm lợi ích và trách nhiệm đều được thực hiện bình đẳng từ hai phía.

- Từ hai điều trên, cơ chế khoán mới thúc đẩy từng cá nhân, gia đình, tổ đội vì lợi ích bản thân mà chăm lo hiệu quả kinh tế, bảo đảm lợi ích tập thể và toàn xã hội.

Như vậy, muốn nhận dạng cơ chế khoán mới là đúng hay sai cần xét từ bản chất của nó với tư cách là hình thức hạch toán kinh tế đến cá nhân, gia đình và tổ, đội lao động.

Chung quanh vấn đề khoán sản phẩm trong nông nghiệp hiện nay có nhiều câu hỏi đặt ra: khoán còn phù hợp đến khi nào? Nó còn “thọ” bao lâu? Đã hết vai trò chưa?...

Ở đây có hai khía cạnh cần xem xét: Một là, xét theo hình thức cụ thể thì các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp rất đa dạng và động.

Kinh nghiệm thực tiễn về khoán sản phẩm trong nông nghiệp, ngay cả ở các nước đã đi vào chủ nghĩa xã hội (kể cả trong công nghiệp hiện đại) cũng không chứng tỏ rằng: đến lúc ấy sẽ không còn khoán cho cá nhân và gia đình và tất cả là phải khoán cho tập thể.

Hai là, xét về bản chất, cơ chế khoán với các đặc điểm nói trên sẽ có “tuổi thọ” lâu dài ngang với sự tồn tại của cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, cơ chế khoán trong nông nghiệp cũng như cơ chế hạch toán kinh tế có thể được áp dụng đến như cơ chế hạch toán kinh tế có thể được áp dụng cá nhân chứ không buộc dừng lại ở khoán cho tập thể.

Hiện nay, có một số người nghĩ rằng mọi khó khăn, tiêu cực trên các mặt kinh tế, chính trị, xã hội con người... trong hợp tác xã nông nghiệp đều do cơ chế khoán mới gây nên. Họ cho rằng cơ chế khoán sản phẩm đến cá nhân, gia đình... là sai và đã hết vai trò tích cực. Họ lập luận rằng, mọi hiện tượng tiêu cực đó sẽ được giải quyết, khi quay lại hình thức khoán tập thể, thực hiện công hữu hóa và lao động tập thể một cách trọn vẹn... Thật ra, bài toán kinh tế trong công nghiệp nói chung và hợp tác xã nông nghiệp nói riêng ở nước ta hiện nay không quá đơn giản như thế. Những mặt tiêu cực của cơ chế khoán mới trong nông nghiệp hiện nay có quan hệ và chịu sự chi phối về nhiều mặt của thực trạng kinh tế nước ta ở chặng đường đầu thời kỳ quá độ. Khi đánh giá tình hình tiêu cực rồi ren, vướng mắc trong hoạt động kinh tế, Đại hội VI của Đảng đã chỉ ra nguyên nhân chủ quan là những sai lầm, thiếu sót trên các mặt: chính sách kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa, cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế.. Và để khắc phục những sai lầm đó, Đại hội VI đã chỉ ra con đường giải phóng sức sản xuất, hoàn thiện chính sách kinh tế- xã hội đúng đắn,. Vì vậy theo chúng tôi, những vấn đề

tiêu cực đang tồn tại của khoán sản phẩm trong nông nghiệp hiện nay bắt nguồn từ những trở ngại rất lớn do cơ chế tập trung bao cấp căn bản còn tồn tại. Trên thực tế không phải chỉ cơ chế khoán mới trong nông nghiệp mà tất cả những nhân tố mới của cơ chế hạch toán kinh tế trong tất cả các ngành đều đang bị cơ chế cũ đẩy lùi, bóp méo, đe dọa làm hỏng. Trong nông nghiệp, những biểu hiện đó thể hiện rất rõ: Sự tùy tiện nâng mức khoán và “nghĩa vụ” đóng góp sản phẩm, bộ máy quan liêu, ăn bám, cửa quyền nặng nề ở đơn vị cơ sở đã vi phạm đến lợi ích người nhận khoán, hiện tượng khoán trắng thực chất là sự vi phạm phía cấp trên... Trong điều kiện ấy, cá nhân và gia đình buộc phải tự lo mọi việc và tất yếu dẫn đến vấn đề “tự phát”. Tất cả những việc đó chứng tỏ rằng không phải cơ chế khoán mới trong nông nghiệp đã hết vai trò, tác dụng mà chính cơ chế cũ, chính sách kinh tế cũ (hiện chưa được đổi mới) đã ngăn cản, không cho cơ chế khoán mới phát huy vai trò tích cực. Thực tế cho thấy rằng ở địa phương và đơn vị nào, làm tốt việc ổn định mức khoán, bảo đảm lợi ích của hợp tác xã và nông dân trong quan hệ trao đổi hàng hóa, có sự nghiêm túc thực hiện hợp đồng từ phía cấp trên... thì ở đó, cơ chế khoán mới trong nông nghiệp tiếp tục phát triển và vẫn phát huy tốt vai trò tích cực của nó.

Từ sự phân tích trên đây, có thể kết luận rằng việc đánh giá và định hướng hoàn thiện cơ chế khoán mới trong nông nghiệp phải được đặt trong sự đánh giá và định hướng của Đại hội VI về thực trạng chính sách kinh tế - xã hội nói chung, trực tiếp nhất là vấn đề đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, mà cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp hiện nay là một hình thức cụ thể của nó.

2. Xem xét cơ chế khoán mới trong nông nghiệp xuất phát từ quan điểm của Đại hội VI về cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

Trong quá trình phát triển cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến cá nhân, gia đình và tổ, đội lao động đã xuất hiện những hiện tượng kinh tế mới rất đáng được chú ý. Nhiều gia đình làm ăn khá

giả đã mua sắm được trâu bò, một số tư liệu sản xuất khác và đã làm ruộng vượt mức khoán khá cao. Nhiều gia đình canh tác đồi rừng và có thu nhập hàng trăm ngàn đồng một năm. Nhiều gia đình chuyên chăn nuôi theo hình thức gia công hoặc nhận khoán, trong đó có gia đình đã nuôi tới hàng trăm con lợn. Không ít hợp tác xã mới xây dựng đã giữ nguyên tắc trả hoa lợi ruộng đất và trả lãi vốn cổ phần, nhờ đó mà có nhiều vốn sản xuất, nhiều hợp tác xã bậc cao lâu năm nay cũng huy động vốn của xã viên theo chế độ vay lãi hoặc góp cổ phần chia lãi. Ở miền núi, kinh tế cá thể gắn bó với nhau bằng hình thức tổ đổi công, tổ đoàn kết mà làm ăn lại có hiệu quả hơn so với việc lập hợp tác xã theo công thức cũ.

Cũng đã xuất hiện xu hướng liên doanh, liên kết giữa kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân, kinh tế cá thể trên những địa bàn nông, lâm trường, đạt hiệu quả kinh tế cao. Hoặc trong một số ngành sản xuất kinh doanh, nhiều đơn vị quốc doanh và hợp tác xã áp dụng hình thức khoán cho cá nhân, gia đình và các thành phần khác cũng mang lại kết quả tốt...

Tất cả những hiện tượng mới như thế xuất hiện từ khi có nghị quyết hội nghị lần thứ sáu của Trung ương đảng (khóa IV) là nghị quyết bước đầu xác định quan điểm về sử dụng kinh tế tư nhân, cá thể, khuyến khích kinh tế gia đình, uốn nắn hiện tượng “nóng vội” thực tiễn, xác định quan điểm mới rất cơ bản và toàn diện về cách mạng quan hệ sản xuất, trong đó có quan điểm sử dụng kinh tế tư nhân, cá thể với phương châm “sử dụng để cải tạo và cải tạo để sử dụng tốt hơn”.

Vì vậy, việc đánh giá hiện tượng “tư hữu” và “phân hóa” giàu nghèo trong cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp hiện nay cũng cần làm theo quan điểm của Đại hội VI. Sự phát triển kinh tế tư nhân cá thể, gia đình là xu hướng tất yếu hiện nay (đã được Đại hội VI khẳng định dứt khoát) đang được xây dựng thành các chính sách cụ thể và luật pháp nhằm huy động mọi khả năng về vốn, tư liệu sản xuất, lao động... của các thành phần và hình thức

kinh tế để mở rộng sản xuất kinh doanh theo đúng chính sách và luật pháp của Nhà nước... Cho nên, với tư duy mới, chúng ta cũng phải thay đổi cách nhìn cũ, đánh giá thành phần kinh tế tư nhân cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Hơn nữa, trong điều kiện có nền chuyên chính vô sản vững mạnh, các giai cấp thống trị và bóc lột đã bị xóa bỏ (xét về mặt giai cấp) thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết là kinh tế quốc doanh đã chiếm lĩnh những vị trí quan trọng quyết định nhất... thì việc sử dụng kinh tế tư nhân, cá thể, kinh tế gia đình trong một số ngành nghề dù có gắn liền với hiện tượng “phân hóa” giàu nghèo, they cho “sự nghèo đều” vẫn khác xa sự phân hóa giai cấp. Cũng không phải là sự tái xuất hiện giai cấp bóc lột thống trị. Lê nin đã từng nói: “chúng ta leo càng cao trên bậc thang chính trị ấy, chúng ta thể hiện càng đầy đủ nhà nước cải tạo xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản qua các xô viết thì chúng ta càng ít có quyền lo sợ” chủ nghĩa tư bản nhà nước” hơn, chẳng lẽ điều đó không rõ ràng hay sao ?. Mặt khác, ai đã sống và am hiểu thực tế ở nông thôn đều biết: trong nông dân, không phải mọi gia đình, mọi người đều có khả năng như nhau về lao động, vốn liếng, khả năng quản lý và tính toán làm ăn./ Không nên vì sợ “phân hóa” mà kìm hãm những cá nhân và gia đình có nhiều khả năng về các mặt đó, đồng thời ép buộc những người ít vốn, yếu sức, vụng về cũng nhận suất khoán như những người khác. Xu hướng hợp lý là trên cơ sở mở rộng sản xuất, tìm thêm ngành nghề, phát triển phân công hợp lý để mỗi cá nhân và gia đình có được công việc làm phù hợp với khả năng của họ. Về nguyên tắc, sự làm giàu của cá nhân và gia đình nhận khoán đặt trên cơ sở thu nhập hợp pháp, do bỏ thêm lao động vốn liếng, khéo tính toán.. vừa có lợi cho cá nhân, vừa làm tròn nghĩa vụ khoán, nói chung là làm ăn chính đáng, ... thì sự giàu có lên như vậy là có lợi cho đất nước.

Hơn nữa, nếu chúng ta biết sử dụng, khai thác thế mạnh của những gia đình này thì có thể còn tạo thêm việc làm cho những

người đang thiếu việc (trong trường hợp họ được phép thuê một số công nhân) góp phần thiếu thốn. Tất nhiên dưới chủ nghĩa xã hội, không có cơ chế khoán nào lại cho phép cá nhân, gia đình làm giàu bằng cách gây sự nghèo khổ cho người khác hoặc trên cơ sở làm ăn phi pháp...

Như vậy trong tình hình hiện nay, một trong những vấn đề đổi mới tư duy nhằm hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp là vận dụng đúng đắn quan điểm mới của Đại hội VI về sử dụng và phát triển kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân, kinh tế cá thể,... gắn liền với các hình thức liên kết, liên doanh dưới sự chủ đạo của kinh tế quốc doanh và tập thể, quyết tâm là xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp chuyển nhanh sang cơ chế kinh doanh cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Với đường hướng như vậy, chúng ta sẽ tạo tiền đề giải quyết từng bước những khó khăn, tiêu cực của khoán sản phẩm trong nông nghiệp hiện nay, đưa hình thức khoán đó phát triển theo xu hướng ngày càng hoàn thiện.

KHÔNG NÊN DỪNG CÁC PHẠM TRÙ “BÓC LỘT” VÀ “BỊ BÓC LỘT” TRONG NỀN KINH TẾ MỚI⁸

Muốn bàn vấn đề đảng viên làm kinh tế, chúng ta cần đi từ một vấn đề rất cơ bản: nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ ở nước ta về nguyên tắc có còn quan hệ bóc lột và bị bóc lột nữa không ?

Theo tôi, trong điều kiện đã có chế độ chính trị mới do Đảng ta lãnh đạo, sở hữu công cộng đã là hình thức sở hữu chủ yếu, nền kinh tế nước ta tuy là nền kinh tế hàng hóa có nhiều thành phần, trong đó có cả thành phần tư nhân và cá thể, nhưng về nguyên tắc không còn chế độ bóc lột, không còn giai cấp bóc lột thống trị. Đây là nền kinh tế theo chế độ hợp tác, với định hướng cải tạo xã hội chủ nghĩa, các thành phần kinh tế tất yếu đi theo xu hướng gắn bó với nhau trong quan hệ hợp tác trong đó tính chất xã hội chủ nghĩa là chất mới, là tính chủ đạo. Và xã hội ta là cộng đồng công dân bình đẳng, nằm trong khối liên minh nhân dân và dân tộc xây dựng chế độ mới. Quan hệ giữa người bỏ vốn kinh doanh hợp pháp với người ăn lương không còn là quan hệ cưỡng bức giữa người bóc lột và người bị bóc lột, mà là quan hệ hợp tác tự nguyện giữa người có vốn kinh doanh với người có sức lao động nhưng không có vốn.

Do đó, trong xã hội ta hiện nay, không nên dùng các phạm trù “thuê mướn”, “làm thuê”, “bóc lột”, “bị bóc lột”,... vốn là những phạm trù của nền kinh tế cũ, xã hội chủ. Cần dùng các phạm trù mới của chế độ hợp tác: “hợp tác”, “đổi công”, “phân công”, “phân phối theo lao động và theo vốn”. Nếu dùng các phạm trù thuê mướn, bóc lột (và cả phát canh, thu tô, cho vay lấy lãi,...) thì không chuẩn xác và không thể giải thích được nhiều hiện tượng kinh tế cũng như nhiều nhân tố mới trong xã hội ta. Chẳng hạn như, kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể có bóc lột không khi dùng lao động hợp đồng, thực hiện khoán đầu thầu hoặc giao đất,

⁸ Tạp chí Cộng sản, Tháng 11 năm 1988

giao rừng cho người lao động?. Tổ hợp sản xuất gồm người có vốn biết quản lý và các thành viên khác chỉ lao động ăn lương có bóc lột nhau không? Có thể coi là hợp tác xã được không? Đã có ý kiến cho rằng Nông trường sông Hậu, Liên hợp lâm công nghiệp I-ê-súp “bóc lột” khi giao khoán đất cho nhân dân tại chỗ.

Nếu quy định đảng viên và gia đình đảng viên chỉ được làm kinh tế gia đình và tiểu chủ để không trở thành người bóc lột thì không hợp lý, nửa vời và rất mơ hồ.

- Trước hết, không thể phân biệt được ranh giới giữa kinh tế gia đình và kinh tế tiểu chủ, không thể xác định rõ giới hạn đến đâu là vượt mức tiểu chủ. Người ta bỏ vốn cho vay lấy lãi hợp pháp, hoặc góp cổ phần để phát triển sản xuất, chẳng lẽ lại hạn chế?. Người ta thực hiện phương thức gia công, giao khoán không thuê nhân công thì tính như thế nào ?.

- Thứ nữa, phải chăng sản xuất kinh doanh với quy mô nhỏ ở mức tiểu chủ thì gần chủ nghĩa xã hội và tiến bộ hơn so với sản xuất, kinh doanh quy mô lớn, dùng nhiều lao động, bỏ nhiều vốn? Phải khẳng định rằng, trong nền kinh tế theo chế độ hợp tác có định hướng xã hội chủ nghĩa, *mọi thành phần làm ăn hợp pháp đều mang tính chất xã hội chủ nghĩa ở những mức độ khác nhau, đều mang “dòng máu” của chế độ xã hội chủ nghĩa*, tức là đều nằm trong quan hệ liên kết, hợp tác nhiều thành phần có “định hướng xã hội chủ nghĩa”, Điều đó phù hợp với luận đề mác xít rất cơ bản: các hình thức kinh tế tư hữu nhỏ không bao giờ là một phương thức sản xuất độc lập; tính chất của nó bị quy định bởi tính chất của quan hệ sản xuất (hay chế độ sở hữu) thống trị trong phương thức sản xuất nhất định. Không thể nói người làm kinh tế gia đình và tiểu chủ gần chủ nghĩa xã hội hơn, cách mạng hơn người có tài, có vốn, sản xuất kinh doanh lớn (đều trong quan hệ hợp tác). Tư tưởng coi tiểu chủ cách mạng tư nhân kinh doanh lớn, ngay trong chế độ ta, chẳng qua là tàn dư của cách nghĩ cũ, cách hiểu cũ, tàn dư của tư tưởng bản cổ nông, lấy bạn nghèo người nghèo làm trọng. Trong những mô hình

công ty kinh doanh công, nông, lâm, ngư nghiệp... có liên doanh, liên kết nhiều thành phần, chẳng lẽ những tư nhân kinh doanh lớn trong liên kết (có người giàu gấp mấy chục lần người khác, dùng thêm nhiều lao động, trả công đích đáng, gắn bó lâu dài) lại là nhân tố tiêu cực hơn so với người lao động bình thường, chỉ có khả năng đơn giản là làm công ăn lương. Hơn nữa, trong nền kinh tế theo chế độ hợp tác, không còn những tư sản, tiểu chủ, trung nông nguyên dạng như trong xã hội cũ, mặc dù còn mang ít nhiều di sản tiêu cực.

Đảng ta cần **khuyến khích làm giàu hợp pháp**. Người có tài, có sức, có vốn, làm giàu hợp pháp, tích lũy tái sản xuất mở rộng, tạo được nhiều việc làm và trả công xứng đáng cho người lao động phải được coi trọng là người đóng góp cho cách mạng tốt hơn so với người kém tài, không tích góp được vốn sản xuất. Ngày nay, Đảng và nhân dân nhìn nhận tính chất tiến bộ hay lạc hậu, tiên tiến hay bình thường là căn cứ theo tiêu chuẩn thúc đẩy sản xuất phát triển đến đâu, cống hiến tích cực và có hiệu quả cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước ở mức nào, có tạo được việc làm và thu nhập đích đáng cho người lao động không.

Từ quan điểm cho rằng nền kinh tế mới là nền kinh tế nhiều thành phần, theo chế độ hợp tác, với định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tất yếu chúng ta thừa nhận rằng mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật (bình đẳng về địa vị chính trị) đều nằm trong liên minh nhân dân cách mạng, trong chế độ hợp tác do Đảng lãnh đạo và **Đảng phải bao gồm những người tiên tiến**, tích cực cả về kinh tế và chính trị, **của tất cả các thành phần kinh tế**. Đảng kết nạp vào đội ngũ của mình những người tiên phong ở mọi thành phần, những người làm ăn chân chính và có tác động tích cực trong việc vận động tổ chức quần chúng tiến quân vào mặt trận kinh tế. Đảng ta chưa bao giờ và đến ngày nay càng không thể là Đảng của người nghèo. Trong chế độ hợp tác (kể cả liên doanh, liên kết). Đảng không nên tuyên bố là

không kết nạp vào Đảng, hoặc đưa ra khỏi Đảng những ai bỏ nhiều vốn kinh doanh và sử dụng nhiều lao động.

Trong chế độ kinh tế hợp tác, **nên bỏ hẳn sự phân chia thành phần giai cấp theo kiểu cũ** (vô sản, bán nông, trung nông, tiểu chủ, tiểu thương, tư sản, tư sản dân tộc,...). Có thể đặt tên bộ phận kinh doanh tùy theo quy mô sản xuất như tổ, tập đoàn, xí nghiệp. .. Còn mỗi cá nhân được xác định theo chức nghiệp, và sau này khi nhà nước ra thuế thu nhập, thì được phân loại để nộp thuế thu nhập. Người nộp thuế thu nhập cao có nghĩa là đóng góp nhiều cho xã hội, có thể tự hào so với người đóng **góp** ít, và càng tự hào so với người có điều kiện lao động mà còn phải cứu trợ. Sở dĩ cần bỏ sự phân định thành phần giai cấp theo kiểu cũ là vì nói chung, sớm muộn mọi người làm kinh tế gia đình, cá thể hoặc tư nhân đều nằm trong hệ thống hợp tác liên doanh, liên kết với thành phần quốc doanh và tập thể. Họ là những thành viên của chế độ hợp tác. Kinh tế tư nhân, cá thể ở nước ta, trong chế độ hợp tác không có khả năng phát triển theo con đường đại tư bản.

Lưu ý rằng, do tồn tại kinh tế nhiều thành phần cho nên ở những mức độ khác nhau, nhiều công nhân viên chức và xã viên hợp tác xã so với trước, đã và đang có sự tư hữu hóa. Theo cách nhìn cũ thì tư hữu hóa như vậy là xấu và đang có sự tư hữu hóa. Theo cách nhìn cũ thì tư hữu hóa như vậy là xấu và tụt lùi. Nhưng ở ta, đó là đang là một tất yếu kinh tế. Trong những điều kiện như nhau, người biết làm kinh tế gia đình, biết sản xuất kinh doanh hợp pháp, càng lớn thì càng là người tích cực, tiến bộ hơn những người vụng về hoặc lười biếng không biết làm. Đương nhiên như vậy không có nghĩa là mọi công nhân kỹ thuật bậc cao, mọi kỹ sư, bác sĩ, nhà khoa học, nghệ sĩ,.. đều nân phân tán tài sức vào nghề phụ. Cần nhấn mạnh, với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, chúng ta không hề khôi phục chế độ tư hữu bóc lột, mà xây dựng chế độ kinh tế hợp tác. Không nên dùng các phạm trù cũ trong nền kinh tế

mới, vì như vậy sẽ làm hỏng chế độ hợp tác, làm mất khối liên minh xây dựng kinh tế.

VỀ HÀNG HÓA SỨC LAO ĐỘNG⁹

Trước thực tiễn chuyển biến mạnh sang nền kinh tế hàng hóa và cơ chế quản lý hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, rất nhiều vấn đề lý luận được đặt lại, và đã có những bước tiến. Nhiều vấn đề được làm sáng tỏ, song cũng có những vấn đề chưa thật sáng tỏ, trong đó có vấn đề sức lao động nói chung và “chất xám” của các nhà khoa học nói riêng có là hàng hóa hay không?

Trong chủ nghĩa xã hội, sản phẩm của lao động là hàng hóa (trong đó có sản phẩm lao động trí óc của các nhà khoa học) không còn là vấn đề phải bàn cãi. Vấn đề còn bàn cãi là sức lao động của con người nói chung và sức lao động của các nhà khoa học hay “chất xám” nói riêng có phải là hàng hóa hay không? Có thể nói đây là vấn đề không chỉ có ý nghĩa lý luận, học thuật, mà đang là vấn đề thực tiễn rất cơ bản thiết thực và gay gắt.

Giả định rằng, trong chủ nghĩa xã hội sức lao động không phải là hàng hóa, thì phải trả lời câu hỏi: với tư cách phạm trù kinh tế, nó là cái gì ?

Nghiên cứu quá trình lịch sử ra đời của hàng hóa sức lao động, ta có thể thấy rõ trong chế độ phong kiến nông nô và trước nữa là chế độ chieemns hữu nô lệ toàn bộ con người lao động cùng với sức lao động của họ đều thuộc sở hữu của chủ, giống như các vật sở hữu khác. Ở đây, những người lao động trí óc, lao động nghệ thuật, không ở tầng lớp ông chủ, cũng chịu chung số phận như vậy.

Kinh tế hàng hóa phát triển, nền kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa ra đời, người lao động được giải phóng từ người nô lệ thành người tự do bán sức lao động. Đồng thời, đại đa số quần chúng lao động bị vô sản hóa, cho nên buộc phải bán sức lao động bị vô sản

⁹ Báo Nhân dân, ngày 17-5-1989

hóa, cho nên buộc phải bán sức lao động cho nhà tư bản – một sự mua bán không thể có bình đẳng thật sự. Đã xuất hiện thị trường sức lao động với tất cả các đặc trưng của chế độ tư bản chủ nghĩa. Dẫu sao, đó là một bước tiến có tính lịch sử trong quá trình con người giành giải phóng. Đồng thời, cũng còn tất cả các mặt tiêu cực, những mặt tối tệ do bản chất của chế độ tư bản chủ nghĩa quy định.

Chính thực tiễn đó, những nỗi đau của người bán sức lao động trong chế độ tư bản chủ nghĩa đã làm bùng nổ sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản, của người cộng sản hướng tới một xã hội tương lai, trong đó con người được giải phóng triệt để. Chính với lý tưởng hoài bão tốt đẹp đó, sau khi có chính quyền, mọi Đảng và Nhà nước cách mạng đều muốn xóa bỏ các quan hệ hàng hóa - tiền tệ, đặc biệt là xóa bỏ phạm trù hàng hóa sức lao động, xóa bỏ thị trường sức lao động. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa được thiết kế với luận đề cơ bản: đó là nền kinh tế mang tính xã hội trực tiếp ngay từ đầu, không cần xã hội công hữu tối đa về tư liệu sản xuất, không cần xã hội hóa gián tiếp qua các quan hệ hàng hóa – tiền tệ, là con đường xã hội hóa kiểu tư bản. Từ luận đề đó, lao động của con người cũng mang tính chất xã hội trực tiếp, xã hội trực tiếp phân công, bảo đảm việc làm ăn cho mỗi người, mỗi người được xã hội trực tiếp phân phối sản phẩm lao động theo kết quả lao động mà xã hội đánh giá. Cách làm như vậy gắn bó với hy vọng và niềm tin khơi dậy sức sáng tạo trong mỗi người lao động. Đồng thời, tránh được mọi nỗi khổ đau mà người lao động phải gánh chịu trong điều kiện sức lao động là hàng hóa kiểu tư bản chủ nghĩa như thất nghiệp, phân phối bất công, thậm chí vẫn phải bán cả thân mình (chứ không phải chỉ bán sức lao động).

Luận điểm về lao động đã mang tính xã hội trực tiếp được quán triệt rất cụ thể thành chế độ lao động biên chế trong kinh tế quốc doanh và chế độ lao động tập thể, thống nhất điều hành quản lý, ăn chia phân phối trong khu vực kinh tế hợp tác xã. Ở nước ta

trong nhiều thập kỷ, việc lo cho con em khi trưởng thành có được một chân biên chế hay cùng lắm là một chân xã viên đã từng là mối quan tâm hàng đầu của cha anh. Xã hội nói chung mong muốn tất cả mọi người đều vào thành phần xã hội chủ nghĩa, thậm chí hơn nữa, tất cả thành cán bộ, công nhân viên chức trong biên chế, bằng cả con đường nâng hợp tác xã lên quốc doanh. Đó là con đường xây dựng nền kinh tế công cộng triệt để với quan hệ phân phối hiện vật trực tiếp, nhanh chóng thu hẹp, xóa bỏ mọi nhân tố tư hữu và quan hệ hàng hóa – tiền tệ, xác lập cơ chế điều hành tập trung trực tiếp từ trên theo lệnh hành chính. Mô hình kinh tế và cơ chế quản lý lao động như vậy đã được thử nghiệm kiên trì qua nhiều thập kỷ, mà kết quả trái với mong đợi, hơn nữa nó còn mang những khuyết tật làm biến dạng chủ nghĩa xã hội.

Với chủ đề của bài này, cần xem xét hậu quả về con người lao động trong chính sách cơ chế cũ. Ai cũng thấy chế độ lao động biên chế trong quốc doanh và chế độ tập thể điều hành và ăn chia phân phối trong hợp tác xã làm cho người lao động trên thực tế bị tách rời với tư liệu sản xuất. Họ không có ngay cả quyền sở hữu và tự quản lý với sức lao động và thành quả lao động của chính bản thân mình. Chính sách và cơ chế cũ không tạo khả năng, thậm chí không cần đến tính tự chủ, tự quản đó, mà chỉ cần và cho phép thừa hành thụ động. Mỗi người làm gì - Do trên thu xếp. Được đánh giá và hưởng thụ thế nào? Cũng do trên thu xếp. Mà cấp trên đó, nói cho cùng là cán bộ, nhân viên bộ máy nắm quyền thông qua xét duyệt và thu mua phân phát (xét cấp bậc, lương bổng, công điểm, nhà đất, tuyển chọn vào biên chế, cử đi học, xét cấp danh vị, xét công, xử phạt...). Người lao động trong biên chế, người lao động trí óc nói riêng đều ở trong hoàn cảnh đó. Hơn nữa, lao động trí óc và lao động phức tạp (trình độ cao) càng được quản chặt. Trên thực tế, đã hình thành một xu hướng rất xấu: nhiều người lao động nói chung, kể cả lao động trí óc chăm lo tìm ô dù, tìm cách làm đẹp lòng người có quyền (lo lót, đối lưu), để tìm chỗ đứng có lợi trong

ăn chia phân phối, hơn là lo cho mình có thực tài đi theo con đường “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”.

Trong thực trạng đó, điều rõ ràng là sức lao động không còn là hàng hóa vì được và bị xã hội hóa trực tiếp, đã công hữu hóa như một công, không thể có mua bán thỏa thuận (đã được xếp đặt trực tiếp). Đức tính đòi hỏi người lao động không phải là tự chủ chọn nghề, chọn việc, học hành tu luyện theo sở trường mà là chấp hành sự sắp xếp phân phối của tổ chức.

Việc tính đến năng khiếu, sự ham mê thực hiện sở trường... chỉ là ngoại lệ hiếm hoi. Điều đáng lưu ý đặc biệt là, trong khi sức lao động không còn là hàng hóa (trong biên chế và trong tập thể) thì nó đã không trở thành cái gì đso cao hơn sức lao động là hàng hóa. Hơn nữa, còn thấp hơn về giá trị sử dụng, về năng suất và hiệu quả, về tính tự lực và quyền tự chủ của con người, do đó về tính năng động sáng tạo của họ.

Một dạng bất công mới đã nảy sinh: một bên là những người nắm quyền xét duyệt, thu mua, cấp phát (kể từ cấp thấp nhất) và một bên là những người không có quyền đó. Hậu quả cuối cùng là khuyến khích tìm đặc quyền đặc lợi, chỉ ít là tìm chỗ dựa dẫm, ý lại “giành một suất tối thiểu” dù không cần lao động để được bảo đảm suất ăn chia tối thiểu và không lo thất nghiệp.

Đó là nguồn gốc sâu xa nhất của nghịch cảnh, lao động quốc doanh, tập thể tư nhân, cá thể, thực chất là lao động được và bị xã hội hóa trực tiếp thua lao động của người sản xuất hàng hóa nhỏ và lao động làm thuê, kể cả về năng suất, hiệu quả, tính năng động sáng tạo. Và do đó, cũng thua cả về mặt trả công sao cho đủ tái sản xuất sức lao động.

Cùng với quá trình phát triển nền kinh tế hàng hóa trong chủ nghĩa xã hội, sức lao động của con người “chất xám” của các nhà khoa học khi trở thành hàng hóa, có nghĩa là con người thật sự làm chủ bản thân mình, làm chủ hàng hóa sức lao động của mình và

được xã hội đánh giá, trả công xứng đáng với giá trị đích thực của nó. Cũng phải lưu ý rằng, xã hội ở đây là xã hội chủ nghĩa với đầy đủ bản chất kinh tế, xã hội tốt đẹp của nó, cũng như với tất cả những hạn chế điều kiện lịch sử. Những mặt tích cực của sức lao động là hàng hóa được thừa kế và phát huy, những mặt tiêu cực do bản chất chế độ xã hội trước đó quy định hoặc do điều kiện lịch sử hạn chế sẽ được khắc phục và ngăn ngừa. Người lao động được tự do lựa chọn công việc thích hợp, được cống hiến với khả năng cao nhất của mình, được tự ý di chuyển chỗ làm việc nếu bị đối xử không công bằng... Người quản lý sản xuất kinh doanh cũng được lựa chọn những người lao động thích hợp và sử dụng có hiệu quả sức lao động thích hợp và sử dụng có hiệu quả sức lao động của họ. Trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, mỗi thành phần đều có vấn đề tạo việc làm, sử dụng và trả công lao động. Nước ta cần và có thể có một đạo luật lao động chung cho mọi quan hệ lao động và sử dụng lao động thuộc mọi thành phần kinh tế. Mọi người lao động cần có và bắt buộc phải có sổ lao động.

Trong điều kiện nền kinh tế mới của nước ta với chính quyền cách mạng vững mạnh do Đảng lãnh đạo, không phải khi sức lao động là hàng hóa thì con người mất đi nhân tính của mình/ Thật ra, nếu sức lao động được đối xử như một hàng hóa thì con người có thêm khả năng và cơ hội thực hiện được quyền tự do, tự chủ của mình thông qua quá trình lao động sản xuất. Cũng đã là loại hàng hóa đặc biệt. Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội (dù còn ở giai đoạn thấp) nó lại càng đặc biệt hơn, nó bị chi phối bởi bản chất chế độ kinh tế - xã hội chủ nghĩa. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội trên nhiều mặt, nhiều mối quan hệ cả chính trị, kinh tế, xã hội,... Sức lao động là hàng hóa, nhưng không bao giờ có nghĩa là toàn bộ con người với tất cả mối quan hệ khác cũng trở thành hàng hóa. Chỉ riêng lĩnh vực lao động sản xuất, riêng sức lao động của con người trong lao động sản xuất mới là hàng hóa và chỉ trên mặt đó mà thôi.

Ở nước ta hiện nay, sự tồn tại thị trường sức lao động trong khu vực kinh tế tư nhân, cá thể đã là tồn tại trên thực tế. Vấn đề đặt ra là khuyến khích mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm, sử dụng lao động theo nguyên tắc tự nguyện, thỏa thuận và hợp pháp. Điều cần phải lý giải là trong khu vực sở hữu công cộng, nhất là trong kinh tế quốc doanh, nếu coi sức lao động là hàng hóa và có thị trường sức lao động, thì trên thực tế có nghĩa là gì? Ai làm thuê và ai thuê? Hình thức cụ thể như thế nào? Đảng và Nhà nước đã có chủ trương thay thế chế độ lao động biên chế trong kinh tế quốc doanh và chế độ lao động thống nhất quản lý, ăn chia phần phối trong kinh tế tập thể (trên cơ sở công hữu hóa triệt để) bằng chế độ lao động hợp đồng, giao khoán, giao thầu,... Với chủ trương đó, chắc chắn rằng, trong tương lai, cùng với quá trình xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; chế độ lao động hợp đồng sẽ trở thành phổ biến. Nói cách khác, trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phát triển theo chế độ hợp tác xã hội chủ nghĩa, mọi quan hệ tuyển chọn, sử dụng và trả công lao động tất yếu đi theo hướng thực hiện chế độ lao động hợp đồng mang tính pháp lý thống nhất.

Trong điều kiện đó, người lao động tay chân, người quản lý, người làm khoa học kỹ thuật và dịch vụ nói chung, có thể vừa là người chủ thực hiện quyền bầu chung, có thể vừa là người chủ thực hiện quyền bầu, tuyển (với tư cách công dân, tư cách thành viên của tập thể lao động, tập thể xã viên, tập thể cổ đông hoặc đại diện của họ). Đồng thời, mỗi người có thể là người được chọn, bầu, tuyển (với tư cách người có nghề nghiệp), mà nói nôm na là được thuê và trả công theo nguyên tắc pháp quyền tư sản. Nguyên tắc pháp quyền tư sản như vậy trong quan hệ lao động là nguyên tắc phù hợp với quy luật kinh tế, đồng thời mang tinh thần dân chủ đặt trong điều kiện lịch sử cụ thể hiện nay.

Trong quan hệ lao động đó, mỗi người lao động trong chế độ hợp tác hiểu theo tư tưởng Lê Nin, trước hết là người làm chủ sức lao động của mình (quyền tự quyết và tự chịu trách nhiệm). Mỗi người có khả năng lao động phải bằng kết quả lao động của mình để tự khẳng định bản lĩnh lao động cống hiến cho xã hội của mình. Chế độ lao động hợp đồng là cơ chế đánh giá tuyển chọn và trả công đúng đắn, kích thích mỗi người học tập, rèn luyện và phát huy tài năng sáng tạo, thật sự đua tài, đua sức góp vào sự nghiệp làm cho dân giàu nước mạnh. Lúc đó kết quả lao động cao, thấp, tốt, xấu, thật, giả... dễ được phân định rõ ràng. Sẽ nhanh chóng thu hẹp chỗ ẩn náu cho những người lười nhác, những người lo tìm ô dù che chở và đặc biệt là những người có đặc quyền đặc lợi trong cơ chế tuyển chọn quản lý, xếp đặt, ăn chia phân phối theo lệnh. Cơ chế mới như vậy sẽ góp phần mở ra khả năng tạo thêm việc làm, đồng thời từng bước thực hiện công bằng xã hội trên cơ sở thúc đẩy mở rộng sản xuất kinh doanh với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Và sau cùng, chế độ lao động hợp đồng như vậy sẽ góp phần quyết định xây dựng con người mới mà trước hết, phải là con người lao động tự chủ, siêng năng, sáng tạo trong chế độ hợp tác xã hội chủ nghĩa¹⁰.

¹⁰ Tháng 4-1989, viết cùng Ngô Quang Minh

GIÁM ĐỐC KINH DOANH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI¹¹

GIÁM ĐỐC KINH DOANH VỚI CÔNG LUẬN

Giám đốc kinh doanh trong công cuộc đổi mới hiện nay là một chức nghiệp thuộc loại mới mẻ nhất, nặng nề nhất, nhiều hấp dẫn vinh quang, đồng thời cũng nhiều khó khăn, cản trở, không ít cạm bẫy, cám dỗ, răn đe và cả oan trái. Đó đã và đang là nhân vật được báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng hàng ngày, hàng giờ đưa ra trước công luận. Sự công khai hóa như thế góp phần loại trừ một số phần tử xấu, làm gương nghiêm trị ngăn trước ngừa sau. Đáng quý hơn cả là đã có lúc, có nơi phản ánh khá tốt tiếng nói thật của giám đốc kinh doanh, đòi hỏi tháo gỡ để tự chủ kinh doanh theo nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng. Trên báo chí đã có cả lời cuối cùng của Trần Xuân Hợi, đơn từ chức của Kiều Xuân Trường,. Cũng có nơi, có lúc thiên về phê phán người kinh doanh như nhân vật chủ yếu và trực tiếp gây tổn thất kinh tế, vượt rò thể chế, làm hỏng kỷ cương. Báo chí và phương tiện thông tin đại chúng đưa trước công luận tiếng nói đa dạng như vậy là điều tự nhiên trong quá trình dân chủ hóa, công khai hóa, thể hiện sự kiểm tra, bình luận của công chúng với một chức nghiệp hệ trọng hàng đầu trong cuộc phấn đấu cho dân giàu nước mạnh. Người giám đốc kinh doanh chân chính chấp nhận xu hướng công khai, dân chủ và sẵn sàng đối thoại. Nhờ tiếng nói đa dạng, công khai dân chủ như vậy, mới có thể đẩy lùi, ngăn ngừa được cái đáng sợ nhất với giám đốc kinh doanh chân chính. Đó là sự đánh giá cửa quyền, độc thoại thiên vị mang danh nghĩa “thanh tra nội bộ” mà thật ra rất dễ mờ ám, không trong sáng công khai. Trong khi chúng ta chưa có tờ báo kinh tế hàng ngày như diễn đàn của giám đốc

¹¹ Báo Nhân dân, ngày 20-1-1989

kinh doanh, thì điều mong mỏi là các báo, đài phát thanh mở rộng trang, mục cho tiếng nói giám đốc.

GIÁM ĐỐC KINH DOANH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

Đấu tranh đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là cuộc đổi mới có tính cách mạng, trong nội bộ hàng ngũ cách mạng, nhưng là đấu tranh gay gắt, giằng co, khá lâu dài. Trong bước đầu, ít ai lường tới lực cản to lớn của cái cũ, cũng như nỗi gian truân trong tìm tòi cái mới. Quả thật, đổi mới không phải là cuộc thắng tiến vào vườn cây đã sẵn quả ngọt. Đó là cuộc khai phá vào vùng đất mới khác lạ, đầy hứa hẹn, nhưng không thể có bội thu ngay vụ đầu. Trong cuộc đổi mới đó, chức nghiệp giám đốc kinh doanh là chức nghiệp người cải cách, cách tân, người khai phá dựng nghiệp, kỹ sư xung kích trong đội quân kinh tế vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh. Có thể so sánh chức nghiệp ấy tương đương chức nghiệp tướng chiến trường trong chiến tranh cách mạng. Khi đất nước thực sự đi vào thời kỳ xây dựng kinh tế, mở cửa giao lưu đua tranh trên thị trường thế giới, thì đội ngũ giám đốc kinh doanh trở thành loại cán bộ mới mẻ nhất và quan trọng hàng đầu. Mới mẻ nhất vì trước đây, trong kinh tế thời chiến, trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, ta mới chỉ có chức nghiệp giám đốc thừa hành, chưa có chức nghiệp giám đốc kinh doanh. Có một cách nói hình ảnh rất hay về hai mẫu người giám đốc. Trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, giám đốc là người thừa hành đặt trong sự điều tiết theo lệnh rất cụ thể từ trên, chỉ như một người đội trưởng nhỏ. Giám đốc kinh doanh trong cơ chế mới là người kinh doanh được đặt trước thị trường đủ quyền tự chủ, đồng thời tự gánh vác trách nhiệm nặng nề trước đất nước và đơn vị của mình, đúng như viên tướng trên chiến trường. Mà chiến trường đây là thị trường trong nước và cả thị trường quốc tế. Lê Nin, trong thời kỳ chính sách mới, là thời kỳ nền kinh tế rơi vào thực trạng thiếu hụt, khủng hoảng rối loạn rất nặng nề, đã đề xướng chế độ hạch toán kinh doanh với xí nghiệp nhà nước theo nguyên

tắc: đặt xí nghiệp trước thị trường, theo nguyên tắc buôn bán, nguyên tắc tự chủ. Đó thực chất là trao cho những người cộng sản, giám đốc kinh doanh chế độ tự chủ đầy đủ như một nhà tư sản, tức là chấp nhận luật chơi của thị trường để phát huy vai trò chủ đạo gianh quyền làm chủ thị trường vì sự nghiệp xã hội chủ nghĩa. Chế độ tự chủ như vậy không làm yếu mà chỉ đòi hỏi thay đổi căn bản sự điều hành thống nhất của Nhà nước, tạo khả năng nâng cao hiệu lực của sự điều hành đó. Đây là quan điểm đã được đề ra trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước ta.

Chính do sự khác nhau rất cơ bản của hai mẫu giám đốc như vậy mà không phải mọi giám đốc kiểu cũ, thậm chí không phải số đông giám đốc kiểu cũ có thể dễ dàng tự đổi mới và thích nghi được với chức nghiệp mới./ Cần có thời gian và phải trải qua thực tiễn mới có thể thực hiện được sự chọn lọc lại, đào tạo lại. Nhưng đến nay, nhờ thực tiễn hơn mười năm qua, nhất là từ sau nghị quyết hội nghị lần thứ VI của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa IV (1979) đã có bước ngoặt chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, tạo ra môi trường mới, trong đó vừa có đòi hỏi vừa tạo điều kiện thực hiện sự chọn lọc, đào tạo lại. Nhờ đó, đã hình thành đội ngũ giám đốc kinh doanh mà đến nay khá đông đảo. Trong đội ngũ mới này, ngày càng nổi lên nhiều nhân tài có uy tín trong đơn vị, trong ngành, trong địa phương. Không ít người được cả nước biết tiếng, bắt đầu có uy tín trên trường kinh doanh quốc tế, đó là vốn quý mà đất nước bắt đầu có. Sự hình thành đội ngũ giám đốc kinh doanh cho đến nay rất giống tình hình trong chiến tranh cách mạng trước đây, chỉ sau cuộc kháng chiến chống thực dân pháp, đất nước mới có được đội ngũ tướng lĩnh đủ bản lĩnh vào cuộc chống Mỹ. Có thể nói, đội ngũ giám đốc kinh doanh mà đất nước đã có cho đến nay là sự chuẩn bị bước đầu đáng quý để đi vào vận hội mới đáng mở ra cho sự nghiệp kinh tế.

GIÁM ĐỐC KINH DOANH, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐẶC BIỆT.

Giám đốc kinh doanh là người lao động sản xuất thuộc loại quan trọng nhất như viên tướng của đoàn quân, Đó là chức nghiệp đòi hỏi rất cao về sự tín cẩn, trí dũng và năng khiếu đã phát triển thành tài năng. Đòi hỏi đó bắt nguồn từ đặc điểm lao động của họ, là người kinh doanh phải tự chủ, tự quyết, năng động sáng tạo rất cao trong định hướng quỹ đạo của đường lối chính sách quốc gia, Đội ngũ đó không thể tạo ra chủ yếu bằng con đường tuyển sinh mở trường lớp, học lý thuyết đại trà, với quy hoạch và thủ tục bàn giấy. Kinh nghiệm đã cho thấy rất rõ phải phát hiện tìm chọn tài năng qua thử thách, chọn lọc từng người một trong thực tiễn sản xuất kinh doanh. Trong sự phát hiện, chọn lọc như vậy có vai trò công chúng, vai trò tập thể, vai trò trường đào tạo, nhưng quan trọng nhất là vai trò của các nhà lãnh đạo chính trị và các giám đốc kinh doanh giỏi đang giữ vị trí trọng yếu. Giám đốc kinh doanh là một nghề cần những phẩm chất và năng khiếu đặc biệt, cho nên các nhà lãnh đạo chính trị và giám đốc kinh doanh đương nhiệm không chỉ có trách nhiệm mà còn có khả năng hơn ai hết trong việc tuyển chọn, thử thách, đù dặt từng người. Người lãnh đạo có tâm huyết vì sự nghiệp lâu dài không thể không lo gây dựng nhân tài kế tục, tài đức đi xa vươn cao hơn mình. Sự điều động thay thế đơn giản theo cấp bậc lương và thâm niên theo bằng cấp, thành phần, sự trẻ hóa một cách hình thức là có hạn. Hiện nay, không ít giám đốc kinh doanh cỡ lớn mặc dù tuổi cao nhưng có uy tín và còn sức làm việc, còn rất cần cho sự nghiệp, trong đó có cả việc đào tạo lớp sau đủ sức thay thế. Hơn nữa, phải chú ý tiếp tục sử dụng ngay khi đã thôi chức vụ quản lý, vào công việc tư vấn, hội đồng quản trị công việc đào tạo và huấn luyện. Với những giám đốc kinh doanh giỏi đã có công khai phá, gây dựng, mở mang một sự nghiệp sản xuất kinh doanh “một nghề, một đơn vị, một công ty hay hiệp hội” có uy tín trên trường kinh doanh, đã tích lũy kinh nghiệm phong phú, thì không thể máy móc theo chế độ về hưu. Nước ta còn thiếu kinh nghiệm và truyền thống kinh doanh, cho nên cũng chưa thật sự coi giám đốc kinh doanh là một loại lao động đặc biệt, quý hiếm không

kém gì lao động của chính khách, bác học, nghệ sĩ, nghệ nhân. Không hiếm thấy giám đốc kinh doanh giỏi, đang say mê sự nghiệp bỗng được nghỉ hưu về tuổi tác, hoặc điều đi việc khác thậm chí được đề bạt, để rồi tài năng, kinh nghiệm và uy tín đã tích lũy trở thành vô nghĩa.

Nếu trong chiến tranh cách mạng, để chiến thắng, đất nước không thể không gây dựng đội ngũ tướng lĩnh giỏi, thì trong kinh tế cũng vậy, không thể không thấy đầy đủ tầm quan trọng, tính đặc thù và con đường gây dựng đội ngũ giám đốc kinh doanh.

ĐỔI MỚI NHẪM NÂNG CAO HIỆU LỰC QUẢN LÝ

NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ¹²

Thực tiễn lịch sử phát triển kinh tế của các quốc gia cho thấy việc nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế và xu hướng phổ biến. Trong vấn đề này, giữa xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa có chỗ khác nhau, có chỗ giống nhau. Mọi quốc gia trong trường hợp kinh tế phát triển thành công lớn, cũn như trong trường hợp kinh tế suy thoái, trì trệ khủng hoảng, đều tìm thấy một nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp ở vai trò nhà nước. Bởi vậy, mọi quốc gia đều quan tâm nâng cao nhanh chóng chất lượng và hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế xét theo nghĩa rộng nhất của chức năng này.

Đối với nước ta, đây không chỉ là sự quan tâm mà còn là mối lo, bởi vì việc quản lý nhà nước về kinh tế đã rơi vào và mắc kẹt lâu trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp rất nặng. Do đó, việc quản lý nhà nước về kinh tế trong một thời gian dài đã trở thành nhân tố gây vướng mắc, kìm hãm hoạt động sản xuất kinh doanh. Vấn đề đặt ra là phải đổi mới như thế nào để việc quản lý nhà nước

¹² Báo Nhân dân ngày 2 và 3-3-1989

về kinh tế thoát khỏi cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, trở thành nhân tố tích cực thực hiện tư tưởng giải phóng sản xuất mà Đại hội VI đã đề ra. Hơn nữa, đổi mới không đơn giản là tìm cách làm khác, làm ngược với nhà nước tư bản mà là một mặt tìm ra cái gì chung cần và có thể học tư bản. Đồng thời tìm ra cái tạo thành thế mạnh riêng có của xã hội chủ nghĩa.

Những nước tư bản chủ nghĩa đã phát triển và hệ thống kinh tế tư bản nói chung, so với hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa, do quá trình phát triển lịch sử lâu dài, vốn có trình độ phát triển cao hơn về lực lượng sản xuất, đã tích lũy kinh nghiệm lâu đời trong việc quản lý nhà nước về kinh tế. Ngày nay, trong những nước tư bản chủ nghĩa đã phát triển cũng như đang phát triển, việc quản lý nhà nước về kinh tế ngày càng đạt trình độ và hiệu lực cao do hai nhân tố.

Thứ nhất, là sự phát triển lực lượng sản xuất với trình độ mới về chất nhờ tác động của cách mạng khoa học và kỹ thuật, trong đó khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp với lĩnh vực dịch vụ thông tin.

Thứ hai, là sự phát triển cao của xã hội hóa, quốc tế hóa, gắn liền với trình độ phát triển cao của các quan hệ hàng hóa – tiền tệ.

Hai nhân tố đó đặt ra đòi hỏi, đồng thời tại khả năng nâng cao trình độ và hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế, nhất là tạo khả năng để nhà nước nắm trong tay những công cụ hùng mạnh của kinh tế hàng hóa và khả năng bảo đảm thông tin nhờ lĩnh vực dịch vụ thông tin phát triển.

Ưu việt riêng có của hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa là ngay từ đầu đã có hệ thống chính trị mang tính nhân dân và dân chủ, có uy tín và khả năng rất lớn để động viên và tổ chức nhân dân trong công cuộc xây dựng kinh tế trên quy mô toàn xã hội, với quyết tâm đuổi kịp và vượt tư bản chủ nghĩa. Liên xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác đã có thời kỳ phát triển tăng

trường kinh tế rất nhanh nhờ những nhân tố đó. Bước tiến kỳ diệu của Liên Xô trong thời kỳ chính sách kinh tế mới của V.I.Lê nin là tấm gương sáng về vai trò nhà nước cách mạng với chính sách kinh tế và cơ chế quản lý phù hợp, phát huy được những ưu việt của kinh tế xã hội chủ nghĩa ngay từ bước đầu, trong đó bao hàm việc thừa kế và sử dụng những hình thức kinh tế và cơ chế quản lý của tư bản. Sự từ bỏ chính sách kinh tế mới của Lê nin đã đồng thời đưa tới sự hình thành mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa cộng đồng triệt để, giao nộp cấp phát hiện vật và cơ chế quản lý có kế hoạch tập trung theo lệnh. Chính sách và cơ chế đó được thiết lập gắn liền với quan điểm ấu trĩ “tả” nhân danh cách mạng triệt để: không làm ăn kiểu tư bản, với hy vọng nhờ đó ưu việt hơn hẳn tư bản. Hậu quả là đã thực tế làm cho sự quản lý của nhà nước rơi vào cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, không phát huy được những ưu việt vốn có của chế độ kinh tế - xã hội mới.

Sự phủ định sạch trơn với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa như vậy, hoàn toàn xa lạ với tư tưởng Mác – Lê nin về sự phủ định biện chứng của chế độ kinh tế mới với chế độ cũ. Sự phủ định đó càng sai lầm ở chỗ phủ định mọi thành quả mà loài người đã đạt tới trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Tư tưởng cách mạng ấu trĩ “tả” như vậy, trong nhiều thập kỷ, luôn luôn gương ngon cờ cách mạng triệt để, nhưng thật ra chỉ là nhằm biện chứng và bảo vệ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp. Nó ngăn chwanj mọi sự đổi mới chính sách kinh tế và cơ chế quản lý, đặc biệt kìm hãm đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế bằng những luận điểm hù dọa, răn đe, kết tội, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, đề cao lợi ích cá nhân, chạy theo cơ chế thị trường... Ngày nay, trước công cuộc cải tổ, đổi mới, vẫn còn nghe thấy lặp lại những luận điểm đó. Nhưng tình huống hiện nay đã căn bản khác trước, Chính sách và cơ chế cũ với hệ thống lý luận tương ứng, đã là nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp đưa tới thực trạng kinh tế khủng hoảng suy thoái. Hơn nữa, cũng đưa tới tệ quan liêu hóa

ngghiêm trọng làm hỏng sự quản lý nhà nước về kinh tế theo đúng bản chất vốn có của xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, sự trở lại của tư tưởng chính sách kinh tế mới của Lê nin đã đạt trình độ mới, nhờ thực tiễn kinh tế của nhiều nước tìm tòi kiểm nghiệm, cho phép định hướng đúng đắn công cuộc đổi mới nói chung và đổi mới nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế nói riêng.

Việc quản lý nhà nước về kinh tế theo kiểu xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang đứng trước đòi hỏi bức bách phải được đổi mới, giải thoát khỏi cơ chế tập trung quan liêu bao cấp để tạo ra hiệu lực tích cực trở thành nhân tố cách mạng, thúc đẩy nền kinh tế phát triển với ưu việt vốn có của chế độ kinh tế xã hội mới. Đây đang là khâu quan trọng yếu nhất của công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Việc quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta trong nhiều năm qua, với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, có khuyết điểm chính là trong khi chưa làm đầy đủ chức năng quản lý nhà nước thì đồng thời lại làm thay chức năng của các chủ thể trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh, vi phạm chế độ tự chủ và sự năng động sáng tạo của họ. Từ thực tế đó, với ý muốn bảo đảm chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh, đã có cách nói: chức năng nhà nước quản lý hành chính – kinh tế. Điều đó mang hàm nghĩa nhà nước quản lý cơ bản bằng công cụ hành chính, pháp chế, tương tự trọng tài trên sân bóng. Còn bản thân hoạt động kinh tế là công việc của người sản xuất kinh doanh. Cách hiểu như vậy là thu hẹp, hạ thấp chức năng quản lý nhà nước về kinh tế trong khuôn khổ hành chính, pháp chế. Sự thu hẹp và hạ thấp như vậy, trên thực tế, càng làm cho cơ quan nhà nước mắc kẹt hơn vào việc sử dụng công cụ hành chính, pháp chế một cách đơn thuần và quá mức. Từ đó, càng gây vướng mắc nhiều hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Đồng thời, hiệu lực quản lý của nhà nước cũng suy yếu ngay cả về mặt hành chính pháp chế. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban chấp hành Trung ương (khóa VI) năm 1987, đã đặt vấn đề đổi mới quản lý nhà nước về mặt kinh tế trong quan hệ hữu cơ với việc thực hiện chế độ tự

chủ sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở. Nghị quyết cũng bước đầu xác định nội dung cơ bản của chức năng quản lý nhà nước kinh tế.

Thuật ngữ quản lý nhà nước kinh tế cần được hiểu với hàm nghĩa đây là chức năng quản lý toàn diện, khác biệt với chức năng của chủ thể trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh, nhưng không phải chỉ là chức năng quản lý bằng hành chính kinh tế. Nhà nước quản lý nền kinh tế trước hết bằng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Mọi nhà nước, dù ở mức sơ khởi nhất, đều có chính sách quốc gia. Ở thời đại hiện nay, nhiều nhà nước đã có chiến lược kinh tế xã hội, có chương trình và kế hoạch kinh tế quốc gia với trình độ cao thấp khác nhau./ Hiệu lực và sự sai đúng trong chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, trước hết xét ở sự sai đúng về chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch quốc gia. Có thể nói đây là chức năng chủ đạo, mở đầu trong sự quản lý nhà nước về kinh tế, chức năng định hướng hệ thống mục tiêu và biện pháp bảo đảm về mặt nhà nước.

Với cơ chế đã trở thành truyền thống trong quá trình lâu dài đấu tranh giải phóng và xây dựng đất nước, Đảng ta với tư cách đội tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân và dân tộc, hạt nhân lãnh đạo nhà nước cách mạng, có sứ mệnh và trách nhiệm tập trung trí tuệ và nhân tài của đất nước để xây dựng và đổi mới chính sách xét cả về mặt chính trị và tổ chức cán bộ. Đồng thời, mọi chính sách của Đảng phải được xây dựng và chuyển thành chính sách quốc gia theo nguyên tắc dân chủ., Đại hội lần thứ VI của Đảng đã nghiêm khắc kiểm điểm sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong chính sách và cơ chế quản lý. Đồng thời, Đại hội đã thực hiện bước ngoặt cơ bản trong đổi mới hệ thống chính sách kinh tế. Đó là nhân tố quyết định tạo khả năng để trong những năm sau Đại hội, nhà nước đã từng bước đổi mới việc quản lý kinh tế, trước hết ở việc chuyển và cụ thể hóa chính sách mới của Đảng thành chính sách quốc gia. Trên cơ sở và gắn liền với việc đó, nhà nước cần và chính sách có

thể tác động điều khiển các quá trình kinh tế một cách toàn diện theo ba hướng chủ yếu: tác động hành chính, pháp chế (lập pháp, hành pháp, tư pháp), tác động kinh tế; tác động thông tin: hướng dẫn, chỉ dẫn vv... Nhà nước phát huy tác dụng điều khiển các quá trình kinh tế một cách toàn diện và nhất quán theo hệ thống chính sách mới là nội dung cơ bản của việc đổi mới nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế.

Tác động hành chính – pháp chế là cách tác động mang tính cưỡng chế, là đặc trưng vốn có của sự quản lý nhà nước. Trong quản lý kinh tế, tác động này chỉ có hiệu lực tích cực khi đặt trên cơ sở chính sách kinh tế và cơ chế quản lý đúng đắn, và đặt trong quan hệ gắn bó hữu cơ với tác động kinh tế và tác động thông tin. Tác động kinh tế là cách tác động dựa vào thực lực và công cụ kinh tế. Việc chuyển sang cơ chế mới phải lấy tác động kinh tế là chủ yếu, thay cho cơ chế cũ chủ yếu dựa vào tác động hành chính – pháp chế. Nhà nước ta có khả năng lớn để xây dựng thực lực và công cụ kinh tế, dựa vào đó tác động điều khiển các quá trình kinh tế theo định hướng chính sách và kế hoạch cụ thể là: xây dựng khu vực kinh tế quốc doanh với thực lực đủ mạnh, với cơ chế năng động trên những vị trí then chốt và những khâu quan trọng cần thiết để làm lực lượng chủ đạo định hướng cho các thành phần và hình thức kinh tế khác, xây dựng và sử dụng dự trữ nhân lực, vật lực, tài lực là hình thức tác động kinh tế của nhà nước nhằm bảo đảm khả năng phát triển mạnh và ổn định của nền kinh tế hàng hóa, đặc biệt là công cụ tài chính, tiền tệ là hình thức chủ yếu của tác động kinh tế. Khả năng Nhà nước tác động về kinh tế như vậy gắn liền với sự phát triển kinh tế hàng hóa, đòi lập kế hoạch nhà nước với thị trường, tất yếu đưa tới tác động quản lý chủ yếu theo lệnh gắn với cơ chế giao nộp cấp phát hiện vật. Với cơ chế ấy, không thể điều khiển nổi các quá trình kinh tế nước ta mà trên thực tế đang chuyển mạnh sang nền kinh tế hàng hóa. Hiện nay, chỉ có trên cơ sở nhất quán chuyển sang nền kinh tế hàng hóa, tạo ra hệ thống thị trường

xã hội thống nhất, từng bước gắn liền với thị trường thế giới, chúng ta mới có thể xây dựng khu vực kinh tế quốc doanh vững mạnh và kinh doanh năng động có hiệu quả để đóng vai trò chủ đạo. Trên cơ sở ấy, Nhà nước mới có thể trút được gánh nặng bao cấp, bù lỗ, tạo khả năng huy động và tích lũy vốn, tạo dự trữ mạnh. Điều quan trọng nhất là trên cơ sở ấy, mới có thể tạo ra và sử dụng những công cụ hùng mạnh của chính nền kinh tế hàng hóa – trước hết là công cụ tiền tệ, tài chính, tín dụng – để từ đó điều tiết các quá trình kinh tế hàng hóa, điều tiết thị trường xã hội bằng ngôn ngữ và công cụ của thị trường. Bài toán lạm phát hiện nay thực chất là bài toán ngân sách tiền tệ ở cấp vĩ mô, được đặt ra một cách tất yếu trong quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa và đổi mới quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Chỉ có thể tìm lời giải cho bài toán đó trên cơ sở nhất quán chuyển sang nền kinh tế hàng hóa. Từ đó, đổi mới căn bản cơ chế xử lý ngân sách, tiền tệ, tín dụng theo quan điểm kinh tế hàng hóa, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp trong xử lý ngân sách, tiền tệ, tín dụng, giá cả.

Tác động thông tin là hướng tác động vốn có của quản lý kinh tế xã hội, mà gần đây ngày càng được coi trọng. Ngày nay, người ta coi thông tin là tài nguyên số một, là của cải quý nhất. Dịch vụ thông tin: nghiên cứu sáng chế phát minh, thiết kế công nghệ kỹ thuật công nghệ và quản lý vv đã bắt đầu được xem là lĩnh vực thứ tư trong cơ cấu sản xuất. Đã có vấn đề chủ nghĩa thực dân thông tin, còn cần nói đến chiến tranh thông tin. Trên góc độ lãnh đạo quản lý, người ta coi nắm thông tin là nắm quy quyền. Ai nắm được thông tin thì người đó có uy quyền điều khiển, lãnh đạo quản lý. Đó là uy quyền của trí tuệ. Binh thư có câu: biết mình, biết địch, trăm trận trăm thắng. Điều đó cũng đúng với quản lý nhà nước về kinh tế, trong đó cần thông tin về nội tình, về thị trường, bạn hàng, đối thủ... cần thông tin về thực trạng và dự báo tương lai. Điều đáng tiếc là chúng ta đã chậm trễ trong nhận thức vai trò thông tin trong chính sách cơ cấu và cơ chế quản lý.

Khu vực nghiên cứu sáng chế, nghiên cứu công nghệ kỹ thuật và quản lý vẫn bị coi là phi sản xuất. Do đó, trên mức độ lớn vẫn tách rời với các ngành sản xuất khác, chưa thành dịch vụ thông tin với tư cách bộ phận của cơ cấu sản xuất. Điều đó cản trở xu hướng biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Việc quản lý nhà nước về kinh tế, với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp và bệnh chủ quan duy ý chí, tự nó không những không đòi hỏi mà còn lẫn tránh thông tin khách quan. Khi chuyển sang cơ chế mới, việc quản lý nhà nước về kinh tế ở trong thực trạng rất lạc hậu về bảo đảm thông tin. Thông tin đã bị thiếu lại bị rối loạn. Đó là nguyên nhân trực tiếp cản trở Nhà nước ra quyết định quản lý kịp thời và chính xác. Do bộ máy nhà nước rất yếu về mặt thu thập, lưu trữ và xử lý thông tin, hơn nữa, còn rơi vào tình trạng rối loạn thông tin, cho nên tác động hướng dẫn, chỉ dẫn của Nhà nước với các chủ thể sản xuất kinh doanh rất ít. Người quản lý sản xuất kinh doanh nước ta khi chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh rất ít được Nhà nước chi viện về thông tin, phải tự mò mẫm, rất dễ sai lầm và thất bại, nhất là khi mở rộng hoạt động kinh doanh ra thị trường thế giới.

Nhìn chung, việc quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta trong điều kiện chính sách kinh tế cũ và cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, nhiều mặt không phù hợp với thực tế lịch sử và quy luật khách quan, không tránh khỏi hậu quả tự làm mất hiệu lực. Trong cơ chế cũ, việc quản lý Nhà nước về kinh tế đã tập trung quá mức quyền điều hành vào bộ máy cao cấp và cấp trên với cách điều hành chủ yếu theo lệnh hành chính, cụ thể nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối. Sự quản lý đó ngay cả về tác động hành chính – pháp chế cũng rất đơn giản, yếu kém. Các công cụ kinh tế: kế hoạch, tài chính, tín dụng, giá cả đều bị hành chính hóa với cơ chế thu mua, giao nộp, cấp phát theo lệnh. Tác động thông tin được thay thế bằng mệnh lệnh huân thị theo ý chí chủ quan của bộ máy cấp trên. Đó thực chất vẫn là cơ chế quản lý kinh tế thời chiến, tương tự

quản lý công tác hậu cần quân đội. Từ những sự phân tích trên đây, có thể nói, cuộc đổi mới nhằm nâng cao chất lượng và hiệu lực tích cực của quản lý nhà nước về kinh tế tất yếu đi theo hai hướng lớn: trước hết, đó là việc nhất quán cụ thể hóa và triển khai chính sách mới của đại hội VI thành hệ thống chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch quốc gia. Từ đó và gắn với đó, Nhà nước tác động điều khiển toàn diện.

Chỉ với sự đổi mới nhất quán từ chính sách kinh tế và với tác động toàn diện như vậy. Nhà nước ta với tư cách nhà nước cách mạng, nhà nước nhân dân mới có thể phát huy đầy đủ uy quyền vốn có của mình do nhân dân giao phó, kể từ pháp quyền (lập pháp, hành pháp, tư pháp) đến quyền lực kinh tế và uy quyền thông tin, trí tuệ. Chỉ như vậy, Nhà nước mới có đủ công cụ trong tay để tác động điều khiển hợp quy luật vào các quá trình kinh tế khách quan, tạo thành môi trường sao cho các chủ thể sản xuất kinh doanh vì lợi ích thiết thân mà hoạt động theo quỹ đạo chính sách và có kế hoạch quốc gia. Chỉ như vậy, Nhà nước mới có thể vững tâm từ bỏ cách quản lý điều hành theo lệnh hành chính cụ thể, bảo đảm chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh trước hết cho các tổ chức kinh tế quốc doanh. Đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế như vậy không những không ngăn cản thực hiện chế độ tự chủ của người sản xuất kinh doanh mà còn là điều kiện tối cần thiết để thực hiện đúng chế độ tự chủ đó. Thật vậy, người sản xuất kinh doanh tự chủ, nhất là những tổ chức kinh tế quốc doanh lớn, rất cần đến sự quản lý nhà nước cụ thể là cần sự định hướng chính sách, kế hoạch quốc gia, cần môi trường pháp lý văn minh, cần sự bảo đảm cân đối kinh tế ở cấp chiến lược, sự bảo hiểm của nhà nước trước những chấn động bất thường; và sau cùng cần sự chi viện về thông tin (dự báo, hướng dẫn, chỉ dẫn) trong quá trình phát triển kinh tế quốc tế. Ông cha ta đã cảm thấy sâu sắc vai trò thông tin với châm ngôn: “cho bạc cho vàng không bằng chỉ đường làm ăn”. Tổng quát lại, có thể nói rằng, với chính sách mới về kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế theo Nghị

quyết Đại hội VI và nhiều nghị quyết của Trung ương Đảng, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế không những không hề bị thu hẹp, hạ thấp, mà cần được mở rộng, nâng cao rất căn bản. Sự mở rộng nâng cao đó đòi hỏi bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế phải được cải tổ, tinh giản, nhằm nâng cao trình độ và chất lượng hoạt động để đủ sức gánh vác. Chủ trương của Đảng và nhà nước kiên quyết chuyển hẳn các đơn vị kinh tế cơ sở sang cơ chế hạch toán kinh doanh đã và đang trở thành hiện thực phổ biến, từ đó, tất yếu thúc bách bộ máy nhà nước từ bỏ cách điều hành tập trung quan liêu theo lệnh, phải cải tổ và học tập cách quản lý theo quan điểm mới. Việc nhận thức đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo quan điểm mới là căn cứ định hướng cho cuộc đổi mới bộ máy quản lý.